

Giới thứ 21

ĐEM SÂN HẬN BÁO THÙ SÂN HẬN, ĐEM ĐÁNH TRẢ ĐÁNH

Là Phật tử, không được đem giận trả giận, đem đánh trả đánh, dù cha mẹ, anh em trong lục thân hoặc Quốc chủ bị người khác giết cũng chẳng được báo thù, vì giết sanh mạng để báo thù sanh mạng đó là việc không thuận với hiếu đạo. Không được chứa nuôi tội tử rồi đánh đập mắng nhiếc chúng, mỗi ngày ba nghiệp (thân, khẩu, ý) tạo vô lượng tội lỗi, nhất là khẩu nghiệp, huống gì lại cố làm việc thất nghịch. Nếu xuất gia Bồ Tát mà không có lòng từ bi, cố báo thù, nhẫn đến cố báo thù cho hàng lục thân, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Bị người sân hận đánh đập nhưng không báo thù, thì tránh được cái khổ oán tắng; giận mà không báo thù, tránh được cái khổ oan khiên nhiều kiếp, huống gì Đại sĩ dùng từ tâm nhẫn nhục, chịu đựng, quán tâm bình đẳng, thấy tất cả chúng sanh là người thân của mình không khác. Nếu lấy oán báo oán, thì chẳng phải từ tâm bình đẳng của Đại sĩ; đem sân trả sân bằng cách đánh mắng, thì trái với hạnh vô sanh pháp nhẫn của Bồ Tát.

Giết mạng sống của chúng sanh để báo thù tâm sân hận của mình, đòi đòi như thế, nào có lợi ích gì. Sân hận và oán hận báo oán với nhau, oán ấy đâu có dứt. Phải biết rằng: “Chẳng những chúng sanh trong lục đạo là Cha mẹ ta, mà còn là Phật tương lai.” Nếu giết hại hoặc báo oán thì rất trái với đạo hiếu thuận, thật chẳng phải là Phật tử. Nếu Bồ Tát tại gia thì có khuôn phép Vua, Cha, tự có thể lễ quyền pháp, không can dự gì đến bốn nguyên Tâm địa giới luật. Nhưng khuôn phép lễ giáo ở thế gian cũng không cho phép được báo thù, giết sanh mạng báo thù sanh mạng là vô lý.

Như Vương tử Trường Sanh nhớ lời cha dặn dò, không báo thù giết Phạm Thí Vương, trái lại, Phạm Thí Vương đã cùng với vợ và con gái trở về nước gặp Vương tử Trường Sanh, từ đó họ hiểu ra đồng một cội nguồn, đồng thể thật tướng vô tướng, rồi cả hai cùng sống trong cuộc sống an lạc và hạnh phúc.

Như vậy đủ biết lễ nghi quyền pháp ở thế gian cũng không chỗ nào cho phép báo thù. Người xuất gia đã ngộ được chỗ chơn thật, năng và sở tánh không, tâm địa không hai, đồng một nguồn gốc, thời đâu còn tâm chấp Quyền, Giáo. Nếu trái ngược với nguồn gốc tâm nguyên thì trái với tâm địa, tức là thuận dòng sanh tử trong nhiều kiếp.

Bồ Tát xuất gia còn không nuôi chứa đồ chúng vì ngăn ngại đạo nghiệp tu hành, nên kinh Viên Giác chép: “Phật dạy các Bồ Tát phải ba tháng siêng năng sách tấn tu hành, không phiền đồ chúng.” Còn hàng A La Hán dạy đồ chúng, tất nhiên phải gánh chút phiền não chi phối. Nam Nhạc, Thiên thai có than trách trong Thiết Luân Ngũ Phẩm, huống gì nuôi chứa nô tỳ (hầu gái), khiến cho tăng trưởng ác nghiệp, tổn thương cội gốc từ tâm, trái với đạo giải thoát, gây nên sự chê trách của người khác, làm cho bại hoại chánh pháp, đồng như thế gian thì đâu còn là Thích chủng nữa.

Đánh đập thuộc về thân nghiệp, mắng chửi hủy nhục thuộc về khẩu nghiệp. Khi hai nghiệp thân và khẩu chưa phát, nếu sân tâm khởi trước thì ý nghiệp tạo thành, nên gọi là tội.

Hỏi: Đã nói ba nghiệp, vì sao chỉ nêu khẩu nghiệp?

Đáp: Do tâm khởi sân nên hành động đánh đập, đã đánh đập thì ắt có chửi rủa, hủy nhục. Khi mắng nhiếc và hủy nhục thì lời nói ác từ miệng thốt ra, mắc tội không thể kể xiết, nên nói vô lượng tội là vậy. Trong Giới Kinh, đối với hàng Thanh văn, trước hết Đức Như Lai cũng răn nhắc khẩu nghiệp, vì trong ba nghiệp thân, khẩu, ý thì khẩu nghiệp quan trọng nhất.

Các lỗi như đây đều do nuôi chứa tội tứ và nô tỳ, đánh mắng hủy nhục họ, Phật còn không cho, huống chi tạo tội thất nghịch ư? Phải biết đây là lời dụ, nêu giới trọng để răn nhắc tội khinh.

Phật dạy: “Bồ Tát tại gia được phép nuôi chứa tội tứ, nô tỳ, nhưng không được vô cớ đánh đập mắng nhiếc, hủy nhục họ, làm tăng trưởng ác nghiệp cho mình, kết thêm oán thù cho người khác, đối với tâm địa giới thật có phần thiếu sót sai trái vậy. Nếu đem tâm từ bi để chiết phục, đúng lý mà dạy bảo, thì đây là phương pháp quyền xảo để thích nghi hóa giáo của bậc Đại sĩ, là phương tiện nhiếp thọ.

Tóm kết văn trên, rõ ràng chẳng phải Đại sĩ tại gia mà là Bồ Tát xuất gia, không phân biệt lớn nhỏ, thân sơ, tất cả đều không được báo thù.

Bồ Tát ban ân huệ cho người, nếu thấy người vì oán báo thù, phải dùng từ tâm khuyến hóa họ, để cho họ phát khởi tâm lành với kẻ thù. Nếu bị hủy nhục, phải tự nghĩ rằng, ta đã gieo túc nghiệp đời trước, nên nay phải cam nhận quả báo này, tâm vui vẻ gánh chịu, đó là phương thuốc diệt oan nghiệt đời trước, huống gì ta là người hành đạo Bồ Tát, phải chịu thay tất cả khổ nhục cho chúng sanh. Nếu khởi niệm báo oán, chẳng những mất hạnh nguyện giác ngộ giải thoát mà còn phải sa vào tam đồ ác đạo, chịu bao thống khổ không có ngày ra khỏi.

Lại nữa, phải hiểu thân tâm ngũ uẩn của ta đây, không có ngã và ngã sở, vậy thì ai là người chịu hủy nhục?. Khi Bồ Tát khởi tâm quán tưởng như thế, tự nhiên đạo lực Bồ Tát càng thêm vững chắc như núi Tu Di, tám thứ gió không làm lay động, cũng như hư không, không bị ngũ sắc làm ô nhiễm.

Đại Luận ghi: “Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, dù cho chúng sanh sanh tâm không chịu nhận sự giáo hóa này, ngược lại còn sân hận với Bồ Tát thì Bồ Tát phải nghĩ mình như bậc Đại Y trị bệnh quý cho chúng sanh. Chúng sanh được trị bệnh không biết ơn, ngược lại còn mắng nhiếc thầy thuốc, nhưng thầy thuốc không trách người bệnh. Nếu mình cũng sân

hận như họ, thì phải biết người này đã bị quỷ sai sử. Bồ Tát cũng vậy, thường biết các chúng sanh bị quỷ sai khiến.

Kinh Hải Ý chép: “Phật dạy Hải Ý rằng: Giả sử có người dùng ác tâm sân hận đến mắng nhiếc hủy nhục Bồ Tát, Bồ Tát phải nghĩ rằng: Người này lười biếng xa lìa tịnh pháp. Ta nay phát khởi lòng tinh tấn cho họ, khiến họ siêng năng tu tập, trông các gốc lành, đừng sanh tâm nhàm chán, nguyện cho họ ngồi Đạo tràng trước, rồi sau mình mới thành bậc Chánh giác. Cho đến ta nương vào pháp này, thì cái gì là sân? Cái gì không phải là sân? Quán sát cả hai tất cả đều không nắm bắt được. Lại nữa, sân hay không sân, dù mình hay người, đều không có tự thể, đều bất khả đắc, nếu lìa được cái thấy này, mới gọi là nhẫn. Bồ Tát được như thế mới là quán được oán thân bình đẳng, oán thân đã bình đẳng thì đâu còn tâm thù hận nữa.”

Giới thứ 22

TÂM KIÊU MẠN KHÔNG THỈNH PHÁP

Nếu Phật tử mới xuất gia, chưa thông hiểu kinh luật mà tự ý mình là trí thức, thông minh, hoặc ý mình là cao quý, lớn tuổi, hoặc ý mình là dòng sang, hoặc ý mình học rộng, phước nhiều, giàu có, v.v... rồi sanh lòng kiêu mạn không chịu học kinh luật với các vị Pháp sư học đạo trước mình. Vị Pháp sư ấy hoặc là dòng hèn, con nhà hạ tiện, tuổi trẻ, nghèo nàn, hèn hạ hay có tật nguyên, nhưng lại thật có đức hạnh, do thông hiểu nhiều kinh luật, hàng tân học Bồ Tát không được nhìn vào dòng giống vị Pháp sư mà không chịu đến học hỏi kinh luật Đại thừa với vị ấy, Phật tử nếu như vậy, thời phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Ôm lòng kiêu mạn, buông lung phóng túng, nên không kính người; ý mình thông minh có trí tuệ, nên không thỉnh pháp là tự đánh mất lợi mình, lại thiếu mất sự lợi ích của việc giáo hóa người khác.

Người mới xuất gia không biết pháp kính người; chưa thật khế ngộ. Do ỷ lại bảy việc sau nên sanh tâm kiêu mạn:

1. Ỡ thể trí thông minh
2. Ỡ địa vị cao quý
3. Ỡ tuổi tác cao
4. Ỡ thầy biết rộng
5. Ỡ dòng họ sang
6. Ỡ phước đức lớn
7. Ỡ giàu sang phú quý.

Nên tâm ngã mạn dựng cao như núi, trở ngại việc tấn tu, vì thế có những kẻ học rộng hiểu nhiều nhưng chẳng có chút thay đổi, đến nỗi đánh mất sự lợi ích của việc tu học.

Kinh Hoa Nghiêm chép: “Thiện nam tử ! Bồ Tát nhờ Thiện tri thức chỉ dạy, không bị đọa vào ác thú, nhờ Thiện tri thức dẫn dắt mà ra khỏi thế gian, nhờ nương vào đạo Giác ngộ của Thiện tri thức mà diệt sạch nghiệp chướng, ra khỏi thành trì sanh tử, đến chỗ thanh tịnh an vui. Nhân đến tự thân khởi tướng bệnh khổ, đối với Thiện tri thức, khởi tướng là vua thuốc của mình, tùy theo sự dạy bảo, khởi tướng đó là vị thuốc hay, nên tu chánh hạnh, diệt trừ những bệnh tướng ấy.

Kinh Đại Thừa Tứ Pháp chép: “Các vị Tỳ kheo hết tuổi thọ, nhân đến gặp nhưn duyên tán thân mất mạng, quyết định không được xa lìa Thiện tri thức.” Thiện tri thức, là người rành thông Ba Tạng, liễu đạt tâm tông, biết rõ chơn vọng, biết bệnh biết thuốc, điều trị vô số bệnh cả thân và tâm của chúng sanh.

Tất cả kinh luật của Đại thừa Bồ Tát đều là lý trung đạo tối thượng thâm thâm, dứt bật có và không, chẳng phải một, chẳng phải khác, chân thật không dối, không pháp nào vượt hơn pháp này, lời hay ý đẹp, đó là Đệ nhất Nghĩa đế. Hàng Tân học không biết, liền tự cao ngạo mạn, dựa vào bảy hoàn cảnh trên, sanh tâm kiêu ngạo. Đem dòng họ hèn so sánh với cao quý, đem tuổi nhỏ so sánh với trưởng lão kỳ túc, đem gia thế nghèo

nàn so sánh với cao sang, đem hạ tiện so sánh với quý tộc, đem các căn khiếm khuyết so sánh với bậc Đại thông minh trí tuệ, đem cái hiểu biết toàn vẹn so sánh với cái chưa hiểu, trong bảy hoàn cảnh ấy, so sánh bất kỳ một việc trong đó rồi sanh tâm kiêu mạn, không đến tham vấn học hỏi với người trước, đánh mất lợi ích lớn, nên phạm.

Kinh Đại Bát Niết Bàn chép: “Có các Bồ Tát khinh các Bồ Tát khác, dù chỉ một niệm nhưng phải trải qua một kiếp, xa nơi Phật đạo, lại trải qua một kiếp nữa mới tu lại Phật đạo”. Bởi vậy, không nên tự cao, mà cũng không nên hạ nhục người khác.

Kinh Trì Địa chép: “Bồ Tát theo Thiện tri thức nghe thọ kinh pháp, đối với người thuyết pháp, có năm chỗ không nên để tâm nhớ nghĩ mà phải tịnh tâm lắng nghe:

1. Không nghĩ nhớ người phá giới, nghĩa là không nghĩ rằng: “Đây là người phạm Luật nghi, không nên theo họ thọ kinh pháp.”
2. Không nghĩ họ là dòng họ hèn, nghĩa là không nghĩ rằng: “Ta không theo người dòng họ hèn lãnh thọ kinh giáo.”
3. Không nghĩ nhớ người kia xấu xa thô bỉ, nghĩa là không nghĩ rằng: “Ta không theo người xấu xa bỉ ổi để nghe thọ kinh pháp.”
4. Không nghĩ nhớ người kia không nói đúng kinh điển, nghĩa là không nghĩ rằng: “Ta không theo người không chánh ngữ (nghĩa là lời nói không chánh, không thông suốt nghĩa lý) để lãnh thọ kinh pháp, chỉ nên y theo nơi nghĩa, không y vào pháp vị.”
5. Không nghĩ nhớ lời hay, nghĩa là không nghĩ rằng: “Ta không theo người nói năng không hay để nghe kinh pháp.”

Năm trường hợp như thế, không nhớ nghĩ, Bồ Tát này siêng năng nhiếp trì chánh pháp. Đối với người thuyết pháp, không khởi ra tướng hiềm khích. Nếu là Bồ Tát hạ căn, khởi tâm thấy lỗi người rồi sanh tâm thôi

lui, không thích nghe pháp, thì Bồ Tát này không có khả năng tự độ, trí tuệ bị mai một.”

Kinh Trang Nghiêm Bảo Vương chép: “Ngài Trừ Cái Chướng Bồ Tát bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, con nay phải dựa vào đâu để được sáu chữ Đại Minh Đà La Ni? Phật dạy: Ở Đại thành Ba La Nại có một Pháp sư, thường khởi ý thọ trì khóa tụng sáu chữ Đại Minh Đà La Ni. Pháp sư đó khó có thể gặp được, ông gặp Pháp sư ấy phải như gặp Như Lai không khác, cho đến không được khinh mạn, sanh tâm nghi ngờ, thối thất tâm địa Bồ Tát của ông, vì Pháp sư ấy đã khuyết phạm giới hạnh, có vợ có con, đại tiểu tiện lợi, làm như nhớp Cà sa, không còn chút oai nghi. Khi ấy, ngài Trừ Cái Chướng Bồ Tát lãnh thọ lời Phật dạy, rồi liền cùng với vô số Bồ Tát đem lọng trời và các thứ phẩm vật đến để cúng dường vị Pháp sư, cầu xin sáu chữ Đại Minh Đà La Ni.” Bởi vậy hễ cầu pháp, không nên tự thị, nếu thấy lỗi của Pháp sư mà sanh tâm khinh mạn, biếng nhác, thì tự mình chuốc lấy quả báo không như ý.

Kinh Viên Giác chép: “Phật bảo Bồ Tát Phổ Giác rằng: “Này thiện nam tử, chúng sanh ở đời sau, muốn phát đại tâm cầu Thiện tri thức, muốn tu hành thì phải tìm cầu các vị chánh tri kiến, tâm không trụ tướng, không đắm trước cảnh giới của Thanh văn Duyên giác, mặc dầu hiện thân trong cõi trần lao mà thường thanh tịnh, thị hiện có lỗi lầm nhưng tán thán phạm hạnh, không khiến cho chúng sanh rơi vào cảnh giới không luật nghi. Cầu được người như thế, liền thành tựu Vô thượng Bồ đề. Chúng sanh ở đời sau, thấy người như thế phải nên cúng dường, không tiếc thân mạng, nhẫn đến thị hiện các thứ lỗi lầm, đối với các vị thiện hữu kia, ta không khởi ác niệm, liền thành tựu chánh giác cứu cánh, hoa tâm phát sáng chiếu khắp mười phương cõi nước.”

Kinh Sớ ghi: “Bồ Tát hóa hiện, quyền cơ khó lường, hoặc làm lợi ích, hoặc có duyên sai biệt, việc làm tuy trái với oai nghi, thế trái với chơn giáo, chỉ có chê mình, làm việc không chánh, chứ không được vẽ thêm cái không chơn chánh để nói lý, làm làm lạc phạm phư. Đây không đồng với bọn người tà; tự tạo các lỗi, lại nói những việc chẳng phải phạm hạnh cho là chơn thật, khiến cho vô lượng người rớt vào đường

hiếm. Vì đồng sự nhiếp, tuy hiện các lỗi mà thường tán thán phạm hạnh chơn thật. Nên trong Luận ghi: “Người phá kiến, dù không phá hạnh cũng không được làm người có đạo nhãn cho chúng sanh. Người phá hạnh nhưng không phá kiến là bậc phước điền thù thắng cho trời người.” Song làm thầy thì khó, làm đồ chúng cũng không dễ, chớ theo lời răn nhắc này mà lầm lẫn kính trọng người dối trá, mình mù mờ chánh đạo, lại bắt người khác tuân theo. Lại nữa, nếu đem thuốc này trị bệnh cho đồ chúng, thì ông thầy chớ cho uống càn, vì uống vào càng tăng thêm bệnh, thì không có thuốc nào trị lành bệnh ấy, dụ như lấy trói mở trói, thật là vô lý.

Nếu đề tâm lầm kính kẻ dối trá, thì có khác gì kính con vượn như là Đê Thích ư ? Nhận càn pháp kia không khác gì nhận ngói gạch làm vàng ròng, chưa đủ huệ nhãn, ai soi xét phải quấy ? Phải chọn lời nói chơn chánh, chớ thọ nhận lời nói dối gạt kia, một niệm đã sai, ngàn đời đi lầm, như kinh đã nói, phải tự răn nhắc, chớ để ngày sau, hối cũng không kịp.

Giới thứ 6 không cung cấp thỉnh cầu pháp, giới thứ 7 biếng nhác không chịu nghe pháp, giới này Phật răn dạy không nên kiêu mạn mà không thỉnh pháp. Nếu tâm kiêu mạn, biếng nhác, không kính, không nghinh tiếp, biếng nhác thấy lỗi người ấy, không chịu đến thưa hỏi, cùng đồng như giới này.

Giới thứ 23

KHINH NGẠO KHÔNG TẬN TÂM DẠY

Là Phật tử, sau khi Phật nhập Niết Bàn, nếu có tâm tốt muốn thọ giới Bồ Tát, thì đối trước tượng Phật và tượng Bồ Tát mà tự nguyện thọ giới. Nên ở trước tượng Phật và tượng Bồ Tát sám hối trong bảy ngày, hễ thấy được tướng hảo tức là đắc giới, nếu chưa thấy tướng hảo thì phải sám hối 14 ngày hoặc 21 ngày, cho đến cả năm, cầu thấy tướng hảo, khi thấy tướng hảo rồi thì được đối trước tượng Phật và Bồ Tát mà thọ giới, nếu chưa thấy tướng hảo thời dầu có đối trước

tượng Phật, tượng Bồ Tát thọ giới, vẫn không gọi là đắc giới. Còn nếu đối trước vị Pháp sư đã thọ giới Bồ Tát mà thọ giới thì không cần thấy tướng hảo, tại sao vậy? Vì vị Pháp sư ấy là chư Sư truyền giới cho nhau, nên không cần thấy tướng hảo, hễ đối trước vị Pháp sư ấy mà thọ giới thì liền đắc giới. Do vì hết lòng kính trọng nên đắc giới, nếu ở trong vòng ngàn dặm mà không có giới sư truyền giới, thì Phật tử được phép đối trước tượng Phật và Bồ Tát mà tự nguyện thọ giới Bồ Tát nhưng cần phải thấy tướng hảo.

Nếu các vị Pháp sư y mình là thông rành kinh luật cùng giới pháp Đại thừa, kết giao với Vua, Quan, Thái tử, v.v..., khi có hàng tân học Bồ Tát đến cầu học nghĩa Kinh, Luật, người ấy sanh ác tâm khinh chê, cậy mình hiểu biết, y thế khinh người, diễn nói pháp tướng một cách đảo điên, nhận chìm nghĩa lý Kinh, Luật, thì người này quả thật trái với phép tắc dạy bảo của bậc Đại sĩ, không chịu tận tâm chỉ bảo, vị này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Y thông kinh luật, cậy thế lực khinh người, rồi nói lời điên đảo, tránh nói pháp tướng làm khuất lấp nghĩa lý kinh luật, thật rất trái với phép tắc phạm huấn đạo của Đại sĩ.

Đức Như Lai đã dứt hết đại hoạn của sanh tử, vượt khỏi bốn dòng, hóa độ tất cả chúng sanh hữu duyên, trở về chơn tế, nên nói là “*diệt độ.*”

Hảo tâm, nghĩa là trên cầu diệu đạo Vô thượng của chư Phật, dưới giáo hóa chúng sanh, khiến cho họ phát Bồ đề tâm.

Tự thọ giới, nghĩa là ở trong vòng ngàn dặm không có người có trí tuệ và đạo lực, có khả năng hiểu và truyền trao giới pháp, mới cho phép người này ở trước tượng Phật và Bồ Tát phát nguyện sám hối tội lỗi ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai), chùng nào thấy được tướng hảo đúng như pháp mà tự thọ. Nếu chưa thấy tướng hảo thì càng phải hổ thẹn,

không ngớt trách mình, buồn tủi rơi lệ, lại phải sám hối 21 ngày cho đến một năm, đến khi thấy được tướng hảo mới thôi. Khi thấy được tướng hảo rồi, đúng như pháp ở trước Phật và Bồ Tát mà thọ giới, nếu không biết pháp thọ giới thì không do đâu đắc giới.

Tướng hảo, nghĩa là trong lúc sám hối hoặc khi ngồi thiền hoặc trong chiêm bao, thấy hoa, thấy hào quang, hoặc thấy Phật và Bồ Tát xoa đầu. Như Luật sư Chân Biểu, chí tâm cầu giới pháp, thệ nguyện tha thiết mong được Đức Di Lặc đích thân trao giới, Ngài liền lên núi, ngày đêm thành tâm sám hối, trải qua 21 ngày thấy Bồ Tát Địa Tạng hiện thân, tay cầm tích trượng, sách tấn cho Ngài trước khi thọ giới cần phải gia tâm tinh tấn hơn nữa. Đến ngày thứ 14, thấy có Đại ác quỷ từ trên núi cao nhảy xuống đứng ở chân núi, tướng quỷ hung dữ, ngầm ý bảo Ngài tinh tấn hơn nữa. Đến ngày thứ 21, Ngài thấy núi sông bằng phẳng, biến thành thế giới màu bạc, Bồ Tát Di Lặc dung nghi khả kính đi vòng quanh xoa đánh nói rằng: “Lành thay Đại trượng phu, cầu thọ giới Pháp như thế, núi Tu Di có thể hoại, tâm ông trọn không thối thất. Phật Di Lặc đích thân trao cho Ngài 3 y và bình bát để làm biểu tượng truyền trao giới pháp, rồi ban cho Ngài hiệu là Chân Biểu.

Thiền sư Nam Nhạc Huệ Tư năm mộng thấy 42 vị Phạm Tăng, hơn nữa lại tác pháp yết ma cho thọ cụ túc giới.

Xưa, Sa môn Đạo Tấn cầu Pháp sư Đàm Vô Sấm, thọ Bồ Tát giới, ngài Vô Sấm nói: “Ông hãy về sám hối tội lỗi đi.” Đạo Tấn về chí thành sám hối tội lỗi 7 ngày 7 đêm xong, trở lại cầu giới. Đàm Vô Sấm nổi giận. Đạo Tấn suy nghĩ: “Hình như nghiệp chướng của mình chưa hết.” Đạo Tấn lại trở về sám hối trong 3 năm, mộng thấy đức Thích Ca cùng các vị Bồ Tát truyền trao giới pháp cho. Hôm sau, Đạo Tấn đến chỗ Đàm Vô Sấm, muốn kể lại điềm mộng đã thấy. Còn mấy mươi bước nữa mới đến, thì Đàm Vô Sấm kinh ngạc đứng dậy nói: “Lành thay! lành thay! ông đã đắc giới rồi, Ta sẽ vì ông tác chứng”, nói rồi Đàm Vô Sấm đối trước tượng Phật thuyết giới tướng. Sau đó có hơn ngàn người theo Đạo Tấn thọ giới. Cách truyền trao giới pháp này được lưu truyền cho đến đời sau, đều theo quy tắc của Đàm Vô Sấm. Lúc bảy giờ, con của Hà

Tây Vương là Thư Cừ Mông Tôn, tên Cảnh Hoàn, tôn Đạo Tấn làm thầy, sau thỉnh Đạo Tấn đến nước Cao Xương. Gặp năm mất mùa, dân chúng đói khổ, Đạo Tấn cắt thịt mình để cứu đói cho dân, sau đó Ngài tịch.

Người đời xưa cầu giới bị quở trách nhằn đến gặp phải tướng ma đáng sợ, nhưng ý chí không thối thất mà càng thêm tinh tấn, chí thành trong 3 năm mà không sanh một niệm mỗi mệt, nên nhận được sự cảm ứng lạ kỳ, như vang theo tiếng. Người đời nay cầu giới, nếu giới sư vấn nạn, hoặc khuyên tấn một lời, thì liền sanh tâm sân hận, phủi áo đi thẳng. Làm như vậy, chẳng những đánh mất đi lợi ích của giới cho bản thân, mà còn chuốc lấy tội khinh khi. Thời nay, có những người theo thầy thọ giới xong, liền bỏ thầy đi biệt, thì làm sao còn thân cận thầy mà học hỏi. Có thọ nhưng không hành trì, thì khác gì bám cái phao rách bơi qua biển khổ.

Tướng hảo: Tướng có tà và chánh, ma sự thì rất nhiều, chưa dễ gì phân biệt được, cần phải khéo thâm xét cho kỹ lưỡng, không nên khinh suất nhận càn, cho là tướng hảo. Hàng Bồ Tát từ sơ địa đến thập địa, mà ma quỷ còn trá hiện thân Phật thọ ký cho họ, thì phàm phu ở đời mặt pháp đâu thể không thận trọng!

Chư Sư truyền trao nghĩa là đức Xá Na trao cho Đức Thích Ca, Thích Ca trao cho Di Lặc, như thế hơn 20 vị Bồ Tát lần lượt truyền trao cho nhau nối tiếp đến nay, như đèn này nối tiếp đèn kia, cho nên không mượn tướng hảo mà mỗi người thấy khác nhau. Tuy giới do tâm phát nhưng cũng phải nhờ thầy truyền mới được, bởi vậy không có thầy truyền tự thọ rất khó, chẳng khác nào mài cây lấy lửa, sức lực hao mòn mà chẳng được lửa. Có thầy truyền trao thì dễ, như đèn nối đèn, ngọn lửa chẳng dứt, không cần nhiều sức, cho nên sự tương quan giữa thầy và trò quả thật không nhỏ. Nhưng trong thời mặt pháp, ông thầy biết pháp quả thật là khó gặp, giả như được gặp, ắt phải chí thành, sanh tâm kính trọng, tưởng như khó gặp, thờ kính như Phật, mới hay phát được tâm địa đại giới. Nếu gặp thầy truyền giới không chân thật, cũng như đèn bị tắt,

người thọ giới, dầu có thọ cũng không đắc giới, trái lại còn mắc lỗi giả danh, kẻ trao, người thọ đều mắc tội, không thể không cẩn thận dè dặt.

Hỏi: Tuy không đắc giới nhưng người thọ giới chí thành, lẽ đâu không được chút lợi ích.

Đáp: Nếu hành giả chuyên tâm hành trì, không phạm, thì cũng cảm nhận được cái thiện của giới, hành thập thiện tuy không biết cách thọ mười pháp thiện nhưng cũng được phước, không được làm thầy truyền giới cho người khác. Như người nhận làm sắt làm bạc, chì làm vàng, ưa thích giữ gìn, cũng không phải hoàn toàn vô ích, cũng có thể đổi chác được một cái áo hay một bữa ăn, chỉ không được khẳng định nói với người đây là vàng bạc thật mà thôi. Nếu trong ngàn dặm có minh sư thông rành giới luật, mà khinh mạn biếng nhác bỏ qua, không đến cầu thọ giới mà tự thệ thọ giới, thì không đắc giới. Giả sử thấy được tướng hảo, cũng chỉ là cảnh ma. Như Ngài Chân Biểu không có thầy mà tự thọ là biểu trưng cho tâm vững chắc. Như Ngài Đạo Tấn có thầy truyền trao là biểu trưng cho tâm chí thành, đó gọi là kim chỉ nam cho muôn đời, phép tắc hay của ngàn xưa. Huống gì Ngài Đàm Vô Sám, từ xưa người ta đã nghi Ngài là Bồ Tát Y Ba Lạc, ứng tích, thác hóa truyền đến cõi này, đã là Bồ Tát ứng tích, vẫn còn khuyên Đạo Tấn chí thành tấn tu trong 3 năm, vậy có thầy truyền trao còn phải thấy tướng hảo, mới cảm nhận được lợi ích lớn, còn như không có thầy mà tự thệ thọ giới, lẽ đâu dễ ư? Nay người cầu thọ, không luận là phải hay quấy, được hay mất, không lựa bậc minh sư, thầy đã không biết pháp luật, thì làm sao khai phát đạo tâm, lấy gì để răn dạy hai đường tội hay phước. Phương pháp sám hối nghiệp chướng lỗi lầm oan khiên, khiến cho thân tâm thanh tịnh, mới kham lãnh thọ tịnh giới, nên Di Lạc Bồ Tát giao cho Ngài Chân Biểu 108 cái thẻ, dạy cho người đến cầu giới trước tiên phải sám hối, mãn đủ kỳ hạn bỏ một thẻ xuống, để nghiệm xem tướng phiền não tội đã diệt hay chưa. Phải biết Đàm Vô Sám khuyên Đạo Tấn tu tập trong 3 năm, pháp tự nhiên đến, trước Thánh sau Hiền, đồng một khuôn phép.

Nên Kinh Anh Lạc chép: “Nếu người muốn đến thọ giới, vị Bồ Tát pháp sư trước phải giảng nói cho họ hiểu ý nghĩa đọc tụng, khiến cho người đó được tâm khai ý giải, sanh tâm ưa thích, rồi sau trao giới cho họ. Người thọ giới, vào cảnh giới của chư Phật, chư Bồ Tát, vượt khỏi khổ 3 kiếp sanh tử, vì thế nên thọ. Lại nữa, người thọ giới pháp này đã vượt khỏi tứ ma, vượt khổ trong 3 cõi, từ đời này đến đời khác, không mất giới này, thường tùy niệm tu hành, cho đến thành Phật. Kinh Bồ Tát Ưu Bà Tắc Ngũ Giới Oai Nghi chép: Có hai việc làm mất giới Bồ Tát:

1. Xả nguyện Bồ đề
2. Tăng trưởng tâm ác

Ngoài hai việc này, nếu xả bỏ thân, giới tâm trọn không mất, từ đây về sau, sanh bất cứ nơi đâu vẫn thường có giới này. Nếu tâm không nghĩ nhớ, lại được gặp thiện hữu thọ giới, không gọi là tân học, như kinh đã ghi: “Nên biết đại giới của Bồ Tát, có pháp thọ mà không có pháp xả, người trao và thọ cần phải thận trọng.”

Kinh Anh Lạc chép: “Pháp sư hay ở trong tất cả cõi nước, giáo hóa mọi người xuất gia thọ Bồ Tát giới, vị Pháp sư này tạo phước thù thắng hơn xây 84000 tháp, hưởng gì lại có hai người, ba người cho đến trăm ngàn người, phước quả ấy không thể tính kể.”

Trước khi cầu thầy thọ giới, phải sanh tâm chí thành cẩn trọng, kính Sư như kính Phật, như tìm cầu Đại Bảo Ma Ni, tâm không nhằm chán mệt mỏi. Khi được của báu rồi, phải trân trọng giữ gìn bảo hộ.

Người làm bậc thầy mô phạm cho người khác, phải dùng tâm từ bi xem người cầu pháp như đứa con đỏ, phạm có thưa hỏi điều gì, mỗi mỗi đều chỉ bày, khiến cho họ sanh tâm vui mừng, không nên trong lòng ý vào năng lực học hỏi, hiểu biết, khinh người mới học, không thật tâm trả lời; ngoài thì tự thị chỗ giao thiệp có thể lực, địa vị để khinh mạn người, không đáp lại sự học hỏi của người khác.

Tâm khinh khi tức là coi thường người khác. Tâm ác tức là không có lòng từ tiếp vật, tâm ngã mạn tức là ý mình lấn hiếp người khác, do 3 tâm này nên không ưa trả lời, hoặc đối với đồ chúng của mình thì hết lòng, còn đối với đồ chúng người khác thì trả lời không rõ ràng, thật chẳng phải là đạo làm thầy trái với đại tâm bình đẳng.

Nếu biết người đến thưa hỏi có ác kiến, đến để tìm lỗi quấy, không đáp thì không thể điều phục họ được, hoặc người không kính thuận đại thừa, hoặc căn tánh ám độn, nghe giáo pháp thâm sâu, ngược lại sanh tâm tà kiến, hoặc nghe rồi nói lại cho người ác để phá hoại chánh pháp, những người như thế đến thưa hỏi, không đáp cũng không phạm.

Giới thứ 24

KHÔNG TU HỌC ĐẠI THỪA

Nếu Phật tử, có kinh Luật Đại thừa, chánh kiến chánh tánh, chánh pháp thân, mà không chịu siêng năng tu tập, lại bỏ 7 của báu, học theo tà kiến, những sách thế tục như A Tỳ Đàm, Tạp Luận, tất cả sách vở của ngoại đạo Nhị Thừa, đó là đoạn dứt Phật tánh, là nhơn duyên chướng đạo, chẳng phải thật hành đạo Bồ Tát, nếu cố làm như vậy, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Kinh luật của Phật là nói chung cho giáo pháp Đại thừa Bồ Tát tạng, rõ ràng chẳng phải kinh luật Tiểu thừa, cho nên gọi là *Pháp Đại thừa*.

Chánh kiến là kinh luật Đại thừa, vốn đủ những kiến giải màu nhiệm phát xuất từ bốn nguyên tâm địa.

Chánh tánh là do đủ chánh giải của tâm địa, nên khế hợp với nhơn màu nhiệm của tâm địa, chính là Phật tánh của Xá Na.

Chánh pháp thân do ngộ được Phật tánh của Xá Na, đó là tự tánh của ta, rồi tu lục độ, vạn hạnh, hạnh giải tương ưng, sự lý viên dung, chứng thể vi diệu của quả đức chơn thường, đây gọi là *chánh pháp thân*. Chánh nhơn, chánh quả của kinh luật Đại thừa như thế mà không khuyến hóa họ tu tập, ấy là đại sĩ tự mê mất chánh hạnh, đi vào đường tà.

Vàng bạc bầy báu, thế gian cho là rất quan trọng, có thể giúp hết được sự nghèo khổ, khiến cho thân tâm an lạc. Nay giáo pháp Đại thừa tâm địa này, đối với các pháp là trân quý thứ nhất, hay trừ khổ não cho chúng sanh, làm cho họ được pháp tài công đức, trang nghiêm thân Xá Na vạn đức, nên dụ như của báu.

Tà kiến, nghĩa là tất cả sách vở của Nhị thừa ngoại đạo, không có chút chánh giáo về tâm địa, nên nói là tà kiến. Nhị thừa có tà kiến thiên không, ngoại đạo có tà kiến vọng chấp mê lầm. Sách vở thế tục có tà kiến bác không như quả ba đời.

A Tỳ Đàm, Trung Hoa dịch là Vô Tỷ Pháp, đây thuộc luận Tiểu thừa, gồm có vài trăm quyển.

Tap luận, là tất cả các bộ luận Tiểu thừa và các bộ luận như Tăng Khư, v.v.... của ngoại đạo.

Bách luận chép: “ 96 đạo đều không thể hiểu được thật tướng các pháp, nên thuận với đạo của Thanh văn, đều thuộc là tà (95 thứ đạo cộng với Tiểu thừa giáo thành ra 96).”

Đoạn dứt Phật tánh, nghĩa là Nhị thừa chấp không, mà không có chánh nhân tâm địa, nên mất quả đức thành Phật. Ngoại đạo lầm chấp Đoạn, Thường rồi mê mất chánh giáo, trung đạo, là đoạn mất chủng tánh chánh giác. *Nhơn duyên chướng đạo* là do tâm chấp tà kiến làm nhơn, làm tu tà hạnh làm duyên, vì thế ngăn lấp Đại thừa chánh đạo, vĩnh viễn mê mất bản nguyên tâm địa. *Chẳng phải hành Bồ Tát đạo*, nghĩa là Nhị thừa chỉ lo tự lợi còn ngoại đạo thì vào đường tà.

Những sách vở thế tục, gồm tất cả sách vở thư tục, truyện ký của thế gian. Thiên Trúc có những luận ký như : Tất Đàm Chương, Tỳ Già La, Ngũ Minh, v.v... , Trung Hoa thì có Kinh Sử và Bách Gia Chư Tử. Đây là những sách trị đời, đều chẳng phải là phương thức thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh của bậc Đại sĩ, mà phải tu lục độ vạn hạnh.

Kinh Bồ Tát Ưu Bà Tắc Ngũ Giới Oai Nghi chép: “Bồ Tát có kinh tạng của Phật, không siêng năng học mà lại đi học sách vở của thế tục ngoại đạo, là phạm khinh cầu tội.” Kinh Bồ Tát Giới Bản chép: “Đối với sách vở của ngoại đạo tà luận mà Bồ Tát mê đắm không bỏ, không khởi tâm tưởng là độc hại, như thế là phạm. Nếu học Tiểu thừa để trợ giúp cho Đại thừa, mục đích là muốn dẫn dắt hàng Nhị thừa, khiến cho họ hướng đến Đại thừa, thì không phạm.”

Bồ Tát Thiện Giới Kinh chép: “Vì bàn luận nghĩa lý, để phá tà kiến, biết sách vở ngoại đạo là hư dối không thật, Phật pháp thì chơn thật, vì muốn biết thế sự thì không phạm.

1. Trước trái với giới Đại thừa, hướng đến giới Tiểu thừa, chí hướng trái ngược, nên cấm.
2. Tịch giáo giới, do họ đem tâm sân ác dạy, khiến người khác có tâm thiên lệch, nên cấm.
3. Nay an nhiên học theo Tiểu thừa, không nghĩ đến Đại thừa, nên cấm.
4. Sau đó tạm nhớ nghĩ đến giới, từ đó mà biết và học theo Đại thừa thì không nên khởi một niệm tự độ, nên cấm.

Nghĩa sai khác của 4 giới này không thể không biết.

Giới thứ 25

TRI CHÚNG VỤNG VỀ

Nếu Phật tử, sau khi Phật nhập diệt, làm pháp sư, giảng sư, luật sư, thiền sư, thủ tọa, tri sự, tri khách, phải có lòng từ bi khéo hòa giải trong chúng, khéo giữ gìn tài vật của Tam bảo, chớ tiêu dùng vô độ như của riêng mình mà trở lại khuấy chúng gây gổ, kinh chống, tiêu xài lãng phí của Tam bảo. Nếu làm như thế, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Làm người chủ không biết an xử đồ chúng, cất giữ tài vật không biết dùng chừng độ, thì tự tổn mình và tổn người, chẳng phải tâm từ hòa của bậc Đại sĩ.

Khi Như Lai còn tại thế, người người đều y vào pháp hóa, không sanh pháp hữu lậu, sau khi Phật diệt độ, cách Phật càng xa, pháp hữu lậu ngày một tăng trưởng, cái tệ ấy phần nhiều là do người làm chủ, nay nêu sơ lược 6 người:

1. Thuyết pháp chủ: Là người thay Phật tuyên dương diễn nói 12 bộ kinh cho chúng.
2. Hành pháp chủ: Là người hạnh giải tương ưng, khiến cho chúng như thuyết tu hành.
3. Tăng phường chủ (tiếng Phạn là Ma Ma Đê, Trung Hoa dịch là Trụ trì hay Tự chủ): Nghĩa là Tỳ kheo dựng chùa hoặc là vị tri sự, biết xử lý những Tăng sự của chúng thường trụ, nay gọi là Giám viện hay Giám tự. Tăng Sử Lược ghi: “Chức trụ trì bắt đầu từ đời Đông Hán ở chùa Bạch Mã. Chùa đã dựng nên ắt phải có người làm chủ, lúc ấy tuy chưa có tên gọi là Trụ trì, nhưng có Tri sự. Từ đời Đông Tấn đến nay, chức vị này mới thịnh, cho nên Lương Võ Đế dựng chùa Quang Trạch, thỉnh ngài Pháp Vân làm trụ trì, lập ra pháp chế cho Tăng. Đó là quy củ của Đông Độ, không phải là phép tắc của những nước ở Quan Tây. Những nước ở Nguyên Tây, chức Thượng tọa là cao nhất. Vị đứng ra xây dựng ngôi chùa thì gọi là chủ, nếu có việc gì nên bàn bạc với chúng, nếu chúng

đồng ý thì làm, chúng không đồng ý thì không làm, hoàn toàn không có ý riêng của người chủ, được như vậy mới phù hợp với việc hoằng hóa của bậc Đại thánh.

4. Giáo hóa chủ: Là người dạy bảo người khác làm phước, khuyên họ làm lành, khiến cho họ biết Tam bảo là ruộng phước tốt, phát lòng tin rồi hướng về quy y, cung kính cúng dường.
5. Toạ thiền chủ: Là người hướng dẫn chúng tu tập thiền định tam muội.
6. Hành lai chủ: Là người đảm trách việc đi lại, xuất nhập của Tăng chúng, chẳng hạn như Tôn Giả Đạp Bà Ma La Tử ngày xưa, ngày nay gọi là Tri chúng hoặc Tri khách.

Từ tâm làm chủ gồm:

1. Dùng từ tâm để khéo hòa giải trong chúng, dứt việc tranh cãi nếu có, khiến cho chúng được an vui tu tập. Tranh cãi có 4 thứ như luật ghi: Ngôn tránh, mịch tránh, phạm tránh, sự tránh. Hoặc 7 pháp dứt sự tranh cãi như: Đáng cho làm phép hiện tiền Tỳ Ni, v.v...
2. Dùng từ tâm khéo giữ gìn của Tam bảo, khiến cho chúng tăng được thọ dụng đúng pháp. Vật của Phật, của Tăng đều có chủ không nên lạm dụng, dùng lộn xộn, dùng phải có mức độ, không tự ý xài như của riêng mình. Vật của Phật, nếu không tác pháp thì không được dùng cho Pháp, cho Tăng; Nếu là vật của Pháp thì không được dùng cho Phật, cho Tăng; Nếu là vật của Tăng, thì không được dùng cho Phật cho Pháp. Vật của Phật ở chỗ này không được đem đến Phật ở chỗ khác. Vật trong điện, trong tháp, kinh pháp, vật của Tăng thường trụ, vật của hiện tiền Tăng, v.v..., cũng không được dùng một cách lộn xộn. Như một hạt muối, một hạt gạo, một cây kim, một cọng cỏ, một tờ giấy, một viên thuốc, cũng không được dùng riêng cho mình. Ngày nay thì dễ dàng bỏ qua, nhưng quả báo ở đời sau thì khó trả hết. Còn lại như kinh luật có nói rất rõ: “Nếu tài vật làm điện Phật có dư, thì được làm tượng Phật; làm tượng Phật có dư, thì phải làm

đồ thờ cúng trước Phật, chứ không được làm điện Phật. Làm Phật điện có dư thì không được làm điện Bồ Tát. Tượng Phật, tượng Bồ Tát không được dùng một cách lẫn lộn. Nếu vật của Pháp có dư, thì nên in ấn kinh Phật và sửa sang Pháp tòa. Vật của Tăng có dư nên để vào kho đụn, cúng dường cho Tăng mười phương. Tiền cúng trai phạn có dư thì không được làm trai đường, đọa Hỏa Già địa ngục. Tiền để làm đá thì không được đem làm ngói, tiền làm ngói thì không được đem làm đá.”

Kinh Bảo Ân ghi: “Vật của Phật, của Pháp không được dùng lẫn xộn. Vật của Phật, của Pháp không có chủ lại không thể tác bạch, nên không đồng với vật của Tăng. Vật của thường trụ, chiêu đề phải có tác bạch thưa hỏi.” Tháp Phật có tài vật dù chỉ hơn một tiền, do thí chủ có tâm coi trọng nên xả. Đối với vật này, chư Thiên, người khởi tưởng như Phật, như tháp. Nhẫn đến gió thổi hư hoại, không được đem đồ báu của người chết để làm tháp của Như Lai vì không người đặt giá.

Kinh Bảo Tích chép: “Phật dạy: Tỳ kheo đối với vật sở hữu không nên khởi tưởng tự tại, giả sử có làm việc gì, đại chúng có đồng ý mới làm, chớ có tự tiện. Nhẫn đến vật của hiện tiền Tăng, tứ phương Tăng, không được dùng lẫn xộn với vật của tháp Phật đắp đổi chứa nhóm, nên khéo đề phòng những việc lẫn xộn như trên.”

Tăng Kỳ Luật chép: :”Tỳ kheo làm trụ trì, nếu tháp Phật không có vật, mà khởi tâm suy nghĩ rằng: Thí chủ sở dĩ cúng dường Tăng, đều nhờ ân của Phật, cúng dường Phật là cúng dường Tăng nên đem vật Tăng để sửa sang tháp, thì trụ trì mắc khinh tội. Đem vật của tháp cúng cho Tăng cũng vậy. Nếu đúng như pháp mà sử dụng, trao đổi thì được, nhưng phải ghi lại rõ ràng, khi nào trao đổi, khi nào dùng, khi nào hoàn trả lại, nên đọc lại trước Tăng, giao lại minh bạch. Trong luật có dạy rõ việc này, không nên làm theo ý mình, lỗi ngàn đời khó tránh khỏi. Không đem tâm từ an ổn bảo hộ đại chúng, ngược lại làm loạn chúng, không dùng từ tâm khéo giữ gìn của Tam bảo, nếu chi dụng lãng phí, khiến

chúng có việc tranh cãi, đó là phạm khinh cấu tội, nếu có tâm dùng lần lộn thì phạm trọng tội.

Giới thứ 26

RIÊNG THỌ LỢI DƯỠNG

Nếu Phật tử, trước ở trong tăng phòng, sau thấy có khách Tỳ kheo Bồ Tát đến hoặc trong thành ấp nhà cửa của tăng phòng hay nhà cửa của Quốc vương cho đến nơi an cư kiết hạ, hay đại hội, ... chư Tăng ở trước phải rước đến đưa đi, cúng dường đồ ăn thức uống, đồ nằm, thuốc men, nhà phòng, giường ghế, v.v... nếu tự mình không có thì phải bán thân, bán con cái, lóc thịt thân mình mà bán để sắm đồ cúng dường cho khách Tăng ấy. Nếu có thí chủ đến thỉnh chúng Tăng thọ trai, khách Tăng có dự phần, vị Tri sự phải theo thứ tự, phải khách Tăng đi thọ trai. Nếu chư Tăng ở trước riêng đi thọ trai, mà không phải khách Tăng đi, thì vị Tri sự mắc vô lượng tội, không đáng là hàng Sa môn, không phải dòng họ Thích, nào khác gì loài súc sanh, Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Giải thích:

Trái với tâm bình đẳng của thí chủ, mất hạnh lợi tha của bậc Đại sĩ, không cử Tăng thứ lớp đi thọ trai, chính là muốn đem lợi riêng về mình, vì thế gọi là chỉ một mình mình thọ.

Tăng phòng là chỗ Tăng nương ở (tiếng Phạn là Tăng Già Lam, Trung Hoa dịch là Chúng Viên) nghĩa là nơi cho chúng sanh gieo trồng mầm đạo Thánh quả; hoặc gọi là Tỳ Ha La (Trung Hoa dịch là Du Hành Xứ), là Tự viện mà Tăng qua lại; còn gọi là Tăng Già La Ma (Trung Hoa dịch là Chúng Viện), là nơi chúng Tăng ở.

Xưa, ngài Ma Đằng mới đến Trung Hoa, Hán Minh Đế thỉnh Ngài ở chùa Hồng Lô. Sau tuy dựng trụ xứ khác nhưng không quên tên cũ, nên

vẫn gọi là “Tự” (chùa). *Nhà cửa của Quốc vương*, là nhà cửa, phòng xá mà Quốc vương dựng lập cho Tăng ở. *Nơi an cư* là nơi do vua, tôi, đàn việt thỉnh Tăng đến an cư 3 tháng hạ. *Đại hội* là hội vô giá (hội thí) hoặc hội Phật Niết bàn, hội Phật giảng sanh, hội Phật thành đạo, hội Tăng tự tứ, v.v... , người ở trước là chủ nhân, người đến sau là khách, chủ phải nghinh tiếp khách, cho đến cung cấp mọi thứ cho khách Tăng dùng.

Lóc thịt thân mình, là ý nói coi trọng việc cung cấp cho khách Tăng, thịt trên thân còn cắt hướng gì những vật ngoài thân như là tiền của, lễ đâu một mình mình nhận lấy sự lợi dưỡng ư ?

Nam nữ là gồm cả tại gia Bồ Tát, phải không tiếc thân mạng, quyền thuộc để cúng dường khách Tăng. Chánh văn tuy nói Tỳ kheo Bồ Tát, nhưng Thanh văn Tăng cũng có trong đó. Vị trụ trì hơn tại gia, Sa-di, Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na, vì họ là những người không biết việc Tăng, chỉ có Tỳ kheo mới đảm trách được chức vụ này, mới sai đón tiếp, cung cấp. Sau đó, mới theo thứ lớp mà đi phó trai.

Đàn việt, Đàn là tiếng Phạn (Trung Hoa dịch là Thí) , Việt là siêu việt, nghĩa là người hay thực hành bố thí, thì liền vượt khỏi biển khổ nghèo cùng.

Khách Tăng, gồm cả Đại thừa, Tiểu thừa, Tăng từ mười phương đến, tức tất cả Tăng chúng, người có phần lợi dưỡng do đàn việt cúng dường hoặc thức ăn, hoặc y phục v.v... hoặc thỉnh hết, hoặc thỉnh có giới hạn, gồm chung phạm thánh mười phương, không luận là chủ hay khách, thầy đều bình đẳng, nên nói có phần.

Thứ lớp thọ thỉnh, nghĩa là đàn việt không có khả năng thỉnh hết đại chúng, chỉ giới hạn thỉnh 5 hoặc 10 vị, nhẫn đến 30 hay 50 vị mà thôi. Theo vị Thượng tòa nương thứ tự mà đi, nếu trước đó mà thí chủ có thỉnh riêng mình, mình đã được sai đi phó trai, nên theo thứ tự sai tiếp những người chưa được thỉnh đi, chứ không được vượt qua thứ lớp. Nếu biết Tăng chưa được mời, mà không sai đi, thì Trụ trì chỉ phạm tội

khinh cấu. Đến lúc đi, tâm nghi ngờ ra khỏi Đại giới hoặc có Tăng mới vào là vị Thượng tọa, thì nên nhường cho Thượng tọa đi, bởi người mới đến chưa có phần, như vậy Trụ trì chỉ phạm tội không sai đi, đó là tội khinh cấu.

Nếu biết ngoài đại giới không có Tăng đến, đã sai xong, nơi đáng đến lại không sai đi, hoặc sai dư người, thì người sai đi, người được sai, đều phạm tội trộm.

Phương tiện hoặc đồ ăn, hoặc đồ mặc, tính giá trị 5 tiền, thì thành trọng tội, nên nói mắc vô lượng tội. Chỉ biết có ăn uống mà không biết thứ lớp, nên Phật nói không khác gì với súc sanh, trái với phép thường của Tăng, nên chẳng phải Sa môn, phạm tội trộm kết trọng tội, nên chẳng phải con cháu dòng họ Thích.

Trước không nghinh tiếp cung cấp, sau lại không cho Tăng phẩm vật, đều mắc tội, nếu thí chủ không thiết trai phạn, nhưng có duyên riêng, thỉnh những người ở trước thì đi không phạm. Nếu ý của thí chủ muốn thỉnh hết chúng Tăng, nhưng những người ở trước làm trở ngại, thì những người này mắc tội. Nếu biết thí chủ gặp người đó thì sanh tâm không vui, nên tìm cách ngăn cản đừng cho người ấy đi, làm như vậy thì không phạm.

Có một con quỷ hỏi ngài Mục Liên rằng: “Tôi cả đời đến nay thường bị đói khát, muốn đến nhà xí ăn phần dư, nhà xí có đại lực quỷ, cầm gậy đánh tôi, không cho tôi đến gần, không biết tôi đã gây tội gì mà phải chịu như thế?” Ngài Mục Liên đáp rằng: “Lúc ông làm người, giữ chức Trụ trì, khi có khách Tăng đến, tâm ông bòn xén, không cho người ta ăn, đợi khi khách Tăng đi khỏi rồi, mới cho Tăng thường trụ ăn. Ông bòn xén vật của Tăng nên phải chịu ác báo, còn quả báo phải vào địa ngục.”

Lại có một con quỷ hỏi rằng: “Tôi cả đời nay, trên vai phải mang một cái bình đựng đầy nước đồng sôi, rưới trên đầu tôi, đau đớn vô cùng, không biết tôi đã gây tội gì mà phải chịu cái khổ này?”. Ngài Mục Liên đáp: “Khi ông làm người giữ chức Duy na, biết rõ việc Tăng, chúng

Tăng có một bình sữa, ông đem cất giấu chỗ khác, không cho khách Tăng uống, đợi khách Tăng đi rồi, mới cho chúng thường trụ dùng. Sữa này là vật thuộc Chiêu Đề Tăng, tất cả đều có phần, do ông bòn xén vật của Tăng, nên nay thọ ác báo, còn quả báo ở địa ngục.”

Phật bảo ngài Tăng Hộ: “Ông thấy hạng người thứ 4 này, không phải là Tăng ở trong chùa, cũng chẳng phải là Tỳ kheo mà là người ở địa ngục. Thời Phật Ca Diếp, người này xuất gia thường ở trong chùa, có đàn việt đem thức ăn đến, cúng dường cho hiện tiền Tăng, khi đó có khách Tăng đến, Tỳ kheo trụ trì này do tâm bòn xén tham tiếc, đợi khách Tăng đi mới chia cho chúng thường trụ, chưa kịp chia thì bị trùng phá hư thức ăn, đành phải đem đổ, do nhơn duyên này, đọa vào địa ngục ăn phần dơ, uống nước tiểu. Từ khi Phật Ca Diếp nhập diệt đến nay, chịu khổ không lúc nào ngớt. Lại nữa, ông thấy hạng người thứ 6 này, không phải là Tăng ở trong chùa, cũng chẳng phải là Tỳ kheo, mà là người ở địa ngục. Thời Phật Ca Diếp người này xuất gia, không đánh kiên chùy báo cho Tăng biết, lẳng lặng cùng với chúng Tăng uống nước ngọt, vì sợ Tăng ở ngoài đến, do nhơn duyên bòn xén tham tiếc kia, nên phải đọa trong địa ngục, uống nước đồng sôi, chịu khổ đến nay chưa hết. Ông có thấy cái đài thịt to lớn thứ 2 kia không, đó chẳng phải là đài mà là người ở địa ngục. Thời Phật Ca Diếp, ông này là người xuất gia, vì làm chủ chư Tăng trong chùa, ưa lựa phòng xá tốt, rồi tự mình hoặc cho những người thân hữu thọ dụng và không chịu theo luật thứ lớp phân chia phòng xá, vì tâm không bình đẳng, do nhơn duyên này nên phải đọa địa ngục, làm đài thịt lớn, thọ muôn ngàn thống khổ, đến nay chưa hết.” Ngoài ra như trong Kinh Tăng Hộ có nói rõ.

Giới thứ 27

THỌ BIỆT THỈNH

Là Phật tử, tất cả không được nhận thỉnh riêng, nhận hết lợi dưỡng về cho mình, của cúng dường này thuộc về thập phương Tăng, nếu nhận riêng thì là lấy của thập phương Tăng đem về phần mình. Vật

trong tám phước điền, vật của chư Phật, Thánh nhân, của tất cả Sư Tăng, Cha mẹ và người bệnh, nếu tự mình lấy, dùng, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Tất cả, đây là chỉ cho vua, quan, bề tôi, kẻ sĩ, muôn dân, năm chúng xuất gia và hai chúng tại gia. Muốn lựa chọn thỉnh riêng chừng vài người, người được thỉnh không được nhận thỉnh, bởi vì lợi dưỡng của thí chủ đều thuộc về Tăng của thập phương, ai nấy đều có phần. Nếu ta nhận lời mời tức là ta đã lấy vật của Tăng đem về cho mình, mà đó cũng là cướp đoạt vật trong tám phước điền đem về mình tự dùng.

Tăng được lợi dưỡng, được thí chủ cúng, thì trước là cúng cho Kinh điền, sau là cho Ân điền, sau nữa là cúng cho Bi điền. Nếu thỉnh thuyết pháp, thọ giới, hoặc thấy căn cơ thích nghi hoặc biết vì thí chủ tâm không còn chấp ngã, thời không tính toán về công đức hoặc số người được thỉnh, chỉ trong 4 người, có một người do Tăng sai đi, thì không phạm.

Tăng là chúng hòa hợp, một, hai hay ba người không gọi là Tăng, mà 4 người trở lên cho đến trăm, ngàn người mới gọi là Tăng”.

Giới thứ 28

BIỆT THỈNH TĂNG

Phật tử là những hàng Bồ Tát xuất gia, Bồ Tát tại gia, cho đến tất cả đàn việt, lúc muốn thỉnh Tăng để cúng dường, cầu nguyện, nên vào trong Tăng phòng thưa với vị Tri sự. Tri sự mới bảo rằng: “Theo thứ tự mà thỉnh thời được thập phương hiện thánh Tăng, nhưng người đời thỉnh riêng, 500 vị Tăng Bồ Tát, A la hán cũng chẳng bằng Tăng sai một phạm phu Tăng. Nếu biệt thỉnh Tăng thì đó là pháp của ngoại đạo. Trong 7 Phật không có pháp biệt thỉnh Tăng, vì không

thuận theo đạo hiếu, nếu Phật tử cố thỉnh riêng thời phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Trái với tâm vô tướng, mất phước bình đẳng, *Tam luân* chưa *không*, chẳng phải Pháp đàn Ba-la-mật của bậc Đại sĩ. Hiền, Thánh có Quyền và Thật. *Thật* là những vị đã chứng Tứ quả, Tam Hiền, Thập Thánh. *Quyền* tuy là phạm phụ nhưng đã thọ Đại giới Tâm địa Bốn nguyên, tu học chánh đạo của Hiền, Thánh, nên cũng gọi là Hiền, Thánh. Vì thế, Tăng là gồm cả Phạm và Thánh, thí khắp mười phương, tâm hành bình đẳng, phước như hư không, nếu tâm còn sanh lựa chọn thì phước quả có giới hạn, huống gì Thánh và Phạm khó rõ, hơn kém khó lường, vì thế mà ngài Tân Đầu Lô bị đánh. Sa-di không được nhận cúng y, nên biết không lựa chọn, thì thỉnh được Hiền, Thánh, huống gì đức Như Lai đã sai 16 vị đại A La Hán, mỗi người lãnh trăm ngàn đồ chúng đều chứng Tứ quả, thị hiện đồng phạm phụ, người thường đâu biết được, để làm bậc phước điền cho đàn việt.

Xét trong Thập Tụng Luật, Giới Nhơn Duyên Kinh, mẹ ngài Tỳ kheo Tỳ Xá Khư, thỉnh riêng 500 vị A La Hán, Phật bảo mẹ ngài Tỳ Xá Khư là người vô trí, không khéo léo, không được đại phước, nếu ở trong Tăng, theo thứ lớp thỉnh một vị, được công đức rất lớn, lợi ích phước báo rất thù thắng.

Hỏi: Như vậy thì 500 vị Thánh Tăng không bằng một phạm phụ Tăng ư?

Đáp: Nên biết luận về phước điền, thì vượt hơn trăm ngàn vạn, nhưng vẫn chưa bằng Thánh.

Cho nên, ngài A Na Luật đem dâng một bữa ăn cho vị Độc Giác, từ đó đến nay trải qua 91 kiếp, dù ở trên trời hay dưới nhân gian, Ngài luôn hưởng phước điền.

Như Kinh Tứ Thập Nhị Chương chép: “Cúng thí cho kẻ ác nhân đến cúng dường Như Lai, phước kia rất rõ. Luận về tâm, nếu tâm bình đẳng thì phước lớn; vì thế, đức Như Lai sai Xá Lợi Phất, đem cơm thí cho con chó, nhưng xét về lý thì tùy thời mà chọn cúng, chớ có chấp nê vào một pháp, thì sẽ được không ngăn ngại, ở đây luận về tâm thí bình đẳng, chứ không luận về câu pháp, câu pháp phải đủ con mắt trạch pháp, không thể không biết rõ tà chánh, không phân biệt được hiền, ngu, mê mất đạo lớn, việc chẳng phải nhỏ.

Kinh này ghi: “Khi đức Như Lai mới ngồi dưới cội cây Bồ đề, mẹ ngài Tỳ kheo Tỳ Xá Khư chưa sanh, làm sao nói thỉnh riêng 500 vị Tăng ư?” Đây là Như Lai nói về thời quá khứ, việc xảy ra trước thời Phật, hoặc là thọ ký trước, sau quả nhiên, mẹ ngài Tỳ kheo Tỳ Xá Khư có việc như vậy.

Tin theo giáo pháp ngoại đạo là không tuân theo lời Phật dạy, là trái lại giáo pháp Phật, trái lại như địa phàm thánh, nên nói không thuận đạo hiểu.

Bảy Phật đều ứng hóa ở thế giới Ta bà này, dấu tích trong cả 100 kiếp, cõi Trường thọ thiên, đều đã từng thấy, nên chỗ nào cũng dẫn 7 Phật để làm chứng, khiến cho mọi người dễ biết rõ.

91 kiếp về quá khứ, có một vị Phật ra đời, tên là Tỳ Bà Thi, cũng gọi là Duy Vệ, các kiếp trong khoảng kế tiếp không có Phật ra đời, đến kiếp thứ 31 có hai vị Phật ra đời là:

1. Phật Thi Khí
2. Phật Tỳ Xá Phù

Đến kiếp thứ 91, gọi là Hiền kiếp. Lúc này có ngàn Phật ra đời như: Phật Câu Lưu Tôn, Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, Phật Ca Diếp, Phật Thích Ca Mâu Ni, v.v... cho đến vị Phật sau cùng trong 1000 Phật này ra đời tên là Lô Chí Phật.

Trước riêng thọ lợi dưỡng, không sai khách Tăng đi phó thỉnh, là mắc tội, sau thọ biệt thỉnh là tự mình thọ nhận người khác thỉnh riêng, nên mắc tội. Nay giới này tự lựa chọn thỉnh Tăng, nên kết tội. Không phải cầu phước mà cúng trai Tăng, hoặc biết rõ thân bằng quyến thuộc, thì không phạm.

Giới thứ 29

TÀ MẠNG NUÔI SỐNG

Nếu Phật tử dùng ác tâm vì lợi dưỡng buôn bán nam sắc, nữ sắc, tự tay làm đồ ăn, tự xay, tự giã, xem tướng nam nữ, giải điếm kiết hung, bùa chú, pháp thuật, nghề nghiệp, phương pháp nuôi chim và chó săn, hòa hiệp trăm thứ thuốc độc, ngàn thứ thuốc độc, rắn độc, kim ngân độc, cổ độc, đều không có tâm từ mẫn, tâm hiếu thuận. Nếu cố ý làm các điều như thế, thì Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Giải thích:

Nương vào tà pháp được lợi dưỡng nuôi thân mạng, tổn thương sanh vật làm lợi cho mình, đều chẳng phải tâm từ bi thanh tịnh của Đại sĩ.

Ác tâm là chẳng phải thiện tâm, vì lợi dưỡng mà chẳng phải vì lợi tha.

Buôn bán nam sắc nữ sắc, nghĩa là mua bán nam nữ tuổi nhỏ, đem đến cho người để thỏa mãn việc ham muốn (dục vọng).

Tự tay làm đồ ăn là đích thân mình thổi nấu.

Tự xay, tự giã là xay giã ngũ cốc.

Xem tướng nam nữ, tức là bói xem hình dáng, khí sắc rồi bảo cho họ biết chết yểu hay là giàu nghèo.

Giải điếm kiết hung là đem điếm mộng để đoán tốt xấu, họa phước, đã có thai nam hay nữ.

Chú thuật là phù phép tà chú của ngoại đạo.

Công xảo là 100 thứ kỹ nghệ. *Nuôi chim và chó* là dạy chim, chó để đi săn.

Trăm thứ ngàn thứ thuốc độc là tất cả thứ thuốc độc ở thế gian, hòa hợp lại, nấu thành cao hoàn tán để hại sanh vật.

Rắn độc là lấy nọc độc của rắn ở đầu, ở đuôi, hoặc ở não, hoặc tinh dịch để hại người khác. *Kim ngân độc* là thứ độc uống vào chết ngay. *Cổ độc* là hòa hợp thuốc độc uống vào thì sinh trướng.

Đều không có tâm từ mẫn, nghĩa là bậc Đại sĩ phải dùng tâm từ thương xót tất cả chúng sanh cũng như con mình, phải thường nhớ nghĩ tổn hại mình để làm lợi cho người, nhưng trái lại tự nuôi sống mình bằng cách làm hại người, chẳng khác nào ăn thịt con mình, cho nên không có tâm từ mẫn là thế. Bồ Tát coi chúng sanh như Cha mẹ mình, mà trái lại vì lợi dưỡng riêng mình mà thương tổn đến thân nhân, ngõ nghịch không ai bằng, đó là không có tâm hiếu thuận.

“*Cố ý làm*” rõ ràng không phải là nhàm lãn, lấy tà nghiệp để mưu cầu mạng sống cho mình, nên phạm khinh cấu tội. Nếu việc làm khiến chúng sanh phải chết thì phạm trọng tội. Nếu Bồ Tát tại gia dùng chú thuật công xảo y dược, đúng như pháp tự nuôi sống, không thương tổn sanh vật thì không phạm. Bồ Tát xuất gia dùng chú thuật công xảo, cứu nguy bạt khổ cho chúng sanh, không có tâm cầu lợi thì cho phép.

Hỏi: Xay giã nấu ăn, người tại gia làm sao tránh khỏi ?

Đáp: Đây có hai nghĩa, một là tự nuôi sống bản thân, không phải là việc làm của bậc đại nhân. Hai là trong ngũ cốc phần nhiều có trùng, nếu không tổn hại đến chúng sanh, không phải dùng tà nghiệp để sanh sống. Hai chúng nhỏ xuất gia, Phật cũng khai cho. Xét trong Kinh Luận, dùng

tà nghiệp để mưu cầu mạng sống có 5 loại hoặc 4 loại, nay xin đưa ra cùng với các giới:

1. Vì lợi dưỡng, nên trá hiện những điều kỳ đặc.
2. Vì lợi dưỡng, nên tự nói công đức của mình.
3. Vì lợi dưỡng, xem tướng tốt xấu.
4. Vì lợi dưỡng, lớn tiếng ra uy, khiến cho người sợ.
5. Vì lợi dưỡng, nên nói lợi ích của việc cúng dường để kích động lòng người khác.

Người xuất gia có 4 thứ tà mạng nuôi sống:

1. Hạ khẩu thực, nghĩa là nói về thuốc men trị bệnh, xem địa lý, gieo trồng các thứ cây trái ruộng vườn.
2. Ngưỡng khẩu thực, nghĩa là xem thiên văn, mặt trăng, mặt trời, 5 thứ tinh tú, v.v...
3. Phương khẩu thực, nghĩa là nịnh hót nhà giàu, kẻ có thế lực, đi sứ 4 phương, nói năng khéo léo để mưu cầu nhiều lợi.
4. Duy khẩu thực, nghĩa là học các thứ chú thuật bói toán kiết hung, nếu trái với những thứ trên đây gọi là Tịnh mạng thực.

Tịnh mạng cũng có 4 thứ:

1. Ở trong núi sâu, ăn rau trái
2. Thường đi khát thực
3. Thọ dụng đàn việt cúng dường
4. Ăn món ăn thanh tịnh trong Tăng.

Dùng các thứ này để nuôi sống thân mạng cho mình thì không làm nhiệm ô tâm địa nên gọi là *Tịnh mạng*.

Giới thứ 30

BÁT KÍNH TRỌNG NHỮNG NGÀY TRAI GIỚI (Ngày tốt)

Nếu Phật tử vì ác tâm tự mình hủy báng Tam bảo, giả tuồng kính mến, miệng thì nói không, mà hành vi ở trong lại có, làm quản lý cho hàng Bạch y, vì hàng bạch y làm mai mối cho nam nữ giao hội dâm sắc, gây thành các nghiệp kiết phược; sáu ngày trai trong mỗi tháng, ba tháng trường trai trong mỗi năm, làm việc sát sanh, trộm cắp, phá trai phạm giới, người này phạm tội khinh cầu.

Mười giới như thế hết lòng kính trọng, phụng trì.

Giải thích:

Những ngày tốt mà không có tâm cung kính là chẳng có tín tâm hiếu tâm. Lời nói và việc làm trái nhau, chẳng phải là chánh tâm chơn chánh. Sáu ngày trai trong một tháng và ba tháng trường trai trong một năm, những ngày này là ngày Phật hiện Đại thần thông, nhãn đến Phật Đản sanh và ngày thành đạo, nhập Niết Bàn, ngày Tụ tứ, v.v... đều là ngày giờ tốt.

Ác tâm, nghĩa là đối với Tam bảo, không sanh tâm cung kính phụng sự, khéo dẫn dắt mọi người, lại dối gạt, trá hiện tướng thân cận Tam bảo, khiến cho người khác tin kính. Miệng thốt ra lời nói lý Bát nhã, thực tế trong tâm lại chấp có, lời nói và việc làm trái nhau, trái với chơn chánh, nên nói là phỉ báng Tam bảo.

Kinh lý, nghĩa là kinh doanh lo liệu công việc cho hàng Bạch y, thậm chí làm việc mai mối cho nam nữ, tư thông dâm ái với nhau, hoặc làm môi giới, hoặc những việc uế ác, xấu xa khác.

Gây nên các nghiệp kiết phược, nghĩa là làm các việc dơ xấu như trên, cả mình và người cùng bị trói buộc trong 3 đường ác (địa ngục, ngạ quỷ súc sanh) trôi lăn trong sáu đường sanh tử, khổ không được giải thoát.

Sáu ngày trai, trong kinh Thiên Vương ghi: “Chư Thiên dò xét xem trong những ngày trai này, con người làm thiện hay ác. Mỗi vị trời cõi

Tứ Thiên vương trấn giữ một phương, thường chọn 3 ngày trong tháng là mùng một, mùng 8 và 20 để sai sứ giả xuống nhân gian xem xét việc làm của chúng sanh là thiện hay ác. Còn ngày 14 và 29 sai Thái tử xuống, ngày 15 (rằm) và 30, Tứ Thiên vương đích thân xuống, ra lệnh cho nhứt nguyệt và tinh tú, 28 tinh chủ cần quán sát xem chúng sanh thiện hay ác, thấy rồi trở về Thiên đình tâu với trời Đế Thích, để thi hành kiết lành hay dữ.”

Ba tháng trường trai, là tháng giêng, tháng 5 và tháng 9. Trời Đế Thích dùng gương Đại Bảo, chiếu soi cõi Nam Thiệm Bộ Châu để quán sát tội phước của chúng sanh cõi này. Trời Tứ Thiên vương mỗi vị đều phân chia trấn giữ giữa tháng ở cõi Tứ Đại Bộ Châu.

Nay 3 tháng này, là Đa Văn Thiên Vương ở phương Bắc, trấn giữ phía Nam Châu, quán sát tháng thiện hay ác. Ngày này tháng này, tất cả quỷ thần thường thừa cơ, cũng là thời gian tốt để các vị Thiên vương cùng nhau đi tuần thú, thế nên cần tránh ác tu thiện. Thời điểm tốt như thế mà chúng Bồ Tát, Phật tử không biết, trái lại đem tâm mạn nghịch, sai phạm giới luật, không sanh tâm hổ thẹn lo sợ, điều này gọi là *ác tâm*.

Sát sanh trộm cắp, 2 giới này đã lược nêu trong mười giới trọng, nay nêu 2 giới này thời đã bao gồm 10 trọng giới, tùy theo việc sai phạm mà kết tội Ba-la-di. Hơn nữa, trong 10 trọng giới lại kết thêm tội khinh cầu. như người phạm tội tử hình lại dùng roi đánh thêm. Nếu phạm trong 48 giới khinh, tức là thêm một tội bất kính trong những ngày trai giới.

Phá trai, là trong sáu ngày trai của Phật tử tại gia, trường trai một tháng thọ trì Bát quan trai giới, quá ngộ không ăn (gọi là trai), nếu phạm là *phi thời thực*, nên nói là phá trai. Người xuất gia trọn đời không phạm phi thời, cũng như trong các ngày trai, nếu phạm là phi thời thực, tội càng nặng thêm.

Kinh Anh Lạc ghi: “Nếu có Bồ Tát Ma Ha Tát, tu tập pháp lục độ thanh tịnh, gồm tu cả Bát trai giới của chư Phật, thiện nam tử thiện nữ như này đối với việc hành sáu pháp này đầy đủ hạnh thanh tịnh.” Đúng như

kinh đã chép, lại có thể khinh bỏ trai giới, bỏ tám pháp trai giới không thọ trì, cam tâm làm người phá giới chẳng ?

Mười giới như thế hết lòng kính trọng phụng trì. Phần còn lại như trong phẩm Chế Giới có ghi rõ.

Giới thứ 31

KHÔNG MUA CHUỘC

Là Phật tử, sau khi Phật nhập diệt, ở trong đời ác nếu thấy tất cả hàng ngoại đạo, kẻ ác trộm cướp, cùng tất cả người ác đem bán hình tượng Phật, Bồ Tát, Cha mẹ, đem bán kinh luật, đem bán Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, người hành đạo Bồ Tát, kẻ phát tâm Bồ đề, để làm tay sai cho các quan, hay làm tôi tớ cho mọi người, v.v... nên có lòng từ bi cứu hộ, tìm cách cứu vớt, nếu không đủ sức, Phật tử phải đi quyên tiền các nơi để chuộc hình tượng Phật, Bồ Tát cùng tất cả kinh luật, chuộc Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, người tu hạnh Bồ Tát, kẻ phát tâm Bồ đề. Nếu không chuộc, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Thấy người khổ mà không cứu giúp thì không có tâm từ bi, biết người bị người khác bán mà không chuộc thì trái với đạo hiếu thuận.

Sau khi Phật diệt độ, là nói rõ đời mạt pháp. Khi Phật còn tại thế, phần đông người ta làm lành lánh dữ, nên không có tệ nạn như trên xảy ra.

Ảnh tượng, hoặc là điêu khắc, hoặc tự họa, nếu bị người khác cưỡng đoạt chiếm lấy, hoặc bị giặc cướp, hoặc trộm lấy đem bán. Nay chỉ nêu 2 chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, thời đã bao gồm cả 7 chúng rồi.

Người phát tâm Bồ đề, là người mới phát đạo tâm. *Đạo nhơn*, là người hành Bồ Tát đạo. Đại Trí Độ Luận ghi: “Người đắc đạo gọi là Đạo nhơn, ngoài ra, người xuất gia tuy chưa đắc đạo, nhưng do tu đạo xuất thế nên cũng gọi là Đạo nhơn. *Quan sử* là người sai khiến phục dịch

những việc quan sai. *Tất cả mọi người*, là kẻ sĩ, nhà nông, thợ thuyền, thương buôn, v.v...

Tượng Phật là Phật bảo. *Kinh luật* là Pháp bảo. *Người phát đạo tâm* là Tăng bảo. *Hình tượng Bồ Tát* là Đại thừa Tăng bảo. *Tỳ kheo, Tỳ Kheo Ni* là Tiểu thừa Tăng bảo. *Cha mẹ* là Ân điền.

Phật tử cũng là Đại sĩ trong trời đất, đang ở trong đời mạt kiếp ác thế này, hộ trì Phật pháp, nối dòng Tam bảo, rộng làm việc lành hóa đạo chúng sanh, đâu có thể thấy người khổ mà ngồi nhìn những việc hủy nhục vậy sao ? Bởi vậy phải cứu vớt nỗi khổ cho họ. Nếu tự mình không có khả năng tiền của để chuộc lại, phải dùng các thứ phương tiện khuyến hóa người khác chuộc lại. Nếu tâm biếng nhác hoặc cố ý không chuộc, đều phạm.

Giới thứ 32

TÔN HẠI CHÚNG SANH

Là Phật tử, không được chứa hay buôn bán dao, gậy, cung, tên, những khí cụ sát sanh, không được dùng cân non, giả thiếu để đong, không được nương thế lực quan quyền mà lấy tài vật của người, không được ác tâm trói buộc người, phá hoại việc thành công của người, không được nuôi mèo, chồn, heo, chó. Nếu cố làm các điều trên đây, Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Giải thích:

Ngăn ngừa nhơn xa tổn hại, lìa nghiệp kiết phược về sát sanh, trộm cắp, v.v... mới không trái với tâm từ bi, tâm lợi ích của bậc Đại sĩ.

Dao trượng, cung tên, trói buộc, mèo chồn heo chó, ấy là tổn hại chánh báo thân mạng của chúng sanh, ngoài ra các thứ vật nhỏ, v.v... đều là tổn hại y báo các vật thọ dụng của chúng sanh. Dùng cân non bán ra, tất dùng đấu lớn mua vào, thước đo dài ngắn cũng vậy.

Hình thế, hoặc tự dụng thế lực quan quyền, hoặc ý thế lực người khác. Trói buộc là dùng thế lực ác độc riêng tư mà trói buộc người, làm tổn hại thân thể chúng sanh, chứ không phải dùng tâm công bằng trói buộc. Tuy là tội nhờn, cũng cần nên sanh tâm thương xót, nhớ nghĩ họ ngu si không biết, nên phương tiện khuyên dụ, khiến cho họ phát khởi tâm tốt, sửa đổi lỗi quấy trước.

Phá hoại sự thành công của người, nghĩa là người khác muốn thành tựu sự nghiệp mà mình do vì ác tâm, trái lại muốn cho họ bỏ phế hư hoại việc ấy.

Trưởng dưỡng là nuôi dưỡng. *Mèo chồn* đều là loài thú bắt chuột. *Heo, chó* là tham tài hại mạng, nếu mua bán thì phạm tội khinh cầu.

Sát sanh là phạm giới trọng đầu. *Đấu* là đồ đong đếm, cho đến ý vào thế lực để lấy tài vật của người và phá hoại sự nghiệp của người khác, đều phạm vào giới trọng thứ hai, gọi là khi dối cưỡng đoạt, nên phạm.

Kinh Ưu Bà Tắc Giới ghi: “Cũng không cho nuôi chó, heo, dê, v.v...”
Trong Luật ghi: “Vì đề phòng, giữ gìn tài sản của chùa nên khai cho phương tiện nuôi chó.”

Kinh Tạp Tạng chép: “Có một con quỷ thừa ngài Mục Liên rằng: Âm hoàn của tôi to lớn như là cái hũ, khi đi phải vác lên vai, khi đứng phải ngồi lên trên âm hoàn ấy, đi lại rất là khổ sở, không biết vì nhờn duyên gì ? Ngài Mục Liên đáp: Khi người còn ở đời, bán thì dùng cân thiếu, mua thì dùng cân nặng, chỉ muốn lợi nhiều mà thôi, do cất xén người khác, nên thọ tội này, đây là họa báo, khổ quả ở địa ngục sau này phải chịu.”

Giới thứ 33

TÀ MẠNG GIÁC QUÁN

Là Phật tử, không được vì ác tâm đi xem nam nữ đánh nhau, hay quân trận, binh tướng giặc cướp, v.v... đánh nhau, cũng không được đi xem hát, nghe nhạc, chơi cờ, đánh bạc, đá cầu, đá bóng, v.v..., cho đến bói quẻ, không được làm tay sai cho kẻ trộm cướp, nếu cố làm các điều trên, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Ác tâm thúc đẩy, nghĩa là lấy việc được thua thắng bại của người làm trò vui giải trí cho mình. Có khi mình vui thích trong cái đau khổ của người khác mà không hay. Khi họ đánh nhau, gây nhau, v.v... Xảy ra những việc trái với thiện tâm, mình không có khả năng phương tiện can gián cho họ mà trái lại còn trực tiếp coi xem lấy đó làm vui thích, thật là trái với tâm từ bi của Đại sĩ, thật là ác tâm, tà tư tà giác. Gồm có năm việc như sau: coi đôi bên đấu tranh, coi người vui chơi, coi đánh cờ, đánh bạc, bói quẻ, v.v... Tất cả những việc trên đều làm cho ta rối loạn tâm trí, dễ manh nha ác tâm, đệ tử Bồ Tát giới cần tránh. Tất cả chỗ vui chơi đều khiến cho người ta buông lung phóng túng, quên mất chánh niệm. Như hiện nay, các thứ trò chơi đều khiến cho người ta mê tâm loạn trí, đều là tà nghiệp, không phải chỗ tăng trưởng Đại bi tâm của Đại sĩ.

Bị giặc cướp sai khiến, đây thuộc về tánh nghiệp và giá nghiệp, còn giá tội, tùy vào việc sai phạm mà kết thành tội khinh.

Kinh Giới Bản chép: “Nếu Bồ Tát lười biếng buông lung, ham vui, ham ngủ, nghỉ, đều là phi thời, không phải hạnh xuất ly, đây là phạm tội nhiễm ô tâm địa. Không phạm là khi bệnh hoặc vì đoạn mạng, giới này nhiếp tất cả, vì khi muốn khởi tâm phương tiện nhiếp thủ đối trị, phiền não tánh thường sanh khởi.

Giới thứ 34

TẠM BỎ BỒ ĐỀ TÂM

Nếu Phật tử ngày đêm sáu thời đọc tụng giới Bồ Tát này, nên giữ gìn giới luật, trong cả khi đi đứng nằm ngồi vững chắc như kim cương, như đeo phao để qua biển khổ. Như các Tỳ kheo bị cột bằng dây cỏ, thường có tín tâm Đại thừa. Đối với Đại thừa, tự biết rằng mình là Phật chưa thành, còn chớ Phật là Phật đã thành, rồi phát Bồ đề tâm và giữ vững không thôi chuyển. Nếu có một tâm niệm xu hướng theo Nhị thừa, hay ngoại đạo, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Tâm muốn trái bỏ giáo pháp Đại thừa, hướng về Tiểu thừa, ý còn do dự chưa quyết định hẳn, liền phạm như giới thứ 8 trước. Nếu tâm đã quyết thì liền mất giới, phạm giới trọng.

Nay giới này nói tâm chưa muốn trái bỏ Đại thừa, mà chỉ nói giáo pháp Đại thừa để tu để học. Hơn nữa, trước cần đoạn Kiến, Tư, Hoặc để chứng Niết Bàn, rồi sau hóa sanh chưa muộn, mà tạm dấy khởi niệm này, thì đã phé bỏ Đại nguyện rồi, rớt cuộc đọa vào pháp Thanh văn, đâu biết Đại sĩ còn nguyện mang Hoặc nghiệp, mà vẫn có thể làm lợi quần sanh. Nên Luận Chỉ Quán ghi: “Thối tâm Đại thừa, thủ chấp Tiểu thừa bị các Thánh quở trách.” Bồ Tát thì không như vậy, thấy chúng sanh khổ, coi như mình khổ, khởi tâm đại bi, thương chúng sanh như con một. Như khi người mẹ được món ăn, thường nhớ đến đứa con. Nếu Bồ Tát cầu trụ nơi Thiên không Niết bàn, thì có lỗi xả bỏ chúng sanh, đâu thể làm thanh tịnh quốc độ Phật. Giáo hóa chúng sanh phải có đầy đủ Phật Pháp. Tất cả chưa có thể làm xong, tuy vào thế gian sanh tử phiền não, nhưng nếu có đủ đạo lực, thì không bị tổn hại trí tuệ của mình. Dầu đạo Phật dài xa, cũng không lấy làm xa, tuy chúng sanh số nhiều, mà có ý chí đồng mãnh, tâm kiên cố không thối khuất, tinh tấn phát tâm thú hướng về giác ngộ, trước hết tâm không mệt mỏi biếng nhác. Nên nói Bồ Tát ở trong sanh tử mà có tâm đồng mãnh, đối với cảnh Niết Bàn mà không đắm trước. Đồng mãnh ở nơi sanh tử, vô sanh mà sanh, không bị sanh tử làm nhiễm ô, như hoa sen ở trong bùn, không bị bùn làm ô nhiễm.

Trong Phụ Hành Sao ghi: “Ở nơi cao nguyên không sanh hoa sen, ở chỗ bùn lầy đất ướt mới sanh hoa sen.” Nên biết Niết bàn Cao nguyên không thể sanh hoa Đại bi của Bồ Tát, mà nơi sanh là bùn sanh tử, mới là lực dụng thù thắng của Bồ Tát. Tuy ở trong sanh tử mà không bị sanh tử làm nhiễm ô, bởi vì chí dũng mãnh và thế nguyện kiên cố của bậc Đại sĩ, huống gì Tiểu thừa giới không là Bồ Tát giới. Sức của giới Bồ Tát, hay thành tựu chí nguyện độ sanh. Đây là lấy Đại niệp Tiểu. Tiểu thừa không có Đại dụng, làm sao hóa sanh được ?

Trong 58 giới này, đều là đức Xá Na chế, nên nói cấm giới, như sắc lệnh cấm của nhà vua, không ai dám cố ý sai phạm. Thế nên bậc Đại sĩ ở trong tứ oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi) hộ trì cấm giới, không để cho sai phạm, ngày đêm phải chuyên cần học tập, đọc tụng cho thông lâu, khiến cho đừng quên.

Kim cang, dụ cho giới hay phá trừ được giặc kiết sử phiền não, cũng dụ cho tâm kiên cố giữ gìn cấm giới của Đại sĩ vững như kim cang.

Phao là đồ vật mà người ở Thiên Trúc sử dụng để vượt qua biển, hoặc dùng lông cừu, cánh chim để làm thành, hoặc làm bằng da dê, hoặc mang phao nổi, thường mang theo bên mình. Khi thuyền đi biển, nếu bị hư, liền thổi hơi cho nổi lên để vượt qua biển cả sanh tử. Nếu không nương vào cấm giới của Phật thì không thể sang bờ bên kia được. Nên Kinh Niết Bàn ghi: “Có một con quỷ La-sát theo người qua biển, ân cần xin cái phao, người qua biển trả lời quỷ rằng:”Thà giết thân mạng ta, còn phao không thể cho được, quỷ La-sát nói: Nếu không bằng lòng cho ta hết thì xin vui lòng cho ta một nửa thôi, người kia cũng từ chối.” Đây là dụ cho khi Bồ Tát giữ gìn cấm giới, quỷ phiền não La-sát xúi Bồ Tát, khiến cho phạm 10 giới trọng, còn giới khinh thì hộ trì. Bồ Tát không thuận theo, như thế, lần lần quỷ La-sát (vô minh phiền não) xúi phạm Bồ Tát khởi tâm tạo các tội cấu ác, Bồ Tát cũng nhất định không thuận theo, vì có sao ? Vì Bồ Tát giữ mười giới trọng của Phật và các tội khinh cấu, ác tác, kính trọng giữ gìn hết sức kiên cố, giới trọng cũng như giới khinh, không khác.

Các Tỳ kheo bị buộc bằng cỏ, nghĩa là Phật chế giới, Tỳ kheo không được làm tổn hại cỏ cây. Xưa có các Tỳ kheo đi ngoài đồng vắng, bị giặc cướp đoạt hết quần áo, giặc sợ các Tỳ kheo vào tụ lạc báo cho dân biết, họ muốn giết hết các Tỳ kheo. Trong số bọn giặc có một người, biết Tỳ kheo không làm thương tổn cỏ cây, bèn cột họ vào cây cỏ rồi bỏ đi. Ngày hôm đó, các Tỳ kheo bị muỗi mòng, bọ chét chích đốt, từ sáng đến tối, ác thú liên tiếp tung hoành, rất đáng lo sợ. Các Tỳ kheo cùng nhau nhắc nhở chỉ lo giữ gìn cấm giới, thà chết không sai phạm. Mỗi người đều giữ yên thân mình không để dao động. Ngày hôm sau, nhà vua đi săn bắn, thấy các Tỳ kheo thọ trì giới cấm, nguyện thà chết không sai phạm, nhà vua thấy thế rất lấy làm hoan hỷ, liền sai người cởi trói cho các Tỳ kheo.” Phần này trong Kinh Nhơn Duyên và luận Đại Trang Nghiêm nêu rõ.

Hỏi: Nay theo giới kinh này, khi ấy, đức Như Lai mới ngồi dưới cội Bồ đề nói giới kinh này, lúc đó chưa có chúng Tỳ kheo, làm sao bị cột bằng cỏ được ?

Đáp: Đây hoặc Như Lai dự ký, hoặc là các việc của Tỳ kheo từ thời Phật quá khứ, dẫn ra để chứng minh. Như vào thời Phật Ca Diếp, có vị Tỳ kheo ngồi thiền, bẻ cành lá của cây Y La Thôi, bị đọa trong loài rồng, cây có mùi xú uế sanh ở trên đầu, gió thổi diêu động, mũ tràn khắp làm như biển cả, trăm ngàn muôn năm chịu các thống khổ, cho đến khi đức Phật Di Lặc ra đời, mới thoát khỏi thân rồng, nên trong Tam tạng kinh điển, mỗi mỗi đều dẫn tích này để chứng minh.

Thời nay, các kẻ cuồng thiên bảo rằng tông môn giải thoát, giữ giới cho là chấp tướng, dẫn cây đào đất nào có thương tổn gì. Nhưng chưa đủ lực dùng tay chém rắn độc như Quy Tông, chưa có cái đức của Sơ Quả cày ruộng trùng đứt thành 4 khúc, xem quả báo của con rồng này, dám cho mình là giải thoát chăng? Là chấp trước chăng? Làm tổn hại một lá cây, còn phải thọ báo như thế, lẽ đâu những việc ấy không làm cho ta phải ớn lạnh đến vỡ mật chăng !

Mặc dầu, trước có thể hộ trì cấm giới kiên cố, mà không có tâm chánh tín Đại thừa, còn e rằng sa vào pháp Nhị thừa, chung quy mất cực quả thành Phật, mà đại nguyện độ sanh theo đó cũng mất. Cần phải phát tâm sanh chánh tín, tin ta và chúng sanh là Phật sẽ thành, chư Phật là Phật đã thành. Mặc dù đủ lòng tin, nhưng không phát tâm Bồ đề, thì lòng tin kia cũng không có chỗ nương tựa, nên phải phát đại tâm, để lập lòng tin kiên cố. Phải biết tâm ta tức là tâm Phật, vì thế trước cầu Phật đạo, và cũng phải biết tâm ta chính là tâm chúng sanh, nên dưới thì hóa độ chúng sanh. Đối với tâm này trong từng giây, từng phút không thể xa lìa, nên nói niệm niệm không lìa tâm, nếu lìa niệm trong giây phút liền rơi vào pháp Nhị thừa tự độ.

Hạ hoá, nghĩa là chẳng phải chỉ hóa độ chúng sanh trong một thế giới, mà phải hóa độ đến chúng sanh trong trăm ngàn hằng hà sa thế giới.

Thượng cầu, nghĩa là chẳng phải chỉ thừa sự chư Phật một thế giới, mà phải phụng thờ đến chư Phật trăm ngàn hằng hà sa thế giới để cầu đạo vô thượng. Nên Kinh Hoa Nghiêm chép: “Bồ Tát không phải vì giáo hóa chúng sanh trong một thế giới mà phát Bồ đề tâm, hẳn đến không phải vì giáo hóa tất cả chúng sanh vi trần thế giới trong Tam thiên Đại thiên mà phát Bồ đề tâm, không phải chỉ cúng dường Như Lai trong một thế giới mà cúng dường tất cả Như Lai trong các thế giới thứ lớp xuất hiện nơi đời phát Bồ đề tâm, không những chỉ cúng dường bất khả thuyết, bất khả thuyết Phật trong vi trần thế giới, mà muốn giáo hóa, điều phục tất cả chúng sanh không sót một ai nên phát Bồ đề tâm, vì muốn thờ phụng cúng dường tất cả Phật chẳng sót vị nào nên phát Bồ đề tâm.”

Hỏi: Tâm đại Bồ đề từ đâu lưu xuất ra?

Đáp: Từ Đại bi tâm mà sanh. Kinh Vô Tận Ý ghi: “Vì muốn cứu độ tất cả chúng sanh hữu tình, khởi sức bi niệm, v.v... hướng đến cầu vô thượng Bồ đề, nếu không vì hóa độ chúng sanh thì Ta không phát tâm Bồ đề.”

Kinh Hoa Nghiêm ghi: “Từ Sơ địa đến Thập địa, ở trong các địa đều dùng tâm đại bi làm chủ.”

Bồ đề Tâm luận ghi : “Tâm từ bi phát sanh ra tâm đại Bồ đề, tất cả Phật pháp tối thắng, đều do bi tâm làm cội gốc.”

Vô Sai Biệt Luận ghi: “Nhơn tu tức là Bồ đề tâm, quả đức viên mãn tức là Chánh Giác. Pháp Bồ đề không thể nghĩ bàn, chư Phật Như Lai đều khen ngợi tán thán pháp này.” Kinh Vô Úy Thượng Thọ Vấn ghi: “Khi phát tâm Bồ đề đã sanh các phước, sánh bằng cõi hư không, cao rộng khắp không có cùng tận. Giả sử có người đem trên bảo trong hằng hà sa số cõi Phật cúng dường đức Thế Tôn, nếu có người chí thành chấp tay chỉ trong một niệm phát tâm Bồ đề vô thượng chánh đẳng, chánh giác, thì phước đức này vượt hơn phước đức cúng dường trên bảo cho đức Thế Tôn, phước cầu vô thượng, không thể tính kể được.”

Kinh Thành Phật ghi: “Các pháp vô tướng, là tướng hư không, khi khởi lên quán chiếu rồi, gọi là *Thắng nghĩa Bồ đề tâm*. Phải biết tất cả pháp không, do đã tỏ ngộ pháp vốn không sanh, không diệt, vì tâm thể vốn tự như vậy chẳng thấy thân tâm trụ nơi tịch diệt, rốt ráo bình đẳng, trí chơn thật thường không bị thôi mất. Nếu khi vọng tâm khởi lên, biết thì chớ có rong ruổi theo, khi vọng niệm dứt, nguồn tâm tĩnh lặng, vạn đức đầy đủ, bấy giờ diệu dụng không cùng tận, bởi vì mười phương chư Phật dùng hạnh nguyện thắng nghĩa làm giới. Nếu người đầy đủ tâm này, hay chuyển bánh xe pháp, cả mình và người đều lợi lạc, như Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ 64 ở phẩm Phát Bồ Đề Tâm nói rõ.

Giới thứ 35

KHÔNG PHÁT NGUYỆN

Là Phật tử, nên phát những điều nguyện lớn: nguyện ở hiếu thuận với Cha mẹ, Sư tăng, nguyện gặp được thầy lành, thiện hữu tri thức, thường dạy bảo cho ta các kinh luận Đại thừa, dạy cho ta về Thập

Phát thú, Thập Trưởng dưỡng, Thập Kim cang và Thập địa, khiến cho ta hiểu rõ để tu hành đúng chánh pháp và nguyện giữ vững giới của Phật, thà chết chứ không chịu thay lòng. Nếu Phật tử không phát những điều nguyện trên đây thì phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Nguyện là nghĩa mong cầu, ưa muốn. Tất cả nhơn thú thắng quả vi diệu vô lượng thiện pháp mà không có tâm mong cầu, ưa muốn thì do đâu được toại nguyện, nên phải phát Đại nguyện.

Tất cả nguyện bao gồm 10 nguyện sau:

1. Nguyện hiếu thuận, chính là nguyện trì giới. Lấy hiếu làm giới, nên hiếu là cội gốc của mười nguyện, cội gốc nếu thiếu khuyết thì chín giới sau không chỗ nương.
2. Mong gặp được thầy tốt, thầy tốt là hạnh giải song toàn, nếu có hiểu biết thông suốt mà không có đức hạnh thì đâu có thể dắt dẫn ta tinh tấn tu hành được, nếu có hạnh đức nhưng không thấu hiểu, thì làm sao khai mở tâm địa cho ta được. Vì để báo ân hai đáng song thân, nối dòng Tam bảo đều nhờ vào lực dạy dỗ của Sư trưởng, nên trong mười Đại nguyện, ân Sư là quan trọng nhất. Dầu đủ tín tâm, nếu không có thầy lành dẫn dắt, cũng không thành bậc pháp khí. Nay nhằm thời mạt pháp, người giới đức, hạnh giải đầy đủ thật là hiếm gặp, có hiểu mới tu, y vào hiểu biết mà hành trì, tự mình phải gia công cố gắng tấn tu, cuối cùng mới hy vọng đạt đến vô sanh, thẳng đến Bảo sở. Nếu có hạnh mà không hiểu kinh điển và phương pháp tu hành thì hạnh kia không phải là chánh hạnh, rất tối kỵ, khi nương tựa người như thế, chẳng khác nào như người không có mắt mà dẫn đường, ắt sẽ đọa vào đường hiểm, vĩnh viễn không ra khỏi. Nay cầu chánh kiến, chánh giải, cũng không phải là dễ gặp minh sư thiện hữu, huống chi bậc hạnh giải song toàn ư ?

Trước nói về Sư Tăng là phải hiếu thuận với thầy, sau nói về thầy tốt là cần phải lựa chọn gặp vị minh sư để dẫn dắt, mới tránh khỏi sự lầm đường lạc lối.

3. Nguyên được đồng học với bậc thiện hữu tri thức, đồng học chánh tông Đại thừa, gặp bạn lành khéo hiểu Tâm địa pháp môn. Dù gặp được minh sư nhưng nếu không có bạn hiền, thì đánh mất đi sự lợi ích tha thiết trên bước đường tu học của ta.
4. Nguyên gặp người khéo dẫn dắt dạy bảo, nghĩa là nguyên trước là thầy lành, bạn tốt, thường dạy ta về nghĩa lý kinh luật Đại thừa, để phát tâm chánh tín, thú hướng tấn tu đến Thập Phát thú vị, khỏi rơi vào Thiên không Nhị thừa, kiến giải tà chấp ngoại đạo.
5. Nguyên tu Thập trụ nên nói Thập Phát thú.
6. Nguyên tu Thập hạnh nên nói Thập Trưởng dưỡng.
7. Nguyên tu Thập Hồi hương, nên nói Thập Kim cang.
8. Nguyên tu chứng Thập thánh nên nói Thập địa.
9. Nguyên tu hành tất cả như pháp. Nghĩa là như pháp Đại thừa trước đã nói cần phải vâng lời thầy bạn giúp cho tiến tu, nguyên theo chánh pháp đã lãnh thọ, khiến cho tâm ta mở mang kiến giải thù thắng, tùy hiểu rồi tu hành, thể nhập chứng đắc quả vị Tam Hiền, Thập Thánh.
10. Nguyên kiên cố trì giới. Trước lấy hiếu thuận làm giới, sau lấy nguyên thứ mười, là trì giới, làm tóm kết. Phải biết từ xưa đến nay đều lấy Tâm địa chánh giới làm tông thú Đại thừa, bởi vậy vô lượng pháp môn, trăm ngàn thắng Định, vô lậu Diệu Huệ, đều từ giới mà lưu xuất ra. Tam Hiền, Thập Thánh cho đến Diệu giác cực quả, đều do giới mà được thành tựu, nên giới pháp này, đặc biệt cần phải tôn trọng.

Thà bỏ thân mạng không niệm nào xa lìa giới này, nghĩa là mười nguyên trước phát tâm kiên cố, niệm niệm không quên, dù gặp phải nạn duyên mất mạng, nguyên xả thân tứ đại giả tạm này, nhưng nếu xả tâm này, thật là trái phạm tâm giới.

Tất cả Bồ Tát không phát nguyện này, nghĩa là từ lúc mới đắc giới, cho đến Thập địa, nếu không phát Thập Đại nguyện này thì chí nguyện không kiên cố, gia hạnh tấn tu cũng e rằng bị ma làm chướng ngại, giữa đường thành trệ mà Quả hải Diệu giác cũng không biết dựa vào đâu để chứng đắc, nên nói rằng: “Trang nghiêm cõi Phật là việc lớn”. Nếu chỉ một mình làm việc công đức, thì không thể thành tựu, nên cần phải có nguyện lực để hành trì. Thí như sức con trâu, tuy có thể kéo được cỗ xe, nhưng cần phải có người điều khiển, mới có thể đi đến đích. Nên biết, người có chí mà không kiên cố thì nguyện khó viên mãn. Bởi vậy Kinh Viên Giác chép: “Phải phát Đại nguyện thanh tịnh của Bồ Tát.” Nên suy nghĩ như vậy: “Mong cho con đời này trụ ở quả Viên giác của Phật, cầu thiện tri thức, chẳng gặp ngoại đạo, Nhị thừa, nương nguyện tu hành, dần dần đoạn hết các chướng, chướng hết thì nguyện viên mãn, liền lên điện bảo pháp giải thoát thanh tịnh, chứng đắc cảnh giới Đại viên giác vi diệu trang nghiêm.”

Giới thứ 36

KHÔNG PHÁT THỆ

Là Phật tử, khi đã phát mười điều nguyện lớn trên đây rồi, phải giữ gìn giới cấm của Phật. Tự thệ rằng: “Thà nhảy vào đồng lửa hồ sâu, núi dao, quyết không cùng với tất cả khác phái, làm điều bất tịnh, để phạm điều cấm trong Kinh luật của Tam thế Chư Phật.

Lại thệ rằng: “Thà lấy lưới sắt nóng quán thân mình cả nghìn lớp, quyết không để thân này phá giới mà thọ những đồ y phục của tín tâm đàn việt. Thà chịu nuốt hoàn sắt nóng cháy đỏ và uống nước đồng sôi mãi đến trăm nghìn kiếp, quyết không để miệng này phá giới mà ăn các thứ thực phẩm của tín tâm đàn việt. Thà nằm trên đồng lửa lớn, trên tấm sắt nóng, quyết không để thân này phá giới mà nhận lấy các thứ giường ghế của tín tâm đàn việt, thà trong một hai kiếp chịu cho cả trăm gươm giáo đâm vào mình, quyết không để thân này phá giới mà thọ các thứ thuốc men của tín tâm đàn việt. Thà nhảy vào vạc dầu

sôi trong trăm ngàn kiếp, quyết không để thân này phá giới mà thọ lãnh phòng xá, nhà cửa, ruộng vườn, đất đai của tín tâm đàn việt.”

Lại phát thệ rằng: “Thà dùng chày sắt đập thân này từ đầu tới chân, nát như tro bụi, quyết không để tâm này phá giới mà thọ sự cung kính lễ bái của tín tâm đàn việt.”

Lại phát thệ rằng: “Thà lấy trăm nghìn lưỡi gươm đao khoét đôi mắt mình, quyết không đem tâm này phá giới mà nhìn xem sắc đẹp của người. Thà lấy trăm ngàn dùi sắt đâm thủng lỗ tai mình, trải qua trong một hai kiếp, quyết không đem tâm này phá giới mà nghe tiếng tốt giọng hay. Thà lấy trăm ngàn lưỡi dao cắt bỏ lỗ mũi mình, quyết không đem tâm này phá giới mà ngửi các thứ mùi thơm. Thà lấy trăm ngàn lưỡi dao cắt đứt lưỡi mình, quyết không đem tâm này phá giới mà ăn các thứ tịnh thực của người. Thà lấy búa bèn chặt đứt thân thể mình, quyết không đem tâm này phá giới mà mặc các thứ đồ tốt.”

Lại phát nguyện: “Nguyện cho tất cả chúng sanh đều thành Phật đạo.”

Nếu Phật tử không phát những điều nguyện trên đây, thì phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Thệ là trong tâm quyết đoán mười lời nguyện, ý chí, đồng mãnh, lấy thệ hỗ trợ cho nguyện, để khiến cho tâm không sanh khởi một niệm khiếp nhược thối lui, bậc Đại sĩ mới thành tựu ý nguyện sở trì, sở cầu, mãn nguyện như ý.

Đại sĩ trì cấm giới của Phật, trước tiên lấy 10 nguyện làm người dẫn đường, sau dùng 5 thệ để làm cho nguyện được kiên cố, khiến cho không sanh khởi một niệm khiếp nhược, tấn tu trọn đời. Năm lời thệ ấy là:

1. Lìa nhiễm dục
2. Thọ nhận của cúng dường
3. Thọ nhận sự cung kính
4. Làm thanh tịnh sáu căn
5. Độ chúng sanh.

Thà đem thân này, nghĩa là lời phát thệ kiên cố, ý nói là nát thân chứ không phạm giới. Chúng sanh bị lưu chuyển trong sanh tử, ái dục là thứ nhất. Làm nhiễm ô tâm địa bốn nguyên, hạnh bất tịnh đứng đầu, bởi vậy trước phải phát đại thệ rằng: “Thà đem thân nhảy vào hầm lửa, chịu các khổ thiêu đốt nát như tro bụi, chịu cái khổ rơi trong địa ngục, trong núi đao, rừng kiếm, chịu nổi thống khổ cắt lóc da thịt chân tay, ruột gan, v.v.... trăm ngàn muôn thứ thống khổ bức bách, trọn không dám vi phạm kinh luật của Phật, làm hạnh bất tịnh với người khác phái, vì sao vậy? Vì như lửa dữ, núi đao chỉ hoại sắc thân trong một đời, còn như làm hạnh bất tịnh thì muôn kiếp tan thân mất mạng. Cho nên tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, trầm luân trong biển khổ, không ra khỏi được, đều do nữ sắc, ái dục trói buộc. Như người mù không có con mắt trí tuệ, không thấy được hồ sâu sanh tử, khiến cho không biết bao sinh mạng phải bị vùi lấp.

Kinh Niết Bàn chép: “Nếu Bồ Tát tuy không hòa hợp với người nữ nhưng cùng họ nói năng, đùa giỡn cười cợt, hoặc là ngoài vách nghe tiếng vòng xuyên, nhãn đến thấy nam nữ đuổi bắt nhau, Bồ Tát này đã hủy phá tịnh giới, làm nhiễm ô phạm hạnh, khiến cho giới tạp uế, không được gọi là tịnh giới cụ túc, nghe tiếng, thấy sắc còn khiến cho tạp uế, huống gì Bồ Tát khởi niệm bất tịnh, lẽ đâu được giới cụ túc ư ?

Đoạn trước ghi: “*Lập thệ như vậy*”, còn đoạn này nói: “*Lại nguyện như vậy*” nên biết Thệ là ý chí quyết đoán trong Nguyện, tất cả y phục, ăn uống, thuốc men, giường chiếu, ngọ cụ, nhà cửa, ruộng vườn, đều là do tín tâm đàn việt, mong cầu phước mà cúng dường cho ta. Giới của ta được vẹn toàn cũng cần phải kiểm xét tâm mình sanh lòng hổ thẹn, dùng Bi điền và Kinh điền triển chuyển để sanh phước thiện. Nếu khuyết giới

thì một hạt gạo cũng khó tiêu, huống gì có thể đèn đáp chỗ mong cầu của thí chủ được, nên lập trước lời thệ này để tự răn nhắc và ngăn ngừa.

Lễ bái tuy không hao tổn tiền của nhưng mà tín tâm dần viêt chí thành. Bởi vậy có người đem tâm cung kính Tam bảo, một lần chiêm ngưỡng, một lần lễ lạy, vô lượng tội diệt, vô biên phước sanh.

Kinh Anh Lạc chép: “Bồ Tát khi mới sanh, đi bảy bước, kế đó giở chân trái, thế nhưng vô lượng chúng sanh trong tam thiên thế giới chẳng hay chẳng biết. Nếu có chúng sanh thấy tướng túc luân, đều phát tâm Vô thượng chánh đạo, phước báo này là do xưa kính lễ đức Như Lai, phải biết được phước đã nhiều nhưng nếu sai phạm mắc tội cũng không phải ít. Nay đem thân phá giới, thọ nhận người khác cung kính lễ bái, thì tự tổn phước không ít, đâu có thể khiến cho họ tăng thêm phước lành. Người có tâm hổ thẹn cần nên nghĩ kỹ. Trước là thệ thân khẩu không nhận tứ sự cúng dường của người khác. Nay thệ sáu căn, không nên phóng túng nhiễm đắm ngũ trần, mà không nói về ý căn là vì trong ngũ căn đều nói: “*Tâm phá giới*”, tâm chính là ý, huống gì ý căn vô hình, pháp trần vô thể, không thể dụ giống như ngũ căn, nhưng ý căn duyên cảnh trong năm trần phân biệt tốt xấu, tức là pháp trần, nên không thể lập thêm một pháp trần khác. Như vậy sáu căn nhiễm sáu trần, như con ruồi dính nơi đờm dãi, nay đã hoại mất giới thân, thì vĩnh viễn mất huệ mạng, cần phải phát thệ nghiêm trọng và lập ra cái nạn nghiêm trọng để ngăn ngừa. Bởi vậy thà chịu sự thống khổ trăm ngàn dao nhọn kiếm bén đâm vào tim mình, quyết không nhìn sắc đẹp, nhần đến không ham đắp mặc y phục mịn màng, nằm nơi êm ấm, v.v... Nay dùng tâm thệ này, cắt đứt nguồn gốc ác mới có thể sanh căn lành. Nên Kinh Di Giáo chép: “Tai họa của năm căn gây tai ương đến nhiều đời, gây hại không kể xiết, không thể không thận trọng. Bởi vậy người trí ngăn ngừa mà không theo, giữ nó như giữ giặc, giả sử có buông lung nó thì chỉ trong khoảnh khắc, liền phải trừ diệt.”

Luận Đại Trí Độ chép: “Như Phật dạy, thà dùng sắt nóng dí lên mắt mình, chứ không đem tâm nhiễm liếc nhìn nữ sắc. Người trí không nên nhìn sắc đẹp, nếu muốn quán, phải coi người ấy như mẹ, như chị của

mình, v.v... nhìn kỹ, quán xem bất tịnh đầy đầy, lửa dâm chẳng dứt thì bị nó thiêu đốt. Cái họa của sắc đã như vậy, còn thanh, hương, vị, xúc có thể tự rõ.

Bốn thệ nguyện trên đây, tuy nói là tự độ, nhưng cũng gồm cả độ tha, vì sao vậy ? Vì Bồ Tát tu hành vốn vì chúng sanh, nếu không tự độ thì làm sao độ người ?, Không giống như Nhị thừa, chỉ tự độ, nên nay phát thệ nguyện này, nguyện chúng sanh thành Phật, chính là bồn hoại của Bồ Tát, là đại thệ tự lợi và lợi tha cùng thành Phật đạo. Người không phát nguyện này là do không lập năm thệ trước. Nếu không lập mười nguyện và năm thệ, dẫu có tu trì, chỉ là không rơi vào Nhị thừa, được hưởng phước báu ở cõi trời, cõi người mà thôi.

Giới thứ 37

KHÔNG ĐƯỢC DU HÀNH NƠI MẠO HIỂM, CÓ NẠN

Là Phật tử, thường nên hai mùa tu hạnh Đầu đà, mùa đông mùa hạ ngồi thiền, kiết hạ an cư, thường dùng nhang dương, nước tro, ba y, bình bát, tọa cụ, tích trượng, hộp lư hương, dây lược nước, khăn tay, con dao, đá lửa, cái nhíp, giường giầy, kinh luật, tượng Phật, tượng Bồ Tát. Khi Bồ Tát tu hạnh Đầu đà, du phương qua lại trong trăm dặm, ngàn dặm, 18 vật này thường mang theo bên mình. Hành hạnh Đầu đà từ rằm tháng giêng đến rằm tháng ba và từ rằm tháng tám đến rằm tháng mười, trong hai kỳ hành hạnh Đầu đà luôn mang theo mình mười tám thứ ấy, như chim hai cánh.

Nếu đến ngày bố tát, Bồ Tát tân học mỗi nửa tháng phải thường bố tát tụng 10 giới trọng và 48 giới khinh.

Lúc tụng giới nên ở trước tượng Phật và tượng Bồ Tát mà tụng, chỉ có một người bố tát thì một người tụng, nếu có hai người, ba người, cho đến trăm ngàn người thì cũng chỉ một người tụng. Người tụng ngồi trên tòa, người nghe ngồi dưới tòa, tất cả đều đáp y hoại sắc chín điều,

bảy điều và năm điều, lúc kiết hạ an cư mỗi mỗi việc đều phải như pháp.

Lúc hành hạnh Đầu đà, chớ đi đến chỗ có tai nạn, như cõi nước hiểm ác, nhà Vua hung bạo, đất đai gập ghềnh, cỏ cây rậm rạp, chỗ có sư tử, cọp, sói cùng lụt bão, nạn cháy, giặc cướp, đường xá có rắn độc; tất cả những nơi hiểm ác ấy đều không được đến, chẳng những lúc hành hạnh Đầu đà, mà lúc kiết hạ an cư cũng không được vào những chỗ hiểm nạn ấy. Nếu cố vào nơi ấy, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Nghiệp đã kết nhiều đời nhưng sở dĩ chưa thọ quả báo thì chưa nhất định gặp duyên liền như vang theo tiếng, như bóng theo hình, nếu chưa gặp duyên phải đợi đến lúc khác.

Du hành nơi hiểm nạn, như con thiêu thân lao đầu vào lửa, huống gì thân người khó được như rùa mù gặp lỗ cây. Giả sử gặp ác duyên tạm quên huệ nhãn, sanh ra đại thống khô, do đây phải đọa ba đường ác, hiện tại đánh mất phước duyên với đạo, vĩnh viễn trôi dạt trong bến mê, hơn nữa các tai nạn lớn nhỏ nào ai biết trước, tự chuốc lấy tai vạ chết yểu, thật đáng thương thay.

Hai mùa là mùa xuân và mùa thu, khí hậu dễ chịu, không bị nóng và lạnh trở ngại, việc hành hóa của Bồ Tát trở nên thuận tiện.

Đầu đà, cũng gọi là *Đỗ đa* (Trung Hoa dịch là *Đầu tâu*), nghĩa là phải sạch các phiền não tham, sân, si trong ba cõi ra khỏi sự trói buộc, thương ghét của sanh tử. Hành Đầu đà có 12 thứ như kinh Đại Bát Nhã nêu rõ:

1. Ở chốn A Lan Nhã (Trung Hoa dịch là chỗ tịch tĩnh), cách thôn ấp khoảng sáu dặm.
2. Thường đi khất thực.
3. Mặc áo bá nạp, chính là áo phấn tảo.
4. Ăn một bữa.
5. Tiết chế sự ăn uống.

6. Sau giờ Ngọ không ăn, chỉ uống nước trái cây.
7. Ngồi nơi gò mả.
8. Ở dưới gốc cây.
9. Ngồi nơi đất trống.
10. Thường ngồi không nằm.
11. Theo thứ lớp khát thực (không lựa nhà giàu sang)
12. Chỉ mặc 3 y (không chứa y dư thừa).

Đối với việc ăn uống, y phục và chỗ ngủ, nghỉ, không đắm nhiễm là lìa chướng ngại, mau được giải thoát.

Đại Luận chép: “Giới mà Phật đã kiết, đệ tử phải thọ trì.” Mười hai hạnh Đầu đà không gọi là giới, nếu người hay thực hành thì giới được trang nghiêm, không hành trì thì cũng không phạm giới, thí như người bố thí hay thực hành thì được phước, không bố thí thì cũng không mắc tội.

Mùa đông, mùa hạ thì ngồi thiền, mùa đông thì tuyết lạnh, mùa hạ thì nóng bức, lại nhiều thứ côn trùng giun đé, muỗi mòng, nếu đi du hành thời thường gặp khi trời lạnh nóng làm thương tổn thân thể, lại tổn hại thân mạng chúng sanh nên tọa thiền an cư.

Mười tám thứ vật mang theo bên mình như chim có hai cánh, mặc tình bay lượn, dạo đi trăm dặm, ngàn dặm, thọ dụng không thiếu, về sự thì như vậy, nhưng về lý có hơn có kém.

Nhàn dương để tẩy sạch khẩu nghiệp. Nước tro dùng để tẩy sạch thân nghiệp. Nước tịnh bình để tẩy sạch ý nghiệp. Một bình bát tiêu biểu biết đủ để lìa tà mạng. Ba y để trừ ba độc, là đắp mặc áo giáp hoàng thế. Tọa cụ để an ổn ngũ phần pháp thân. Tích tượng là tiêu biểu dựng lập cờ xí của Thánh, Hiền. Hương là tiêu biểu cho mùi thơm giới đức. Lò là tiêu biểu trì giới kiên cố. Hộp là vật để hương có đáy bằng phẳng, tiêu biểu tâm địa Bồ Tát bình đẳng. Đầy lược nước là hạnh từ cứu độ chúng sanh. Khăn tay là để lau chùi mồ hôi vô tâm, vô quý. Dao là hàng phục bốn ma. Đá lửa tiêu biểu ánh sáng trí tuệ, để phá trừ vô minh

si mê tối tăm. *Nhíp* dùng để nhỏ sạch cội rễ phiền não. *Giường giây* tiêu biểu cho tòa pháp không.

Kinh luật để xiển dương cội nguồn Đại thừa tâm tông. Tượng Phật tiêu biểu cực quả Như Lai.

Tượng Bồ Tát là tiêu biểu cho nhơn vi diệu của Bồ Tát, muốn chứng quả cao tốt phải cần có nhơn vi diệu, muốn xây dựng thêm bậc của nhơn vi diệu, trước hết phải rõ tâm địa, mùi tám thứ vật dụng như thế, sự và lý đầy đủ, dù trong tích tắc không được lìa khỏi thân, nếu lìa thì chẳng phải thực hành đại đạo của Bồ Tát.

An cư kiết hạ, từ ngày 16 tháng 4 kiết đến rằm tháng 7 (âm lịch) giải, là ba tháng cấm túc, đó là thời gian cần thiết để 3 tháng sách tấn tu hành.

Thường bố tát, nghĩa là trong một năm, mỗi nửa tháng (tháng có trăng và không trăng) thường tụng giới kinh, không nên bỏ kỳ nào. Nay chỉ nêu hàng tân học Bồ Tát, nghĩa là hàng cựu học đã biết rõ phép thường của Chư Phật mỗi nửa tháng tụng giới một lần, vì sợ rằng hàng tân học Bồ Tát chưa rõ nghi thức định kỳ tụng giới hàng tháng, chứ không phải ý nói cựu học Bồ Tát không tụng, nên văn trước nêu rõ: “Phật Lô Xá Na tụng, ta cũng tụng như thế, ba đời Chư Phật Bồ Tát cũng tụng như thế”, đủ biết không phải chỉ riêng tân học Bồ Tát mới tụng.

Khiến ở trước tượng Phật và Bồ Tát tụng, thấy rõ là hàng tân học Bồ Tát tụng cũng không khác với Phật và Bồ Tát. Một người bố tát thì một người tụng, cho đến trăm ngàn người cũng chỉ một người tụng mà thôi, đây là khiến cho đại chúng nghe không bị huyền não ồn ào, mỗi mỗi đều được nhứt tâm, người tụng ngồi tòa cao, tụng cho rõ ràng để hiển rõ giới pháp phải tôn sùng, người nghe ngồi tòa thấp, để được nghe hết, cũng để rõ khiêm tốn đem tâm kính giới.

Ca sa, tiếng Phạn nói đủ là Gia-sa-giả (Trung Hoa dịch là Hoại sắc) cũng gọi là màu đỏ, dùng ba thứ phẩm xanh, đen, mộc lan nhuộm thành y hoại sắc, như lá dâu vàng, để khác với năm sắc chính, còn như nêu rõ

công năng, thì tên gọi và nghĩa của nó không chỉ có một, danh nghĩa của nó chẳng phải một.

Năm điều gọi là An Đà Hội (Trung Hoa dịch là Hạ Trước Y). *Bảy điều gọi là Uất Đa La Tăng* (Trung Hoa dịch là Thượng Trước Y). *Chín điều gọi là Tăng Già Lê*, Trung Hoa dịch là Trùng y, y này có chín phẩm, từ 9 điều đến 25 điều, nay chỉ lược nêu phẩm thứ nhất, cũng là biểu trưng cho nửa tháng tụng giới, là cửa ngõ đầu tiên làm lợi ích cho cửu giới (chín cõi).

Mỗi nửa tháng như pháp, nghĩa là chẳng những mỗi nửa tháng tụng giới, mà ngay trong mùa an cư kiết hạ cũng phải nhất nhất như pháp, mỗi nửa tháng tụng giới, không được thiếu sót.

Nếu gặp lúc an cư mà không an cư, mạo hiểm du hành đây đó, thì đây gọi là mạo hiểm du hành chỗ có nạn, có ngại. Thời nay cách Phật quá xa, chánh pháp và tượng pháp đã qua rồi, đang thời kỳ mạt, bỏ phế việc bố tát, chánh giáo ít được nghe. Các chốn tông lâm, mười người hết chín người không thực hành, hoặc có người vào ngày mừng một, ngày rằm tháng tòa dạy chúng, gọi đó là bố tát. Thậm chí ban đêm uống trà, nói chuyện cho đó là yết ma. Than ôi! Pháp sắp diệt rồi, ai là người chánh đây ! chỉ nhờ bậc Đại nhơn hữu lực, nối dòng Thánh chủng, tiếp nối quy củ giới luật, cứu vãn mỗi tề nơi thời mạt này, mở mang chánh giáo cho hậu học, tuy nói là cách Thánh đã xa, nhưng đồng với thời chánh pháp không khác, nếu phế bỏ việc bố tát để bổ sung vào nghĩa dựng lập, bèn bị quỷ thần quở trách, hàng La Hán tự cho là thanh tịnh, đức Thế Tôn còn đích thân mời đến vân tập bố tát, chúng ta là hạng người gì mà dám coi thường giới luật ? nay chỉ nêu một hai điểm trong đó để tự hổ thẹn mà răn nhắc lấy mình.

Xưa Tăng Phạm ở chùa Đại Giác, huyện Nghiệp Đông, nước Tề, vốn là người giới đức thanh cao, giữ giới rất cẩn mật, không sai phạm, từng nghỉ ở chùa khác ý muốn nghe giới, đến đêm ngày 15, chúng bàn nghị việc tụng giới bố tát, để bàn nghĩa thẳng tắt, mới sai một vị Tăng thăng tòa nói: “Bàn thẳng về pháp tướng, để hiểu sâu Thánh ý, cần gì phải lao

nhọc cực khổ bố tát làm gì”. Chúng Tăng đều đồng ý như vậy, bỗng thấy một vị thần hình dáng cao hơn một trượng vọt lên làm người ta khiếp sợ, hỏi người bày ra nghĩa thẳng tắt : “Hôm nay là ngày gì ?” Người kia đáp: “Ngày bố tát” Thần liền đánh và xô vị ấy xuống tòa, vị Tăng ngã lăn sấp chết. Kế đó, vị thần hỏi hai, ba vị thượng tọa, các vị này cũng đáp như vậy, thần mỗi mỗi quở trách và hành hạ rồi đánh cho thừa sống chí chết, vị thần khoác áo ra đi. Cả Tăng cả tục ai nấy đều thấy. Tăng Phạm thấy vậy tự gắng một đời cung kính giới. Lại nữa, Tăng Vân ở chùa Bảo Minh, huyện Nghiệp Hạ, nước Tề, là người lãnh đạo đại chúng, ngày 15 tháng 4, chúng vân tập muốn thuyết giới, Tăng Vân là bậc thượng thủ, bạch đại chúng rằng: “Giới vốn ngăn quấy dứt lỗi, người người tụng được, cần gì phải tụng nhiều lần, chỉ cần sai một ông Tăng tụng lược là được rồi để người đời sau được khai ngộ. Tăng Vân là người có tiếng tăm đương thời nên không ai dám phản đối, phải đợi đến cuối mùa hạ. Trong mùa hạ đó, chúng Tăng thường bỏ việc thuyết giới. Đến ngày 15 tháng 7 âm lịch đại chúng muốn nhóm họp, muốn tự tứ, bỗng chẳng thấy Tăng Vân ở đâu, đại chúng bèn đi tìm khắp bốn phía. Cách bên chùa hơn ba dặm, Tăng chúng tìm thấy Tăng Vân ở trong một ngôi mộ cổ, toàn thân máu ra đầm đìa như bị ai cắt thịt, nghe chúng hỏi, Tăng Vân đáp: “Có một trượng phu cầm dao dài hơn ba thước, lớn tiếng hỏi ta sao dám cải đổi ngày giờ bố tát, bày ra chuyện tụng lược. Dao chém vào thân ta đau đớn vô cùng.” Đại chúng dìu Tăng Vân trở về chùa, dốc lòng sám hối. Từ đó về sau, cả thầy mười năm, Tăng Vân thường lấy việc thuyết giới bố tát làm bổn phận của mình. Bởi vậy, đến lúc lâm chung có mùi hương lạ hoằng quyện bên thân Ngài.

Cõi nước có hiểm ác, chính là người và cảnh bất thiện, vị Quốc chủ tâm bất thiện thời không có lòng tôn kính Tam bảo, ắt có sự khinh hủy Sa môn. Cõi nước cao thấp thời núi đồi gồ ghề, đất thấp ẩm ướt, nơi ở không an, rừng cây sâu thẳm thì phần nhiều thú dữ, ác quỷ tụ tập nhiều, sư tử, sói lang chính là ác thú hại người, nạn nước nhận chìm, nạn lửa thiêu đốt, nạn gió làm gãy đổ, giặc cướp thì cướp phá, rắn độc làm hại người. Tất cả nạn là chỉ nêu sơ lược tám thứ, còn lại rất nhiều không thể kể hết, nên nói “tất cả”. Hễ nơi nào có nạn, làm mất mạng và mất hạnh

thanh tịnh thì không được vào, nếu biết mà cố vào thì phạm. Có người cho rằng: “Bồ Tát còn đem thân thí cho cạp đói, đâu được bỏ những nơi xa, lời nói này thật là chưa thấu đạt chánh lý. Xả thân thí cho cạp ăn là cứu giúp cho cạp đói khỏi chết, đem thân thay thế chim bồ câu, để cứu mạng nó, mạo hiểm đi vào cõi nước hung dữ, nạn nước, nạn lửa lao mình đến chỗ giặc cướp rắn độc, đã không có lợi cho bọn họ thì có ích gì cho pháp môn ? huống gì người mới hành Bồ Tát hạnh, nhân lực chưa đủ, bỏ mạng một cách oan uổng, ngã kiến chưa bỏ, mất luôn chánh niệm, vả lại đợi cho thân ngũ uẩn không thân thông liền phát, hoặc vào vạc dầu, lò than chịu thay khổ, hoặc biến toàn thân thành núi thịt mà cứu đói cho chúng sanh. Đây là diệu dụng của Bồ Tát hành pháp lục độ, đâu thể so sánh với người có tâm mạo hiểm đi du hành các nơi hiểm nạn ư ?

Hỏi: Trừ các nạn trên không được đến, giả sử ngẫu nhiên gặp nạn ấy thì phải định liệu như thế nào?

Đáp: Bồ Tát Học Luận ghi: “Nếu vì nhơn duyên gặp các việc nạn, phải chánh niệm mà đối trị, không sanh tâm kinh sợ. Nên Kinh Bát Nhã Phật dạy Xá Lợi Phất: “Giả sử Bồ Tát ở trong nạn thú dữ, không sanh tâm khiếp sợ buồn rầu, cũng không sợ hãi, vì sao? Vì khởi niệm như vậy, ta nên làm lợi ích cho chúng sanh, tất cả đều phải xả hết, nếu các ác thú muốn ăn thịt ta, ta sẽ thí cho mau chóng thành tựu viên mãn bố thí Ba-la-mật, nguyện khi ta thành Vô thượng chánh đẳng, chánh giác, cõi nước thanh tịnh, không còn nghe tên ác thú, độc thú nữa, dầu gặp nạn giặc cũng không sanh tâm kinh hãi, buồn rầu lo sợ, vì có sao? Vì Bồ Tát này đã xả bỏ tất cả những gì mình có và suy nghĩ rằng: “Nếu giặc cướp đến, muốn lấy, ta sẽ đem cho, cho đến giặc cướp muốn lấy thân ta, ba nghiệp của ta cũng không sân hận, để mau thành tựu viên mãn giới Ba-la-mật và được đầy đủ nhân Ba-la-mật. Nguyện lúc ta sắp thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cõi nước thanh tịnh, không còn nghe tên giặc cướp như thế nữa, như kinh đã chép: “Lìa tất cả sự buồn rầu, sợ hãi, v.v... không mất chánh niệm mà còn hay thành tựu các công đức.”

Giới thứ 38

TRÁI THỨ LỚP TÔN TI

Là Phật tử, phải theo thứ tự đúng pháp mà ngồi; người thọ giới trước thì ngồi trước, người thọ giới sau thì ngồi sau; không luận già trẻ, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, người quyền quý, Quốc vương, Vương tử, cho đến huỳnh môn, tỳ tá, v.v... tất cả đều nên theo thứ tự mà ngồi. Không được như hàng ngoại đạo si mê, hoặc già, hoặc trẻ, ngồi trước sau lộn xộn không có thứ tự, không khác cách ngồi của bọn binh nô. Trong giáo pháp của ta, hễ ai thọ giới trước thì ngồi trước, ai thọ giới sau thì ngồi sau.

Nếu Phật tử không theo thứ tự đúng pháp mà ngồi, thì phạm tội khinh cấu.

Giải thích:

Tâm ngã mạn chưa trừ đâu thể tôn kính như Phật, không nương chánh giáo nên trái lễ mất tôn ti, chẳng phải tâm hiếu thuận của Bồ Tát và đạo khiêm cung của hàng Thích tử.

Tâm trọng pháp nên luận về thứ lớp giới đức không phân chia sang hèn, không hỏi tuổi đời già hay trẻ, chỉ tính giới lạc tôn ti, đâu đồng với ngoại đạo si mê. Chẳng trọng bậc tiên đức, ngồi không có thứ lớp trước sau, binh nô là kẻ vô thức, đâu biết được lễ pháp nên ngồi mất thứ lớp. Triều đình còn luận về chức tước cao thấp, huống gì Phật pháp, lẽ đâu không có giới đức trước sau ư?

Lúc Bồ Tát lãnh thọ giới pháp chính là lúc sanh trưởng giới thân huệ mạng, đâu được không y vào giới lạc mà luận về tuổi tác ư ?

Hỏi: Giới lạc thì được rồi, còn như vua tôi, cha con, nam nữ, tăng ni, không phân chia tôn ti trật tự, lẽ đâu không hỗn tạp ư?

Đáp: Hiện tại vị trí tăng ni đã tự phân trước sau rõ ràng rồi, nam nữ mỗi mỗi có thứ lớp, nếu Vua trọng pháp thì bề tôi thọ giới được ngồi ở phía trước. Vua nếu giữ gìn lễ nghi phép tắc ở đời thì bề tôi sẽ lui ngồi phía sau, tránh khỏi sự lưu nạn như Phật pháp đã nói (Phật pháp căn cứ người thọ giới trước ngồi trước, người thọ giới sau ngồi sau, không luận là vua tôi hay thứ dân). Nếu thật như người trọng đạo mà đã vong ngã, vong nhân thì cũng như Phạm Vương đánh lễ Thiên Nữ. Nếu luận về pháp không có sang hèn, thì cũng như trời Đế Thích đánh lễ Giã Can, thì đâu còn tâm phân biệt già trẻ, sang hèn, trọng khinh ư ?

Không y vào giới theo thứ lớp tôn ti, nhường chỗ và mời người khác ngồi, người nhường và người ngồi cả hai đều phạm.

Xưa Vua A Xà Thế thỉnh ngài Văn Thù, ngài Văn Thù nhường cho ngài Ca Diếp đi trước với lý do ngài Ca Diếp làm thượng thủ chúng La Hán, hơn nữa lại là Sa môn lâu năm. Ngài Ca Diếp lại nhường cho ngài Văn Thù vì tôn xưng Văn Thù là bậc thần trí biện tài vô ngại, nên Văn Thù đi trước. Do Vua A Xà Thế tin ngài Văn Thù một cách không căn cứ cho nên chỉ thỉnh Văn Thù, để tâm đến Văn Thù mà không để tâm đến Ca Diếp, nên Văn Thù mới nhường cho Ca Diếp, không dám trái phép thường của Phật xưa. Ca Diếp cứ nhường cho Văn Thù, vì thuận theo bổn ý của trai chủ, như thần Nam Sơn thỉnh pháp sư Hoa Nghiêm và đặt tòa trên 500 A La Hán, thì giống như việc trước, chuẩn theo đây thấy rõ căn cơ và tòa ngồi thích hợp. Trái lẽ thường thì hợp với đạo, nên ứng biến tùy nghi, đó mới là diệu dụng quyền biến của bậc Đại sĩ, nên biết thọ giới trước ngồi trước, đây là tôn sùng giới lạc.

Thần trí biện tài vô ngại, thuận theo ý của người thỉnh, là trọng pháp trọng người, thấy căn cơ để tùy thuận thích nghi, chỉ e rằng đời mạt pháp thì không biết, có kẻ ý cậy tài cao mà xem thường bậc kỳ đức, hoặc ý tuổi hạ cao mà khinh bậc đạt ngộ, tâm đầy ngã mạn, vọng cho mình là bậc thấy cơ, chúc tội tổn phước mất đức, ai là người chịu tội ấy cho, xin tự suy nghĩ lấy.

Giới thứ 39

KHÔNG TU PHƯỚC HUỆ

Là Phật tử, thường phải khuyến hóa tất cả mọi người dựng lập Tăng phò, nơi núi rừng vườn ruộng dựng tháp Phật, chỗ an cư, tọa thiền. Trong mùa đông, mùa hạ, tất cả những cơ sở hành đạo đều nên dựng lập.

Người Phật tử phải giảng thuyết kinh luật Đại thừa cho tất cả chúng sanh. Lúc bệnh tật, nước có nạn, có giặc, ngày cha mẹ, anh em, A Xà Lê mất, từ tuần thất thứ nhất cho đến tuần thất thứ bảy, cũng nên giảng thuyết kinh luật Đại thừa. Tất cả những trai hội cầu nguyện, những lúc đi làm ăn, những khi có tai nạn, lụt bão, hỏa hoạn, lúc gió dữ quay cuồng, nạn quỷ La-sát nơi sông to biển lớn, v.v... đều cũng thuyết giảng kinh luật Đại thừa, cho đến khi gặp tất cả người bị tội báo, tam ác, bát nạn, thất nghịch, gông cùm, xiềng xích trói buộc tay chân, hoặc người nhiều dâm, nhiều sân, nhiều ngu si, nhiều tật bệnh, đều nên giảng kinh luật Đại thừa này.

Nếu hàng Bồ Tát tâm học không thực hành như trên, thì phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Phước huệ song tu chính là bốn hạnh lợi sanh của bậc Đại sĩ. Phước trí nhị nghiêm cả hai đều đủ, đây là cực quả thành Phật của Bồ Tát. Nếu thiếu một trong hai, cũng như chim một cánh, làm sao bay liệng được! Đoạn này nói rõ vấn đề giáo hóa chúng sanh tu phước, nêu sơ lược gồm bảy việc:

1. *Tăng phò* là nơi chúng Tăng tụ hội an cư.
2. *Núi rừng* là nơi có cây che mát cho chúng Tăng ngồi tu hành.
3. *Vườn* là nơi cung cấp hoa trái cho chúng Tăng
4. *Ruộng* là nơi cung cấp lúa gạo cho chúng Tăng
5. *Dựng tháp Phật* để mọi người chiêm ngưỡng, để Trời người tạo phước thù thắng.

6. *Dựng lập chỗ an cư, tọa thiền* giúp cho mọi người ngày đêm tấn tu.
7. *Tất cả nơi hành đạo* là tất cả chỗ tu hành đạo nghiệp.

Bảy nơi nêu trên phải được xây cất hoặc giáo hóa cho chúng sanh khiến họ tự dựng lập. Nếu khuyến hóa cho họ tức là đã tạo phước trời người cho họ, tạo nhưn lành xuất thế gian cho họ. Xây cất những nơi như vậy, cần phải cách xa những gò mả, quỷ thần, dâm phùng, quán rượu, nhà đồ tể, cho đến nhà đầu đảng hội họp. Như thế mới không bị khuấy động, không bị kẻ khác cười chê, ghen ghét, đại chúng mới được yên tĩnh tu hành.

Tỳ kheo làm tịnh thất, Phật còn chế phải lìa chỗ có nạn, có ngại, huống gì Bồ Tát độ mình độ người ư !

Nơi có nạn tức là nơi có các ác thú, cho đến các loài côn trùng quấy nhiễu như ruồi, muỗi, v.v...

Nơi trở ngại tức là bốn phía quanh tịnh thất, trong phạm vi một tầm (8 thước), nơi có giếng nhiều người sử dụng và đường đi, hoặc gần bờ có hầm sâu, hoặc gần tháp của người khác, đất của quan, đất của ngoại đạo, đất của Tỳ kheo, v.v... Những chỗ không nạn, không ngại này, trước còn phải thuyết pháp cho họ, khiến họ tự sanh tâm hỷ xả, không nên ép buộc, yêu sách đối với họ, làm cho họ đánh mất tín tâm, nghe cúng thí như tránh nợ, thấy Tăng như gặp kẻ thù. Xưa trong thành Khoáng Dã ở nước Thiên Trúc, các thầy Tỳ kheo làm phòng nhà xin quá nhiều vật liệu, khi ấy các cư sĩ thấy các Tỳ kheo, họ liền đóng cửa lánh mặt. Nghe thế ngài Ca Diếp bạch Phật, Phật quở trách các Tỳ kheo, rồi nhân đó nói tích xưa ở bên sông Hằng, có vị Phạm Chí tu đạo thường bị con rồng phun nước quanh mình, Phạm Chí buồn bực sanh bệnh, Phật dạy Phạm Chí theo con rồng xin hạt châu trên cổ, từ đó về sau rồng không đến nhiễu hại nữa. Lại có các Tỳ kheo ở trong rừng bị nạn, ngày đêm nghe tiếng chim kêu làm náo động việc thiền định, Phật dạy Tỳ kheo đến xin hai cánh của chim, chim liền ra khỏi rừng, không trở lại chỗ này nữa. Phật bảo các Tỳ kheo, các ông nên biết, chim thú còn không ưa người ta

yêu sách, hưởng gì con người bị người khác yêu sách quá nhiều, lẽ đâu không ghét chằng! Thời nay có người mượn việc công để làm lợi riêng, mượn công việc để cầu lợi, khinh chê nhân, mê muội quá, ngàn kiếp khó có thể đền trả được. Do tội lạm dụng của tín thí, muôn đời không được trở lại làm người, hại mình hại người, mượn tiếng giáo hóa để cầu phước. Thật là bọn giặc nguy hiểm trong pháp môn.

Nên vì tất cả chúng sanh mà giảng thuyết kinh luật Đại thừa, nghĩa là nêu chung đại cương để tu huệ, phần sau nói rõ duyên cảnh để tu phước.

Tật bệnh tức là nhờ kinh luật này khai trị được tội báo ác nghiệp, phiền não của chúng sanh.

Nước có nạn, nghĩa là nhờ kinh luật này giữ gìn tâm của Quốc vương, diệt trừ các oán địch và muôn thứ tai họa khác.

Nạn giặc, nghĩa là nhờ kinh luật này xô dẹp lục tặc và các thứ giặc cướp làm kinh hãi.

Cha mẹ,...những người mất ấy, nhờ kinh luật này hay làm lợi ích cho kẻ còn người mất, có thể giúp cho thần thức của thân trung ấm vắng sanh Tịnh độ, hoặc thọ phước báo an vui cõi người, cõi trời rồi hưởng đến giác ngộ giải thoát.

Trai hội cầu nguyện, nghĩa là nhờ kinh luật này đầy đủ hạnh nguyện, nên hay làm viên mãn sở cầu của tất cả chúng sanh.

Những lúc đi làm ăn, nghĩa là nhờ kinh luật này hay phát tài, nên thành tựu nghĩa lợi, trân bảo cho chúng sanh.

Lúc hỏa hoạn, nhờ kinh luật này diệt trừ lửa phiền não sân hận của chúng sanh, hưởng gì là ngọn lửa của cây cỏ.

Những khi có tai nạn lụt bão, nghĩa là kinh luật có thể làm khô cạn sông lớn sanh tử ái dục của chúng sanh, huông gì hoạn nạn chìm đắm trôi dạt ư ?

Lúc gió dữ quay cuồng, nghĩa là nhờ kinh luật làm thuyền đại từ đưa chúng sanh vượt qua biển khổ sang bờ giác ngộ giải thoát, huông gì các nạn quỷ La-Sát ở nơi sông to biển lớn mà không vượt khỏi được ư ?

Nhứt thiết tội báo, nghĩa là tội báo chẳng phải một, nên dưới đây chỉ nêu một số loại: *Tam ác, bát nạn, thất nghịch*, nghĩa là kinh luật này là nền tảng đoạn ác sanh thiện, nên hay làm cho chúng sanh ra khỏi ba đường ác, sanh vào ba đường thiện. Hơn nữa, kinh luật này thù thắng, chuyển họa thành phúc, nên hay vượt qua bát nạn, được các phúc báo thù thắng. Lại nữa, kinh luật này là gốc của hiếu thuận, nên hay trừ được tội báo thất nghịch.

Gông cùm, xiềng xích, nhờ kinh luật này đủ diệu dụng giải thoát, nên hay trừ được các khổ trói buộc bên trong bên ngoài của chúng sanh.

Người nhiều dâm, nhiều sân si, nhờ kinh luật này hay xuất sanh tâm thanh tịnh, tâm từ bi, tâm trí tuệ, nên hay diệt được các tội báo ác hại của chúng sanh trong tam đồ.

Người nhiều tật bệnh, đoạn trước nói tật bệnh là một thứ bệnh của khổ. Nay nói nhiều bệnh, thì có bốn đại chống trái nhau. Các thứ thống khổ, rộng thì có đến 404 bệnh, 84000 trần lao phiền não bức bách. Nay kinh luật này vốn đủ Tứ đức Niết bàn (thường, lạc, ngã, tịnh), lưu xuất ra 84000 pháp môn thiện, nên hay trị lành ngàn thứ, muôn thứ bệnh cho chúng sanh.

Không như vậy, nghĩa là không tu phước huệ như đoạn trước đã nêu thì phạm. Nếu sức mình không kham nổi thì không phạm.

Từ giới 31 (Không mua chuộc) đến giới này là 9 giới không tu phước huệ, cần phải siêng năng học tập, cung kính phụng trì. Như muốn biết rộng thì hãy xem trong phẩm Phạm Đàn của kinh này.

Giới thứ 40

KHÔNG ĐƯỢC LỰA CHỌN THỌ GIỚI

Là Phật tử, khi trao giới cho người khác không được lựa chọn. Tất cả Quốc vương, Vương tử, Đại thần, Bá quan, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, tín nam, tín nữ, dân nam dân nữ, 18 Phạm thiên, Thiên tử trong sáu cõi trời dục, người vô căn, nhị căn, huỳnh môn, tội tứ và tất cả quỷ thần đều được thọ giới. Tất cả y phục, ngọc cụ đều phải nhuộm hoại sắc để hợp với đạo, nghĩa là làm cho những màu như xanh, vàng, đỏ, đen, tía trở thành màu hoại sắc. Y phục của Tỳ kheo phải khác với y phục của người dân trong các Quốc độ.

Khi có người đến cầu thọ giới Bồ Tát, vị Sư phải hỏi rằng: “Hiện đời này ông có phạm tội thất nghịch không?”. Pháp sư Bồ Tát không được cho người phạm tội thất nghịch thọ giới. Thất nghịch gồm: Ác tâm làm thân Phật chảy máu; giết Thánh nhân; giết Cha; giết Mẹ; giết Hòa thượng; giết A Xà Lê; phá Yết Ma Tăng, chuyển Pháp Luân Tăng. Nếu phạm tội thất nghịch thì hiện đời không đắc giới. Ngoài ra mọi người đều được thọ giới.

Theo phép của người xuất gia, không lay Quốc vương, Cha mẹ, lục thân và quỷ thần. Chỉ cần hiểu lời nói của Pháp sư đều được thọ giới. Có người từ trăm dặm ngàn dặm đến cầu pháp, nếu Pháp sư Bồ Tát dùng sân tâm, ác tâm, không truyền ngay giới Bồ Tát cho họ, thì phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Đại sĩ lấy việc phổ độ làm trách nhiệm, lấy từ bi làm bản hoài, có người đến cầu thì không trái ý, không nơi nào mà không cứu giúp, nên không

có tâm lựa chọn. Vì bốn nguyên bình đẳng, nên không khởi tâm phân biệt sang hèn, trí ngu của trời người. Tâm địa vốn đầy đủ muôn pháp nên thâm nhiếp hết thiện tâm, tịnh uế, tăng tục, cao thấp, hướng gì Đại sĩ đem tâm bình đẳng nhìn chúng sanh, coi họ như con một, lẽ đâu có việc lựa chọn, phân biệt ư?

Những màu sắc ở thế gian ưa chuộng có năm màu chính. Người xuất gia không giống như người thế tục, nên nói *đều phải làm cho hoại sắc để hợp với đạo*. Màu xanh không phải là xanh đậm, xanh lơ mà phải là xanh xẫm. Màu vàng không phải là vàng rực, vàng lọt mà là màu vàng pha với đỏ, tức là màu của mộc lan. Màu đen không phải hoàn toàn như màu quạ đen, hay sắc phục của ngoại đạo mà là màu đen pha tía, như lá dâu chín, đó gọi là Truy y. Căn cứ năm màu sắc này, đều phải làm cho hoại sắc để khác với các màu xanh, vàng, đỏ, đen, tía, năm màu rực rỡ của thế tục. Xá Lợi Phất Vấn Kinh ghi: “Dùng năm màu này để biểu trưng cho năm bộ phái chứ không phải để cho Tỳ kheo mặc. Nếu mặc thì đồng với năm màu rực rỡ của thế tục, đâu thể gọi là hoại sắc, đâu khác với y phục của thế tục, thì làm sao tránh khỏi lỗi biến Ca sa thời mạt pháp thành năm màu của thế tục.”

Tất cả y phục của người dân trong các Quốc độ, nghĩa là y phục của các Quốc độ mỗi nơi mỗi khác, nhưng không ngoài hai thứ: một là kiểu mẫu không đồng, hai là màu sắc không đồng. Y phục của Quốc độ này (Trung Quốc) là áo tay rộng, chuộng cả năm màu. Y phục của Thiên Trúc giống như y phục của Phạm Thiên, sắc đồng với năm màu, nhưng phần nhiều chuộng màu trắng. Pháp phục của người xuất gia đắp mặc, đều phải cắt thành nhiều miếng nhỏ chắp vá lại rồi nhuộm màu hoại sắc, nên nói pháp phục của người xuất gia phải khác y phục của người thế tục. Kinh điển chưa từng nói đến việc Bồ Tát tại gia đắp y, có những ông thầy không hiểu rõ ý chỉ kinh luật, không phân biệt pháp chế giữa Tăng và tục, truyền năm giới cho nam nữ tại gia, cho họ đắp Ca sa ngũ điều của Tỳ kheo. Truyền giới Bồ Tát cho người tại gia, rồi cho họ đắp Tăng Già Lê 25 điều. Tăng tục hỗn tạp, thật trái với phép tắc của thánh nhân. Trong Thiên Tam Y Biện Hoặc của sám chủ Từ Vân đời Tống có ghi việc này rất rõ.

Kinh Ưu Bà Tắc Giới cho chứa ba y, nghĩa là khiến cho người cúng dường biết đó là y phước điền, là y phục ly nhiễm, thường niệm giải thoát để cầu xuất ly, chứ không phải để cho họ đắp mặc.

Tam Tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh đích thân du hành sang Tây Vực, tận mắt thấy chưa có Sa-di nào đắp y của Tỳ kheo, nếu có đắp mặc chỉ là lạm dụng thôi. Vì họ chưa vào hàng Tăng bảo, chưa có thể kham lãnh đắp mặc y phước điền. Nếu đắp mặc thì mang tội, mà thực ra người thế tục đâu thể làm ruộng phước cho trời người. Song Bồ Tát tại gia phải tùy thuận theo pháp lệnh nhà vua đã chế định, chỉ có thể nhuộm khiến cho hoại sắc, hoặc có thể tùy nghi đắp mặc, nhưng đặc biệt không được trang sức cầu kỳ, không nhuộm thì không phạm. Như y phục của vua, quan, bề tôi đều có chế định từng loại, nam nữ cũng thế, đâu được lẫn lộn, trắng đen không phân. Cho đến tọa cụ tất cả đồ dùng phải hoại sắc, nghĩa là Tỳ kheo trừ 3 y ra, còn tất cả y phục cho đến ngoại cụ đều nhuộm màu hoại sắc. *Ngọa cụ* chính là áo ngủ, màn, mũ dạ, nệm, v.v...

Như Lai quả viên hạnh mãn, chương nghiệp nhiều đời đã tịnh dứt, chẳng phải sức của người trời cho đến ma vương làm cản trở được.

Làm thân Phật chảy máu, như Đê Bà Đạt Đa xô đá đè Phật, đá rơi làm tổn thương chân Phật, đây là làm thân Phật chảy máu. Đời này tuy không có Phật, y vào pháp cũng cần học hỏi.

Cha mẹ có đại ân sanh thành dưỡng dục, Hòa thượng A Xà Lê có đức cả sanh ra giới thân huệ mạng.

Phá Yết Ma Tăng, “*Yết Ma*” Trung Hoa dịch là Tác Pháp biện sự, “*Tăng*” là một trong ba ngôi Tam bảo, số Tăng ít nhất là 8 vị Tỳ kheo. Trong một Đại giới chia 8 vị ấy ra làm 2, mỗi bộ 4 vị, tự làm Yết ma Bồ tát thuyết giới, thi hành việc Tăng, v.v... ấy gọi là “*Phá*”. (Chúng Tỳ kheo ni riêng tác pháp Yết Ma cũng vậy.)

Phá pháp Luân tạng, “*Luân*” gọi là Bát chánh đạo, ít nhất 9 vị Tỳ kheo, một vị tự xưng là Phật, ngoài ra chia làm 4 nhóm, nói kinh luật không có thứ lớp, trật tự, khiến cho người khác xa rời chánh kiến, tin tà kiến, đây không luận là Tạng chúng ở trong hay ngoài Đại giới, tất cả đều thuộc về tội phá Pháp Luân Tạng. Duy có Ni không thể phá, vì Ni tự thể đủ ngũ chướng, người ta không tin Ni thành Phật được. Hai thứ trên đây đều là Phá hòa hợp Tạng.

Thánh nhân, có Thánh nhân phạm phu và Thánh nhân Tiểu thừa, Thánh nhân Tiểu thừa là các vị đã chứng A La Hán.

Kinh Niết Bàn ghi rõ ba thứ sát, nghĩa là giết người đã chứng đắc quả vị A Na Hàm, thuộc về tội trung sát, không phải thượng sát nên không phải tội ngũ nghịch.

Đại thừa Bồ Tát có 3 điều lấy Giải và Hạnh làm trước, hoặc lấy Thất tâm làm trước (Tam hiền, Tứ gia hạnh) hoặc chỉ không khởi tâm Nhị thừa, đó là không thôi chuyển tâm Bồ Tát. Nếu giết những người đắc quả vị này đều phạm tội nghịch, nghĩa là trong tội Ba-la-di lại tăng thêm tội đại nghịch (tội vô đạo), tức là đem tâm hạ hại bậc thượng. Như bảy tội nghịch này, tùy theo hành động phạm một trong bảy tội ấy thì không đắc giới.

Tuy nhiên, bản nguyên tâm địa vẫn bình đẳng, không phân chia thánh phàm, thiện ác, mà chính những người này tự trái với bản nguyên tâm địa của họ, nên phải chìm đắm trong biển khổ sanh tử, tự hoại tâm địa kia, tiêu ma mầm Bồ đề, không phát được giới thể, thiện giới không sanh, nên nói *không đắc giới*.

Nếu có các bề tôi, Vương tử hay nô tỳ, v.v... xuất gia, lại hành theo lễ thể tục làm việc hầu hạ bề tôi và con bề tôi. Xét ra việc làm như thế là loạn đại đạo xuất thế. Nếu đã biết phép tắc xuất thế thì không nên theo lễ thể tục. Nếu có tâm tôn trọng cung kính Tâm địa đại giới, thì không luận là sang hèn hay thân sơ, chỉ cần hiểu được lời dạy của Pháp sư, ngay khi trao chánh giới Bồ Tát. Dù xa cách ngàn dặm mà đến cầu

pháp, thời tâm ân cần khẩn thiết ham mộ giới pháp, vị Pháp sư dạy người kia như pháp sám hối, rồi trao giới Bồ Tát cho họ. Nếu Pháp sư không trao giới ngay, hoặc do sân tâm hay ác tâm mà chống trái ý của người cầu pháp, hoặc có tâm mong cầu lợi dưỡng, để bán giới, thì phạm. Hoặc căn cơ người ấy chưa kham nổi giới pháp, hoặc chưa phát tâm thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh. Khởi niệm tự cao mong cầu lợi dưỡng, hoặc tâm họ chưa thành thật, chưa kiên cố, lại không sanh tưởng khó gặp. Như ngài Đàm Vô Sấm gắng sức đến gặp ngài Đạo Tấn. Ngài Đạo Tấn không trao ngay cho chánh giới. Thiện quyền của Đại sĩ phải quán sát căn cơ rồi mới giáo hóa, truyền trao chánh giới. Cả hai đều sanh nhiều công đức, đâu thể xem họ đồng với kẻ ác tâm sân tâm ?

Không lễ lạy vua chúa, thân thuộc, nghĩa là người xuất gia không áp dụng theo lễ nghi của người tại gia; tức xuất tục rồi thì không theo nghi thức của người thế tục. Vì xuất gia là con của Phật, là khách ngoài trần lao, dù chưa đắc đạo, nhưng đã là người trong ngôi Tam bảo, chân nhiếp ma quân, Đệ Thích quy y. Giả sử, nếu cung kính ngược lại thì Tăng bảo mất sự tôn ti. Một khi Tăng bảo đã khuyết, trời người đâu còn chỗ nương tựa. Người xuất gia cần phải tinh tấn hành đạo để đền đáp tứ ân, thay Quân vương, thân thích lễ kính Tam bảo, cầu Quốc thái dân an, đó là tận trung tận hiếu của người xuất gia và cũng là thể hiện đại lễ của người xuất gia đối với vua chúa và thân thích, đâu đồng với lễ giáo thế gian tiểu tiết, quỳ gối cung tay là trung hiếu ư ?

Trong Thuận Chánh Lý Luận ghi: “Vua trong nước là bậc Quân chủ, các vị Tỳ kheo không nên mong cầu lễ kính vì e sợ Vua tổn đức và yêu mạng.” Xưa Ưu Đà Diên vương nghe gian thần sàm tấu, bảo đuổi Tân Đầu Lô, vua thường đến hỏi han thăm viếng nhưng Ngài không đứng dậy nghinh tiếp, nên Vua sanh ác niệm nghĩ rằng: “Nay Ta đến, nếu ông ta không đứng dậy nghinh tiếp, Ta sẽ giết chết.” Khi ấy Tân Đầu Lô biết rõ ác niệm của nhà vua, khi vua đến, ngài liền suy nghĩ: “Nếu ta đứng dậy nhà vua sẽ mất phước và tổn đức, mất luôn ngôi vị. Nếu ta không đứng dậy nghinh tiếp, nhà vua sẽ giết ta, tội đó còn nặng hơn, ắt đọa địa ngục. Thà để cho nhà vua mất ngôi vị, chứ không để cho phải đọa địa ngục.” Ngài Tân Đầu Lô thấy vua đến liền đứng dậy nghinh

đón. Qua bảy ngày sau, nhà vua mất ngôi, bị Úy Thiên Quốc vương bắt cầm tù bảy năm.

Ngài Nam Sơn nói: “Từ khi dòng pháp chảy về Đông, ba phen bị xô dẹp, năm lần được phục hưng, đây không phải là thời đại tối tăm mà chính là do Quốc chủ bạo ngược, ban lệnh trái đạo đức, phép tắc của đất nước, trái với đạo lý luân thường, khiến cho sách sử chê trách. Sự lý trái ngược, quen lẽ lỗi xưa. Bởi vậy, bắt đầu từ niên hiệu Thành Đế năm thứ 6, đời Đông Tấn, Dữu Bãng phụ chính, vua còn nhỏ, vua ra chiếu chỉ khiến cho Tăng phải lễ bái. Khi ấy Thượng thư ra lệnh cho Hà Sung, Tạ Quảng, v.v...dâng kiến nghị và nói lễ bái không hợp cách. Qua lại ba phen, bàn luận mới dứt. Lại nữa, đầu niên hiệu An Đế, Thái Úy Hoàn Huyền, dâng thư buộc Tăng phải lạy lục. Thượng Thư Lệnh Hoàn Khiêm, Trung Thư Vương Mật, v.v... can rằng: “Nay Sa môn tuy trong lòng rất lễ kính, nhưng Bộ hạ không được theo hình dung buộc họ phải lạy mình.” Sự nghiệp giáo hóa của họ to lớn hơn quan lại, thú hướng của họ vượt ra các nước khác, bởi vậy vua các nước khác không ai chẳng lạy họ. Đó là vì đạo ở nơi quý trọng chứ không nhìn người rồi phân biệt coi trọng hay xem thường.

Hoàn Huyền lại gửi thư đến Pháp sư Huệ Viễn, Huệ Viễn liền soạn Sa Môn Bất Kính Vương Giả Luận gồm 5 thiên, từ đó việc này mới chấm dứt. An Đế khôi phục quốc chánh, sùng kính lại Phật giáo.

Ngụy Thái Vũ năm thứ 7, Đạo sĩ Khâu Khiêm, Tư đồ Thôi Hạo, hủy báng Phật pháp, Ngụy đế nghe theo, bèn ra lệnh diệt Phật pháp, chém giết Sa môn. Về sau, Ngụy đế gặp Sa môn Đàm Thi, lạy tạ sám hối. Ngụy đế bị bạo bệnh, nên ra lệnh giết cả nhà họ Thôi, chấn hưng lại Phật giáo. Từ khi nhà Tấn mất Trung Nguyên, đất nước chia thành 16 nước nhỏ, nhưng nơi nào cũng kính tin Phật pháp. Chỉ có lúc Hách Liên Bột Bột chiếm cứ Hạ Châu, bạo ngược vô cùng, lấy việc giết hại làm thú vui. Ông đeo tượng sau lưng, bắt Tăng lạy mình. Sau, ông bị sét đánh chết, chôn xong lại bị sét đánh phơi xác trên đất. Con ông ấy là Xương lên nối ngôi, phá thành Trường An, hủy diệt Phật pháp, hễ gặp Tăng là giết ngay. Sa môn Đàm Thi bị đao chém không đứt, nhân đó Xương mới hồi

tâm phản tỉnh, sau ông bị Bắc Triều, Hậu Ngụy tiêu diệt. Chu Vũ Đế ban đầu tin Phật pháp, sau nghe lời sàm tấu của Đạo sĩ Trương Tân và Vệ Nguyên Tung, muốn trừ diệt Phật giáo. Pháp sư Đạo An soạn Nhị Giáo Luận để phản đối, Chu Vũ Đế nổi giận diệt trừ cả Phật giáo lẫn Lão giáo. Không đầy 5 năm, Vũ Đế chết, đọa Đại địa ngục. Đường Tô Thái Vũ sa thải Phật giáo, Đạo giáo, buộc Tăng phải lễ lạy quân vương. Uy Tú, Đạo Tuyên dâng biểu cùng thư kiến nghị của trăm quan, ai nấy cho rằng không nên làm như vậy. Vũ Tông niên hiệu Hội Xương thứ 5, Đạo sĩ Lưu Huyền Tĩnh, Triệu Quy Chân, bài xích Phật giáo, đập phá chùa chiền. Những việc này có ghi đủ trong Quảng Hoằng Minh Tập và trong cuốn Bất Lễ Tục Sư Thư. Nay chỉ nêu sơ lược để biết bản phận của Tăng và tục.

Ta sợ rằng người xuất gia đòi mặt pháp, tâm ham danh lợi, tự hạ mình cam làm kẻ hèn mà không biết tự hổ thẹn, quỳ gối khoanh tay trước Vương hầu, hết lòng kính lễ hàng Công khanh, thật là ô nhục pháp môn, tổn thương chánh giáo.

Quý thần không lễ, như trong Thuận Chánh Lý Luận có ghi: “Chư thần còn không dám mong cầu các Phật tử Ưu Bà Tắc lễ kính.” Xưa kia, Bắc phương Đa Văn Thiên thỉnh ngài Mục Liên và ngài Xá Lợi Phất cùng 500 thánh Tăng đến cung Thiên vương thiết trai cúng dường, và bạch Tôn giả rằng: “Từ nay về sau, các vị xuất gia thọ giới, khi đến miếu của con, nên bố thí cho con lời kệ tụng, quyền thuộc của con thành tâm hộ trì chánh pháp, khiến cho đệ tử Phật, tại gia hay xuất gia, đối với tất cả thời thường không tâm nào hại.” Nếu ưa lễ kính thiên thần, thì cùng với ngoại đạo không khác, Thiên vương còn không kính lễ, huống gì các vị quý thần khác. Vì lễ Thiên tôn, khiến cho các hình tượng khác ngã nhào xuống đất.

Kinh Phương Đẳng chép: “Không được té lễ cầu quý thần, cũng không được khinh khi quý thần.”

Kinh Ưu Bà Tắc chép: “Nếu các Phật tử Ưu Bà Tắc vì làm nhà cửa, vì thân mạng, đến té lễ quý thần, thì không mất giới. Nếu chí tâm lễ quý

thần ngoại đạo, thì mất giới. Nhưng khi tế lễ cầu khẩn, không được sát hại sanh vật.”

Giới thứ 41

VÌ LỢI LÀM THẦY

Là Phật tử khi giáo hóa người phát khởi tín tâm với Tam bảo, Bồ Tát, làm thầy giáo giới cho người khác, thấy người ấy muốn thọ giới nên dạy họ thỉnh hai thầy: Hòa thượng và A Xà Lê, hai thầy nên hỏi người thọ giới rằng: “Ngươi có phạm tội thất nghịch chăng ?” Nếu hiện đời họ phạm tội thất nghịch, thì thầy không nên truyền giới Bồ Tát cho họ.

Nếu không phạm tội thất nghịch thì cho thọ giới, nếu người phạm 10 điều trọng, nên dạy người đó sám hối, nên ở trước tượng Phật và Bồ Tát ngày đêm sáu thời, tụng 10 giới trọng và 48 giới khinh, cho đến lễ ngàn Phật ba đời, chừng nào được thấy tướng hảo, từ một ngày, 7 ngày, 21 ngày, cho đến một năm, cần được thấy tướng hảo.

Tướng hảo, nghĩa là thấy Phật đến xoa đầu, thấy ánh quang minh, thấy hoa báu cùng các thứ tướng khác, thì tội liền diệt hết. Nếu không thấy tướng hảo, dầu có sám hối tội cũng không hết, người này hiện đời, dù thọ cũng không đắc giới, nhưng được tăng ích thọ giới. Nếu có phạm 48 điều giới khinh, thì phải đối thú sám hối, tội liền tiêu diệt, không đồng với tội thất nghịch, giới sư bèn răn nhắc. Trong pháp Bồ Tát này, mỗi mỗi phải hiểu rành.

Nếu làm giới sư mà không hiểu kinh luật Đại thừa, hoặc khinh hoặc trọng, tướng phải, tướng chẳng phải, không hiểu Đệ nhất Nghĩa đế, Tập chủng tánh, Trưởng dưỡng tánh, Tánh chủng tánh, Chánh pháp tánh, Quán hạnh đa thiểu, xuất nhập 10 chi thiên trong đó, tất cả pháp hạnh, mỗi mỗi ý của các pháp này phải hiểu rõ ràng. Nếu Bồ Tát vì lợi dưỡng, vì thanh danh, mà đem tâm ác cầu, đa cầu, ham lợi dưỡng và nhiều đệ tử, dối hiện tướng hiểu biết kinh luật Đại thừa.

Đây là tự dối gạt chính mình, cũng là dối gạt người khác, mà làm thầy trao giới cho người, thì phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Tự không thật hiểu vì tâm ham cầu danh dự, tự mình đã làm lại khiến người khác mê lầm không ít, dù có thật hiểu, nhưng tâm mưu đồ cúng dường, tự phá hư mình, khiến người phá hư, tội ấy chẳng phải nhỏ, thật chẳng phải oai nghi hóa đạo, thật trái với hạnh Bồ thí tài pháp. Nên kinh Hư Không Tạng ghi: “Thanh danh và lợi dưỡng, là gốc của các tội.”

Đại sĩ giáo hóa người khiến họ phát khởi từ tâm, để họ tin chắc là sẽ thành Phật, muốn cầu thọ Tâm địa đại giới, nên dạy cho họ phải thỉnh hai thầy, và hai thầy phải hỏi họ rằng: “Hiện đời người có phạm tội thất nghịch không ?” Thất nghịch là tội ngăn chướng Thánh đạo.

Nghịch là trái nghịch bốn nguyên tâm địa, vì thế không đắc giới. Nếu người chưa từng thọ giới, nghĩa là chưa giết hai sư (Hòa thượng và A Xà Lê). Nếu đã từng thọ tâm địa giới rồi, mà phạm 7 tội nghịch, thì không cho sám hối.

Nếu là Thanh văn, nay phát đại tâm, cầu thọ chánh giới, Thanh văn chỉ có Ngũ nghịch, không giết Sư cũng phải đem tội nghịch giết Sư để hỏi.

Đoạn kinh trước ghi: “*Chỉ thỉnh một thầy*”, nay nói “*hai thầy*”, cả hai đều đúng. Nhưng chưa thấy rõ văn thỉnh Sư, kinh Trì Địa và Anh Lạc “*chỉ thỉnh một thầy*”, nên ở trước tượng Phật và tượng Bồ Tát mà thọ. Sư truyền giới ngồi một bên, không được ngồi sau tượng Phật. Phạm khi làm thầy mô phạm, cần phải hiểu rành rẽ tất cả pháp thọ giới trong kinh luận. Song phương pháp nói về thọ giới trong bốn kinh này đã bị thất truyền từ lâu, nên dựa vào kinh Trì Địa và kinh Anh Lạc, phải tự tìm xét rõ ràng. Không nên tự mình làm thầy, khó tránh khỏi lỗi trái với giáo pháp, vì mình đã không biết, lại khiến cho người khác trọn đời không đắc giới.

Gần đây có hai ngài Hoài Tố và Trí Húc luật sư, đã soạn Luật Nghi Tập Yếu, phép tắc thọ giới rất là đơn giản và rõ ràng. Ngoài ra còn có phương pháp khai đạo sách tấn để phát tâm, nhưng phải xét căn cơ để thích nghi sách tấn.

Nếu người ấy có sai phạm 10 giới trọng, nghĩa là người đã từng thọ Tâm địa giới rồi, trong 10 trọng giới phạm bất cứ một giới nào, thì mắc tội.

Ngàn Phật ba đời, nghĩa là ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, mỗi mỗi đời đều có ngàn Phật (xem trong kinh Thiên Danh Phật). Nếu người sai phạm giới cấm này, chí thành tha thiết lễ Phật sám hối, thời hắc nghiệp phạm giới đã trừ diệt, giới thể lìa các chướng ngại ngăn che, không lầy nữa vẫn tự sáng, như mây tan thì trăng hiện, nên thấy ánh sáng. Tâm địa Bồ Tát cũng được khai phát, nên thấy hoa báu, các tội được tiêu diệt, mà đương thể tức Không chuyển thành Hằng sa tánh đức, nên thấy muôn ngàn tướng khác. Không tức là Chân Không thật tướng. Thật tướng thì không có tướng khác, chính là tướng tội đây. Nếu hành giả đạt được thực tướng này vốn không, thì không có tội nào mà không diệt, không có đức nào mà không hiện, đồng với Đại giác, ấy là Phật tử chân chánh. Bởi vậy, Phật đến xoa đầu. Hành giả nếu tâm không ân cần tha thiết cầu khẩn chí thành sám hối, thì không thấy được tướng hảo. Dù có sám mà tâm không thành khẩn thì tội không tiêu diệt, giới thể không hoàn bị, giới thiện do đâu mà sanh, nên nói *không lợi ích* là vậy.

Được tăng ích thọ giới, nghĩa là chẳng phải vĩnh viễn không lợi ích. Nay tuy không đắc giới, nhưng do năng lực sám hối, cũng được tăng trưởng lợi ích về sau. Vì về sau tâm ân cần tha thiết sám hối, ăn năn không gián đoạn, cầu cầu khẩn thiết đầu thành sám hối, thì tội cao như núi Thái cũng sụp đổ. Cứ thế sám hối từ một năm, hai năm, ba năm, khi nào thấy tướng hảo thì đắc giới. Đã thấy tướng hảo rồi thì nhân, duyên, tội đã diệt, chớ sanh tâm chấp đắm. Nếu để tâm chấp đắm vào tướng hảo, đó là tạo điều kiện thuận lợi cho ma khuấy phá. Nên kinh chép: “Nếu khởi tâm chấp đắm Thánh giải tức thọ các điều tà.”

Đối thú, nghĩa là người phạm tội khinh, thì chỉ cần đối trước một vị Tỳ kheo Bồ Tát, phát lồ sám hối, tội kia liền tiêu diệt, không cần thấy tướng hảo, vì không đồng với tội thất nghịch.

Trước tuy dạy người phạm tội thất nghịch sám hối, mà hiện đời dù thọ cũng không đắc giới, nay nói người phạm tội 10 giới trọng, thấy tướng tội diệt, tội khinh cầu đối thú sám liền trừ, nên nói *không đồng với tội thất nghịch*.

Mỗi mỗi phải hiểu rành, nghĩa là mỗi mỗi hiểu rõ, rành mạch. Đối với tội này, cho sám hối hay không cho sám hối, đắc giới hay không đắc giới, mỗi mỗi phải khéo hiểu rõ, mới có thể kham làm thầy người. Song pháp sám có ba cách:

1. Tác pháp sám
2. Thủ tướng sám
3. Vô sanh sám.

Tác pháp sám là người sai phạm phải chí thành khẩn thiết, ngày đêm sáu thời, cầu cho ba nghiệp được thanh tịnh, ở trước tượng Phật và Bồ Tát, trình bày phát lồ, tha thiết sám hối.

Thủ tướng sám là định tâm lắng lòng dứt vọng tưởng, lấy hiện tướng làm định kỳ. Ở trong đạo tràng thấy Phật đến xoa đầu, thấy hào quang, thấy hoa báu, hoặc ở trong mộng thấy các thứ tướng hảo, đối với các tướng đây, tùy thấy một trong các tướng nào, thì tội liền tiêu diệt.

Vô sanh sám là tất cả nghiệp tội đều do tâm điên đảo hư vọng mà sanh khởi, biết rõ tâm mình vốn không sanh, tội phước vốn vô chủ, quán sát thật tướng của nghiệp, thấy cội nguồn của tội, pháp giới viên dung, chơn như thanh tịnh. Nên kinh chép: “Nếu muốn sám hối, phải ngồi cho trang nghiêm ngay ngắn, niệm thật tướng, các tội như sương móc, mặt trời trí tuệ hay phá trừ, chính là nghĩa đó.”

Hỏi: Thật tướng vô tướng, niệm như thế nào ?

Đáp: Dùng Vô niệm để niệm, niệm tướng Vô tướng, do tướng vô tướng, nên niệm vô tướng niệm. Nếu niệm ngoài thì riêng có Thật tướng, ngoài Thật tướng riêng có niệm, chính là chẳng phải niệm Thật tướng.

Tác pháp sám hối có thể diệt được tội vi phạm giới luật. *Thủ tướng sám* hay diệt được tánh tội. *Vô sanh sám* hay diệt được tội vô minh phiền não.

Pháp sám hối tuy có ba cách, nhưng cũng không ngoài sự lý. Hai pháp trước thuộc về sự, còn pháp sau thuộc về lý.

Luận Chỉ Quán ghi: “Sự sám là sám Khổ đạo Nghiệp đạo. Lý sám là sám vô minh phiền não đạo.” Kinh Kim Quang Minh cũng có ghi ba phương pháp sám hối đồng thời đề tu, trong đó Vô sanh sám là chính. Thứ hai là Trợ duyên sám, là Chánh hạnh và Trợ hạnh, như món ăn giá trị cao quý, chứng lý càng mau. Kinh này tuy không nói pháp vô sanh sám, mà phải hiểu là Đệ nhất Nghĩa đế là Vô sanh. Hoặc có tu hai pháp trợ đạo trước. Như ngài Nam Nhạc lập ra Hữu Tướng An Lạc Hạnh, không nhập tam muội, chỉ tụng kinh trì chú, cũng được thấy sắc tướng thượng diệu, chính là kinh này nói sáu thời lễ tụng ấy vậy. Ân cần tha thiết sám hối, được Phật đến xoa đầu, v.v... như thế pháp sám rất là vi tế, cần phải thừa hỏi mình Sư, học cách thức sám hối và pháp sám, mới có thể vào được đạo tràng, thực hành nghi thức kia. Ba thứ sám pháp này, kinh Luận Sớ đã ghi rõ, đây không thuật lại Giới thể sanh trở lại, ấy là sám Nghiệp đạo. Mắt, tai, các căn thanh tịnh ấy là sám Khổ đạo.

Tướng khinh trọng, thị phi nghĩa là tâm địa chánh giới này, nếu chỉ sai phạm mảy may cũng ô nhiễm bản tâm, đối thủ sám hối liền thanh tịnh nên gọi là *khinh*. Nếu sai phạm lỗi lớn thì liền mất giới, cần phải thấy được tướng hảo mới trừ dứt được tội, nên gọi là *trọng*. Ở đây nói khinh trọng cần phải biết rành mạch, phân tích rõ ràng, thế nào là phạm, thế nào là không phạm. Đó gọi là *khéo hiểu danh và tướng*.

Đệ nhất Nghĩa đế, là tâm địa giới này, thể của nó vắng lặng, chẳng phải trọng, chẳng phải khinh, nhưng khinh trọng rõ ràng. Tánh của nó rỗng

rang sáng suốt, không thị không phi, nhưng thị phi vẫn rõ ràng. Vượt khỏi Nhị biên, mà vẫn thường tịch, thường chiếu, hiển rõ lý Trung đạo, bất dứt suy nghĩ luận bàn, nên gọi là Đệ nhất Nghĩa đế. Đây gọi là khéo hiểu nghĩa lý của giới.

Nên Luận Đại Trí Độ ghi: “Bồ Tát hành trì nghĩa lý Đệ nhất Nghĩa đế của giới này, dùng Tuệ trung đạo, thể nhập tất cả pháp, không giới nào mà không đủ, ấy là cụ túc giới.”

Giới tướng nếu không hiểu, thì việc trì phạm làm sao thông suốt. Lý nếu không hiểu, thì làm sao biết Bản nguyên tâm địa giới. Trong sáu tánh này, *Tập chủng tánh* là Thập Trụ vị. Đồng Bảo Luân Bồ Tát, chính là Thập phát thú tâm ở trước. Ngôi vị Bồ Tát này, trước hết từ Thập tín mà thể nhập, nghiên tầm lý chân đế, để tu pháp Không quán, khai mở huệ nhãn, thành Nhứt Thiết trí, được vị Bất thối nên gọi là Trụ vị.

Trường dưỡng tánh, Tánh chủng tánh: Hai tánh này gồm chung với Thập hạnh vị. Ngân Bảo Luân Bồ Tát, chính là Thập trường dưỡng tâm trước đã nói, bậc Bồ Tát này từ Chơn đế nhập Tục đế làm việc lợi sanh, siêng năng tinh tấn tu pháp Giả quán trợ đạo, phân biệt chủng tánh sai biệt của mười cõi, để nuôi dưỡng Thánh thai, thấy rõ lý Tục đế, khai mở Pháp nhãn, thành Đạo chủng trí. Từ Thập trụ ở trước, phát Chơn ngộ Lý, từ đây tấn thú hướng thượng, nên gọi là Hạnh.

Bất khả hoại tánh, Đạo chủng tánh, hai tánh này gồm chung đối với Thập Hồi hướng vị. Kim Bảo Luân Bồ Tát, chính là Thập Kim cang tâm ở trước đã nói. Bồ Tát này tu Trung đạo quán, thi thiết vô công dụng đạo, hạnh nguyện và sự lý, thấy đều dung hòa, thể nhập vào biển pháp giới, để hồi sự hướng lý, cho đến hồi hướng năng tu và sở tu, trở về pháp giới. Thể tánh như kim cang, nên không bị hoại diệt. Bắt đầu từ chánh tu nên gọi là Đạo, về sau mong sanh Phật quả nên gọi là Chủng.

Chánh pháp tánh, cũng gọi là *Phật chủng tánh*. Tánh này thuộc về Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác vị. Từ Sơ địa đến Thập địa, dùng Trung đạo quán, dùng Trí đoạn Hoặc, rất là thâm sâu, mỗi địa mỗi địa đều phá một

phần Vô minh, hiển rõ một phần Tam đức, để thể nhập Thập địa, khai mở Phật nhãn thành Nhứt thiết Chúng trí gọi là Lưu Ly Bảo Luân Bồ Tát.

Xét trong kinh Anh Lạc, có thêm Đẳng giác tánh, Diệu giác tánh, do thâm nhập Trung đạo quán, thấu suốt vô thủy vô minh, cùng tận ngọn nguồn của nó, biết hết không còn ngăn mé, đoạn phần Vi tế vô minh sau cùng, rồi lên đỉnh núi Trung đạo, chia tay với cha mẹ vô minh, gọi là bậc Thượng sĩ, là Ma Ni Bảo Luân Bồ Tát, chính là Đẳng giác vị, cứu cánh giải thoát, tâm tự sáng rõ, rõ suốt các pháp, diệu trí soi suốt ngọn nguồn tâm thể, vô minh tập khí không còn, an nhiên không còn bị trói buộc, nên nói không còn Hoặc để đoạn, tịch mà thường chiếu. Thánh trong Thánh, gọi là bậc Vô thượng sĩ, ấy là Thủy Tinh Bảo Luân Bồ Tát, chính là Diệu giác cực quả Phật vị. Trong đây phần nhiều có chút quán hành xuất nhập, nghĩa là trong phần trước đã ghi, trải qua Tam Hiền, Thập Thánh vị, tùy theo người căn tánh lợi độn, chỗ áp dụng thiền quán không đồng, có chút phương tiện thiện xảo sai khác. Hàng lợi căn thì khéo dụng công ít, độn căn dụng nhiều phương tiện vụng về, tốn nhiều công phu ứng dụng các thứ Tam muội để xuất nhập, nên gọi là Quán hạnh.

Mười chi thiền, nghĩa là trong Tứ thiền, ngoài Trùng xuất, còn có mười chi:

1. Giác chi
2. Quán chi
3. Hỷ chi
4. Lạc chi
5. Nhứt tâm
6. Nội tĩnh
7. Xả chi
8. Niệm chi
9. Huệ chi
10. Bất khô, bất lạc.

Mười thứ này tuy là thiên thế gian, nhưng hay vào được giai vị Hiền Thánh. *Tất cả hành pháp* là tổng kết công hạnh tấn thú trong đoạn trước. *Tất cả pháp môn*, như các pháp quán hạnh này.

Kinh Anh Lạc Bồn Nghiệp nêu rõ. Trong mỗi pháp nếu không thấu rõ ý chỉ của nó, nếu chẳng phải tham lợi thì là ngu si, không biết mà làm thầy truyền giới cho người, thí như thầy thuốc tâm thường trị bệnh, ắt sẽ gây sự bất trắc cho người bệnh (chết hoặc bệnh thêm tăng). Cũng như người không thấy đường mà dắt người khác, làm sao tránh khỏi tai họa, chắc chắn phải sa vào hố sâu. Chỉ một chút danh lợi thôi, mà gây họa suốt đời. Tâm không được thấm nhuần giới pháp, coi thường, không biết gì, làm cho người khác mê lầm pháp thân huệ mạng, quả thật chẳng phải là việc nhỏ, nên đây cấm chung, không hiểu thì liền phạm.

Vì tâm cầu lợi dưỡng thanh danh, nên gọi là *ác cầu*. Tâm ham lợi không biết nhàm chán, ấy gọi là *đạ cầu*. Học theo sau thầy gọi là *đệ*. Sự hiểu biết từ thầy mà sanh gọi là *tử*. Trong không am tường ý chỉ kinh luật, không có hổ thẹn là *tự dối gạt mình*, ngoài không hổ thẹn với người khác là mình giả tướng hiểu biết để gạt người, ấy là *khi dối người khác*.

Giới thứ 18 ở trước là chỉ rõ do không biết mà làm thầy nên chế giới răn nhắc, giới này nói chung về vì lợi dưỡng nên phạm. Căn cứ đây thì biết, Thiên quán và Giáo lý gồm chung, không tâm tham lợi mà cao ngạo về danh, mới thích làm thầy và nhận làm thầy, nên không phạm. Không hiểu một câu, một kệ, một bộ luật nào mà làm thầy truyền trao giới cho người, mà không mắc tội hay sao ? Nên Nghĩa Sớ ghi: “Nếu nói về thầy ắt phải luận về Đức nghiệp thành tựu, ấy là Bồ Tát xuất gia, đầy đủ năm đức:

1. Trì giới
2. Mười hạ lạp (đối với Tăng), 12 hạ lạp (đối với Ni)
3. Hiểu rõ Luật tạng
4. Thông rành pháp Thiên định tư duy
5. Thấu rõ Tuệ tạng.”

Trì giới như Thập nguyện, Ngũ thế kiên cố.

Mười hạ lap, nghĩa là sau khi thọ cụ túc giới, trải qua 10 hạ lap. *Hiếu Luật tạng*, thời luật có Đại thừa, Tiểu thừa, tội có Tánh tội và Giá tội, Chỉ Tác Trì Phạm, giới có Đạo có Định, có Thế gian và Xuất thế gian, có Giải thoát và Biệt giải thoát, có 3 giới, 5 giới, 8 giới, 10 giới, có tại gia và xuất gia, có nam nữ khác biệt, có 250 giới và 348 giới, cho đến 500 giới, ba ngàn, tám vạn thật rộng lớn thay, như trong Đại Tạng. Tuy nói là vô tận, nhưng người làm thầy cần phải thông rành tất cả, mới có thể tránh khỏi những lỗi lầm sai phạm.

Thông suốt pháp Thiên định và Tư duy, là gọi chung của các pháp Thiên định Tam muội. Tất cả đều do Trì giới nhiếp tâm, vọng niệm liền ngưng tĩnh, phản chiếu rỗng rang, khéo hiểu xuất nhập, thấu rõ từng niệm trầm nổi, xa lìa các niệm hôn mê tán loạn.

Thấu rõ Tuệ tạng, nghĩa là bao hàm cả muôn pháp, thấu triệt ngọn nguồn của nó, quán nhiếp nghĩa kia, hoặc tâm hoặc cảnh, hoặc sự hoặc lý, thấu suốt nghĩa vi diệu, tùy theo căn cơ diễn thuyết, mà không ngăn ngại.

Phát Ân Luận ghi: “Năm đức này quý ở chỗ gồm đủ, hoặc cũng là đời mạt, người năm đức khó toàn, có người tuy giới lap chưa đủ nhưng có đức hạnh, cũng có thể làm thầy, còn hơn số người tuổi hạ cao mà không biết gì, không có thể dạy người khác.” Nếu người có Tuệ mà không có Định, dù có hiểu biết, không thể làm thầy được, còn hơn kẻ không chút thiên định, như dê câm, không thể thuyết pháp. Nếu không như vậy, kiến lập đàn tràng truyền trao giới pháp, nhất định trách nhiệm không phải nhỏ, hành theo lối vô tri, kẻ trao người thọ, đều không tránh khỏi tội lỗi, cần phải thận trọng !

Giới thứ 42

GIẢNG THUYẾT GIỚI CHO KẺ ÁC

Là Phật tử, không được vì lợi dưỡng mà ở trước người chưa thọ giới Bồ Tát hoặc kẻ ngoại đạo, ác nhân, kẻ tà kiến nói Đại giới của ngàn Phật này, ngoại trừ bậc Quốc vương. Bọn người ác không thọ Phật giới của Phật gọi là súc sanh, đời đời sanh ra không gặp được ngôi Tam bảo, chẳng khác gì gỗ đá vô tri, gọi đó là ngoại đạo, bọn người tà kiến chẳng khác gì cây cối, Bồ Tát ở trước bọn người ấy, thuyết giáo giới của bậc đức Phật thì phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Giới Sư mà không biết căn cơ để thích nghi thuyết giới, đó là không có mắt trí tuệ. Căn cơ và đạo lực người ấy chưa kham lãnh thọ giới pháp, trao giới cho họ khiến họ chẳng những không được lợi ích mà còn bị sa đọa. Trước vì họ giảng nói, sau thọ giới tâm lại coi nhẹ, chưa phát Đại tâm, nghe rồi sanh tâm hủy báng. Phạm người không lãnh nạp giới pháp Đại thừa, không chấp cái thấy biết thế gian, thì cũng trệ vào Tiểu thừa giáo, đều gọi là bọn người ác.

Ở trước bọn ngoại đạo, ác nhân, tà kiến mà thuyết giới, chẳng những không có lợi mà còn tự hại, thật là tiêu nha hột giống Bồ đề kia.

Thuyết, nghĩa là tụng thuyết, giải thuyết hoặc giải nói, hoặc vì họ trao giới, hoặc khi bố tát cho họ tham dự nghe thuyết giới. Nhưng Đại giới của ngàn Phật trên đây đã trao truyền, chẳng phải điều mà người chưa phát Bồ đề tâm cho đến ngoại đạo ác nhân kham lãnh, kham nghe được. Do họ chẳng phải là pháp khí, như sữa của sư tử, chẳng phải bình chứa đựng chất lưu ly, thì không có thể dung chứa được. Giả sử về sau nếu họ có tâm xả tà trở về chánh đạo, phát tâm rộng lớn, thì mới có thể vì họ mà nói.

Quốc vương là người được tất cả dân trong nước tôn trọng, Như Lai phó chúc: “Khiến cho ngoại hộ Tam bảo, nên giới của Đại thừa hay Tiểu thừa, Phật đều cho nói, còn ngoài ra tất cả mọi người không tin và người chưa thọ đại giới của ngàn Phật truyền trao, thì không được nói.”

Kinh Niết Bàn chép: “Xưa ngày 15, chúng Tăng bố tát có một đồng tử lén ở chỗ vắng, trộm nghe thuyết giới, vị thần Kim Cang lực sĩ, dùng chày đập nát thân đồng tử như tro bụi.” Phải biết làm thầy không thể không cẩn thận và dè dặt. Vì không biết phân biệt thiện ác, tốt xấu, hiền hay ngu, nên ví như súc sanh. Không thọ Đại giới tâm của ngàn Phật hóa thân truyền trao, nên nói *mất hột giống Bồ đề*. Nên biết sanh ra ở nơi nào đều không gặp ngôi Tam bảo, tuy ở trong loài người nhưng không có tâm thú hướng đại đạo xuất thế, nên nói như gỗ đá vô tri, cứ mãi từ mê đến mê, sáu căn ngu đần, nên nói *như cây cối không khác*.

Tâm địa giới này, mặc dù ba đời chư Phật đồng nói, mà gần hơn nữa là từ Thất Phật truyền trao đến nay, chính là do thấy được sự thân thiết ấy, không thể không lựa chọn tự trọng, lại coi thường để vì hàng ngoại đạo và người chưa thọ giới pháp mà thậm chí khiến cho người khác bị tổn hại, lỗi ấy chẳng phải nhỏ.

Giới trước Phật chế để lựa chọn, giới này vì hạng người ác, chính là trong việc không biết lựa chọn, mà lựa chọn rõ ràng. Trước không lựa chọn, ấy là tâm từ bi phổ khắp, nay cần phải lựa chọn, là tiêu biểu đầy đủ trí nhãn và huệ nhãn, nên cẩn thận không thể để vướng vào lỗi không lựa chọn mà vọng trao Đại giới tâm địa cho kẻ ác và ngu si được. Ngược lại cho rằng mình từ bi, khiến cho họ gieo hạt giống lành, dù họ không sanh tâm hủy báng, nhưng vô tâm học tập giới pháp, không biết pháp Khai, Giá, Trì, Phạm của luật Phật dạy. Pháp Trì và Phạm đã mù mờ rồi, ắt phải sa đọa vào ba đường ác, thế thì gieo giống căn lành mà trái lại thành quả ác, trao giới như thế, chẳng phải là ngu si, cũng vì danh lợi.

Nếu thật như muốn cho người khác gieo căn lành thì nên dạy cho họ quy kính ngôi Tam bảo, đối với năm giới, quán sát xem họ có lãnh thọ được phần nào không, mới truyền trao cho họ, hoặc trao cho tám giới Bát quan trai, dạy họ phát nguyện hồi hướng để cầu vô thượng Bồ đề, đâu chẳng lợi ích hơn người trước đó ư ?

Giới thứ 43

KHÔNG TÂM HỒ THỆN THỌ NHẬN CỦA CÚNG DƯỜNG

Là Phật tử, nếu có tín tâm xuất gia thọ chánh giới của Phật, cố ý móng tâm hủy phạm cấm giới, thì không được thọ nhận tất cả đồ cúng dường của đàn việt, cũng không được đi trên đất của Quốc vương, không được uống nước của Quốc vương.

Năm ngàn đại quý thường đứng ở trước người đó mà bảo rằng: “Người là kẻ đại giặc”. Nếu người ấy đi vào phòng xá, thành ấp, nhà cửa, quý lại thường chà quét dấu chân người ấy, tất cả người đời đều mắng nhiếc người ấy và bảo rằng: “Kẻ giặc trong Phật pháp”. Tất cả chúng sanh không muốn thấy người đó, người phạm giới khác gì súc sanh và cây cối, nếu cố hủy phạm chánh giới thì phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Tự thân mình đã mang tội thì phước đâu mà cứu mang người khác, không tha thiết ân cần sám hối, ấy là người không tâm hồ thiện, lạm dụng thọ của tín thí, tự tổn mình và gây tổn cho người, tội ấy lẽ đâu nhẹ ư ? Đã đầy đủ lòng tin Tam bảo để xuất gia học đạo, lẽ đâu lại cố ý sai phạm, phá chánh giới của Phật ư ? Đất và nước của Quốc vương vốn để cấp thí cho người lành trong nước, nếu tu hành mà hủy phạm cấm giới thì giới đức đâu còn, nên đất tuy lớn mà cũng không có chỗ cho kẻ phạm giới để chân. Nước tuy tràn ngập sông, mà kẻ phá giới uống một giọt cũng khó tiêu, huống gì của đàn việt tín thí, tứ sự cúng dường, vật của mười phương thường trụ Tăng, làm sao kham lãnh thọ nhận được ?

Giả như phạm tội khinh cầu phải mau như pháp sám hối, mới tiêu của tín thí. Đại Luận ghi: “Bồ Tát đầy đủ 500 giới pháp. Phải biết 48 giới pháp này, chính là căn bản của giới. Nếu hành giả nào nghiêm trì giới luật thì có 5000 Thiện thần ủng hộ, nếu sai phạm thì có 5000 đại quý theo bên mình.” Cũng như địa vị cao quý ở thế gian, thì có tội tở, xe

ngựa, tùy tùng theo ủng hộ, một khi sai phạm pháp luật nhà vua cũng bị gông cùm xiềng xích như dân thường. Đây chính là phân rõ con đường thiện ác, vốn tự rõ ràng, ngăn người sai phạm giới luật trước là không cho đi trên đất của Quốc vương và bảo đó là đại giặc, vì họ làm khuyết phạm Đại giới của ngàn Phật.

Chà quét râu chân, nghĩa là người hủy giới không có thể thăng hoa, như rùa kéo đuôi, làm ô uê phòng nhà, đường xá.

Kẻ giặc trong Phật pháp, ý nói người tu hành đã sai phạm giới luật mà không biết hổ thẹn ở trong Phật pháp, trộm mặc y pháp Phật, trộm món ăn trong Phật pháp, làm hại Phật pháp, nên gọi đó là giặc. Còn người trì giới giữ gìn oai nghi cấm giới đều được mọi người chiêm ngưỡng, người phạm giới thì diện mạo suy hao, chúng sanh không ưa thấy.

Không biết pháp Trì, pháp Phạm thì nào khác gì chúng sanh. Thân không có giới thể thì đâu có khác gì gỗ, đá, thế thì sống có lợi ích gì. Phước đức ngày càng tiêu mòn, sau khi chết đọa vào địa ngục A tỳ, hết kiếp cũng không ra khỏi. Vì đã phạm giới này, y vào chỗ sai phạm mà kết tội, không chịu như pháp mà sám hối, không tâm hổ thẹn đối thọ của đàn việt thí chủ cúng dường, nên phạm tội khinh cầu.

Nói, *5000 quỷ thần ủng hộ*: 1 giới, trời Đê Thích sai 10 vị thần ủng hộ người trì giới, vì 500 giới nên có 5000 thiện thần. Nhưng thân người có hai vai, tự có thần ủng hộ, cùng với thân đồng sanh, tuy thường ủng hộ người, ắt phải nhờ vào lòng kiên cố. Có thần thủ hộ thì mạnh mẽ, giới nếu không kiên cố, thì người thủ hộ khiếp sợ mà thần được sai ủng hộ lẽ đâu không trở về cõi trời, 5000 đại quỷ lẽ đâu không đứng trước người kia ư ?

Giới thứ 44

KHÔNG CÚNG DƯỜNG KINH ĐIỂN

Là Phật tử, thường phải nhất tâm thọ trì đọc tụng kinh luật Đại thừa, lột da làm giấy, chích máu làm mực, lấy tủy làm nước, chẻ xương làm viết, biên chép kinh giáo của Phật; lột vỏ cây làm giấy để biên chép kinh luật, dùng vàng bạc cùng hương hoa vô giá và tất cả châu báu làm hộp, rương để đựng kinh luật. Nếu không y pháp để cúng dường kinh luật, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Cái thấy của bậc Tam Hiền phước trí nhị nghiêm đồng tu, là bồn hạnh của bậc Đại sĩ. Nếu không cúng dường thì mất tâm thượng cầu Phật đạo, nếu không biên chép kinh điển thì trái đạo hạ hóa chúng sanh.

Niệm niệm không gián đoạn gọi là Thường, tâm lìa tán loạn gọi là Nhứt, biểu trưng cho tâm chuyên cần dốc chí. Dùng da, máu, cốt, tủy để biên chép kinh luật, là biểu trưng vì pháp quên mình không tiếc thân mạng, dùng các thứ vật báu vô giá để làm túi đựng kinh điển giới luật, đó là trọng pháp khinh tài. Trong đây nêu rõ có 5 thứ:

1. Nhứt tâm thọ trì không quên
2. Đọc tụng rành rẽ
3. Đọc tụng rõ ràng khiến cho người nghe hiểu
4. Biên chép kinh điển để lưu thông
5. Cúng kính cúng dường

Năm thứ này trong tất cả kinh luật đều nêu, hoặc 5 hoặc 6, đều gọi là Pháp sư cả, nhưng *Khai* và *Hợp* có phần khác nhau. Như Pháp Hoa Văn Cú cũng nêu 5 thứ nhưng thiếu phần cúng dường:

1. Thọ trì
2. Đọc tụng
3. Tụng thuộc
4. Hiểu và giảng nói
5. Biên chép.

Bản kinh này tuy thiếu phần hiểu và giảng nói, song trong giới thứ 39 và 41 đã nêu phần hiểu và giảng nói, đó là mỗi mỗi giới phải khéo hiểu rành. Căn cứ vào Luận Trí Độ thì:

1. Tín lực gọi là Thọ
2. Niệm lực gọi là Trì
3. Xem văn gọi là Đọc
4. Không quên gọi là Tụng
5. Tuyên truyền gọi là Nói
6. Khó hiểu phải Hiểu.

Đây cũng thiếu phần cúng dường. Tất cả chư Phật do học Đại thừa kinh luật mà thành bậc Đẳng chánh giác, nên biết kinh luật, là Mẹ của chư Phật. Nếu không như pháp chí thành cúng dường, là khinh thường Mẹ ba đời chư Phật, đây gọi là bất hiếu nên mắc tội. Nói chung về thời xa xưa kỹ thuật chế tạo những công cụ cần thiết cho việc sử dụng rất hạn chế, chẳng hạn muốn ghi chép một vấn đề gì để lưu lại cho mai sau đều phải dùng vỏ cây, lá cây, thanh gỗ, bản gỗ, tre, v.v....Kinh điển của Phật cũng ghi vào lá cây, nên gọi là Bối điệp Tôn kinh. Trung Quốc làm giấy, bắt đầu từ đời Tiền Hán. Đến Hậu Hán, vào thời Hán Hòa Đế, Sái Kính Trọng dùng vỏ cây, vải rách, lưới làm giấy. Nay phần nhiều dùng tre, trúc, vỏ cây làm giấy, để biên chép kinh điển và lưu hành, đó là tài thí, pháp thí.

Kinh Tâm Địa Quán chép: “Pháp bảo có 4 thứ:

1. Giáo pháp
2. Lý pháp
3. Hạnh pháp
4. Quả pháp.”

Tất cả pháp Vô lậu hay phá trừ được vô minh phiền não nghiệp chướng, Thanh, Danh, Cú, Vãn, thì gọi là *Giáo pháp*. Các pháp Có và Không gọi là *Lý pháp*. Giới, Định, Huệ, Hạnh gọi là *Hành pháp*. Diệu quả vô vi gọi là *Quả pháp*. Bốn pháp này dẫn dắt chúng sanh ra khỏi biển sanh tử, đến bờ bên kia. Chư Phật tôn làm thầy, chính là Pháp bảo, vì sao như

vậy ? Vì ba đời chư Phật nương pháp tu hành, đoạn tất cả chương, chứng đắc Bồ đề, nhân đến đời vị lai luôn làm lợi ích chúng sanh, do nhân duyên ấy, nên ba đời Như Lai thường hay cúng dường các Ba-la-mật, pháp bảo vi diệu, hưởng gì tất cả chúng sanh trong 3 cõi, chưa được giải thoát mà không tôn kính pháp bảo vi diệu này ư ?

Xưa ta từng làm bậc nhân vương cầu pháp, vào hầm lửa lớn để cầu chánh pháp, vĩnh viễn được dứt khổ sanh tử, được chứng đắc quả vị Đại Bồ đề, thế nên nói pháp bảo hay phá trừ tất cả lao ngục sanh tử, cũng như kim cang, hay chiếu soi những chúng sanh mê ám, như mặt trời soi chiếu thế gian, cũng như bậc đạo sư dẫn qua con đường nguy hiểm, khéo dẫn dụ chúng sanh, đạt đến Bảo sở. Diệu pháp mà ba đời chư Phật nói ra, mâu nhiệm như vậy, phải là pháp khó suy nghĩ luận bàn.

Giới thứ 45

KHÔNG GIÁO HÓA CHÚNG SANH

Là Phật tử, thường phải khởi lòng từ bi. Nếu vào trong tất cả thành ấp, xóm làng, nhà cửa, khi thấy tất cả chúng sanh phải xưng lên rằng: “Chúng sanh các ông, tất cả nên thọ trì Tam quy, Ngũ giới, Thập giới.” Nếu thấy tất cả súc sanh như trâu, bò, chó, lợn, heo, dê, ...phải tâm niệm miệng nói: “Các người là loài súc sanh, cần nên phát tâm Bồ đề. Bồ Tát vào trong tất cả chỗ núi rừng, đồng nội, sông ngòi, phải khiến cho tất cả chúng sanh phát tâm Bồ đề.” Bồ Tát này, nếu không phát tâm giáo hóa chúng sanh thì phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Bồ Tát phải có tâm thương cầu hạ hóa mới gọi là Bồ Tát, nếu trái bản hạnh thì đâu gọi là Hạnh nguyện của bậc Đại sĩ.

Bồ Tát lấy việc độ sanh làm bản hoài, cho nên khởi tâm từ bi. Tâm này không được quên dù trong giây phút, cho nên gọi là Thường.

Tất cả chúng sanh, nghĩa là bao gồm hết thảy lục đạo. Nhưng Bồ Tát chưa được Thiên nhãn, ở trong thành ấp xóm làng nhà cửa, chưa dễ gì thấy Thiên thần, Tu la, Địa ngục, Ngạ quỷ, súc sanh. Những loài mà Bồ Tát thấy chỉ có con người và súc sanh mà thôi.

Nay trong văn này, là khiến cho người phát tâm, do loài người có cao, thấp, sang, hèn, nên nói *tất cả*.

Kế đó Bồ Tát khiến cho súc sanh phát tâm, sau nữa Bồ Tát vào nơi núi rừng, đồng ruộng, sông ngòi và nơi vắng vẻ, v.v... chính là nói đến qui thần. Trước phải dùng vô số phương tiện, giáo hóa khiến họ phát đại tín tâm, sau trao cho họ Tam qui và Thập giới.

Nếu trước không dạy họ phát tâm mà thuyết giới ngay, tức là trao giới cho người ác. Bởi vậy, khiến cho họ bỏ tà qui chánh, trước thọ Tam qui, nhờ lực hộ trì của Tam bảo, tội tam ác, bất nạn được tiêu diệt, rồi mới truyền trao Thập trọng Ba-la-đề-mộc-xoa chánh giới cho họ, làm cội gốc cho đạo Bồ đề. Nếu căn cứ Văn Thù Vấn kinh, Phật dạy khiến cho Bồ Tát phải thọ mười thiện pháp giống như văn trao mười giới cho Sa-di. Xét trong kinh Đại Tập, khiến họ thọ Thập thiện Đạo giới. Một là không sát sanh cho đến giới thứ mười là không tà kiến. Dem căn lành này hồi hướng về đạo Vô thượng Bồ đề. Người này tu mau chóng thành tựu viên mãn lục Ba-la-mật, ở nơi Tịnh độ mà thành Chánh giác. Căn cứ theo đây thì phải tùy theo căn cơ có khả năng kham lãnh giới pháp mới trao cho chánh giới.

Kinh Anh Lạc chép: “Pháp sư trước phải hiểu và giảng nói, khiến họ sanh tâm ưa thích, sau đó trao giới cho họ.”

Kinh Trì Địa chép: “Bồ Tát thấy chúng sanh tu theo tà pháp để cầu giải thoát, thì nên vì họ nói tám trai giới của bậc Hiền, Thánh, để đoạn dứt tà kiến cho họ. Nếu mình cầu giải thoát mà pháp tu không rốt ráo, truyền trao chút phương tiện, được kết quả trai giới lớn lao, ấy là Bồ Tát dùng chút phương tiện, phát khởi vô lượng căn lành.”

Là Bồ Tát nếu thấy tất cả chúng sanh, phải khởi tâm đại từ bi, nghĩ họ từ vô lượng kiếp đến nay, mê mất chơn tánh, vọng tạo Hoặc nghiệp, luôn phải chịu luân hồi khổ báo. Suy nghĩ thế rồi, Bồ Tát nói tiếp: “Súc sanh các ông phải cầu xuất ly chớ chịu khổ này một cách oan uổng, không bao giờ dứt.” Như thế khiến cho họ biết tên, biết khổ, tâm cầu giải thoát, quy hướng Đại sĩ, rồi sau dạy họ phát tâm Bồ đề. Tâm này chính là giác thể tròn sáng của Chư Phật, là bản nguyên tự tánh của chúng sanh. Người mê tâm này nên không phát tâm, phải luân hồi trong lục đạo, bị thiêu đốt trong ba đường ác, hết kiếp này sang kiếp khác không thôi. Nếu có thể phát khởi được tâm này, thì khai mở được giới thể tâm địa bản nguyên, Tam qui, Thập giới liền hiện tiền. Khi ấy Bồ Tát mới làm chứng minh, trao Tam qui và Thập giới tướng cho giới tử. Trước hết khiến cho người và súc sanh phát tâm, nay tùy phương tiện thấy mà khiến cho họ phát tâm, đủ thấy rõ tâm giáo hóa cùng khắp của bậc Đại sĩ, không nơi nào không đến, để làm lợi ích cho chúng sanh, niệm cứu độ không lúc nào lãng quên.

Tất cả chúng sanh, là chỉ cho trời, người, quỷ thần, địa ngục, cho đến cầm thú như: cá, rùa, côn trùng, v.v... chớ bảo rằng những loài đó yếu ớt vô tri, xả bỏ chúng mà không hóa độ. Hàm linh phần nhiều không mê giác tánh, như chim Anh Vũ, nghe pháp Tứ Đế được sanh thiên, thậm chí còn thành Bích Chi Phật quả. Di hâu dâng mật, cầu xin xuất gia thành đạo, chim nghe kinh được sanh về cõi trời Đao Lợi, nhận nghe pháp được sanh về cõi trời 33, cá trong ao nghe kệ được làm Thiên tử, Hải kinh nghe tên kinh mà thuyền khởi bị nạn. Các loài như thế, không thể nêu hết. Giả sử chúng sanh bất giác mê mất chơn tánh, song do pháp lực gia trì cũng khiến cho được lợi ích. Như ngài Xá Lợi nói Tam pháp ấn cho con chó bị nạn và rắn độc nghe, chúng nó đều được sanh vào gia đình giàu có, sau tu hành thành chánh quả. Chúng sanh ở địa ngục chỉ nghe Đề kinh, mà tất cả được ra khỏi hầm lửa.

Như Chơn ngôn chú thuật, con người đâu thể biết được, nhưng thọ trì thì sở nguyện được tùy tâm, nhẫn đến chú nguyện cây khô được sanh hoa trở lại. Vô tình còn như vậy, lẽ đâu hữu tình không lợi ích ư? Pháp từ

kim khẩu của Như Lai đã nói ra, một lời, một chữ, kẻ phàm tình, đâu có thể suy lường được.

Nên luật Phật chế Tỳ kheo phạm khi đến chỗ miếu, đền thờ thần, hoặc những chỗ như gốc cây, bên bờ nước, v.v... đều tụng kinh kệ. Nay Đại sĩ biết tất cả chúng sanh, đầy đủ giác tánh, nên phát tâm giáo hóa độ khắp không gián đoạn. Nếu không phát tâm như vậy, là trái với Đại nguyện của Bồ Tát, nên phạm tội khinh cầu.

Giới thứ 46

THUYẾT PHÁP KHÔNG ĐÚNG NHƯ PHÁP

Là Phật tử, thường phải phát tâm giáo hóa, khởi tâm Đại bi. Khi đến nhà đàn việt giàu sang, ở trước mọi người không được đứng nói pháp cho bạch y (tại gia) mà phải ở trước bạch y, ngồi ở tòa cao. Pháp sư Tỳ kheo không được đứng dưới đất, nói pháp cho bốn chúng. Khi nói pháp, Pháp sư phải ngồi tòa cao và dâng các thứ hương hoa cúng dường Pháp sư, còn tứ chúng nghe thì ngồi tòa thấp, như hiếu thuận Cha mẹ, kính thuận Sư trưởng, như Bà-la-môn thờ lửa, người thuyết pháp nếu không đúng như pháp nói, thì phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Pháp là mẹ của Chư Phật mà bậc Đại sĩ không tự trọng thì đâu có thể khiến cho người khác chí thành cung kính. Loài dã can còn biết tự tôn trọng, trộm trái cây cũng biết đó là phi pháp. Pháp sư Bồ Tát đâu có thể trái với phép thường được.

Do đầy đủ tâm Đại bi, thường vì chúng tại gia và xuất gia mà thuyết pháp. Nhưng khi thuyết pháp cần phải đúng như pháp, nếu không đúng như pháp kẻ nói và người nghe đều chuốc cái lỗi khinh thường pháp.

Quý nhơn, tức là quan lại. *Tất cả* tức là thứ dân. *Bạch y*, là người thê tục ưa mặc áo trắng. *Nên ở trước chúng*, nghĩa là không được ở sau lưng họ. *Tòa cao*, là ngồi tòa cao hơn thính chúng mà thuyết pháp. Thượng tọa là bậc thượng thủ trong chúng. Đây đều là lễ nghi tôn trọng pháp chứ chẳng phải là biểu tượng tượng tự cao ngã mạn. Nếu khai thị trong chốc lát, người nói người nghe cùng đứng thì không có lỗi.

Luật Bôn ghi: “Người ở tòa cao, mình ngồi dưới thấp, người ngồi mình đứng, người nằm mình ngồi đều không được nói pháp, trừ khi có bệnh thì không phạm.”

Trước nói chung cho những người Bạch y chưa thọ giới pháp, nay nói riêng cho bốn chúng tại gia xuất gia. Tòa cao hương hoa, là tứ chúng trọng pháp trọng người. Người nghe ngồi chỗ thấp, là biểu thị sự tôn ti khiêm kính, rồi lễ kính người trên.

Như hiếu thuận Cha mẹ, đó là lấy lễ của đệ tử tôn kính đối với thầy, như Bà-la-môn thờ lửa, đó là tà kiến ngoại đạo của nước Thiên Trúc.

Xưa ở thế giới này trong thời sơ kiếp, vị Thiên tử cõi trời Đao Lợi, muốn xem vườn cây, ao nước, v.v... ở Nam Diêm Phù Đề. Từ Thiên giới, Thiên tử xuống xem, rồi về lại cõi trời Đao Lợi, thân thể sáng rực như lửa. Người ngoại đạo ở trong rừng, từ xa nhìn thấy ánh quang rực rỡ, cho rằng người đời cúng dường lửa thì được sanh thiên. Cho nên mỗi ngày lúc mặt trời sắp lặn, họ bèn cùng nhau đốt đồng lửa lớn suốt đêm, rồi quì lạy hết sức cung kính, phụng thờ, nay mượn đó làm thí dụ. Kính thuận chánh pháp phải chí thành như Bà-la-môn thờ lửa.

Nếu không đúng như pháp mà thuyết, thì trái với nghi thức thuyết pháp chứ không phải ý nói không khéo thuyết pháp. Nếu pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp, thì thuộc về giới thứ 16 và nói pháp một cách điên đảo, lộn xộn như trong giới trước.

Giới thứ 47

CẤM CHẾ KHÔNG ĐÚNG PHÁP

Là Phật tử, những người đã có lòng tin thọ giới của Phật, hoặc Quốc vương, Vương tử, bá quan, bốn bộ đệ tử, tự ý mình thế lực cao quý, phá diệt giới luật Phật pháp, lập ra điều luật chế, hạn chế bốn bộ đệ tử của Phật không cho xuất gia hành đạo, cũng không cho lập hình tượng Phật và Bồ Tát, cùng tháp thờ và kinh luật. Lại lập ra chức quan Đồng lý, hạn chế tứ chúng và lập sổ sách ghi số Tăng. Tỳ kheo Bồ Tát đứng dưới đất, còn Bạch y ngồi tòa cao, làm nhiều việc phi pháp, như binh nô thờ chủ. Bồ Tát này đáng ra được mọi người cung kính cúng dường, mà trái lại bắt làm tay sai cho các quan chức, là phi pháp, phi luật. Nếu Quốc vương và bá quan có lòng tốt thọ giới của Phật chớ làm những tội phá Tam bảo ấy. Nếu cố làm, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Trái bốn nguyện mà làm càn, ý quyền thế mà làm bừa, cấm chế một cách phi pháp, phá hoại Tam bảo, tội ấy tày trời, đâu thể gọi là người có tâm tốt thọ chánh giới của Phật.

Những người đã có tín tâm thọ giới của Phật, là nêu chung người hạn chế và pháp hạn chế. Người hạn chế, tức là người chế ra pháp luật. Pháp hạn chế, tức là quan lại bị sai sử, cả hai đều mắc tội.

*Bốn bộ đệ tử, xét trong các kinh luật, bốn bộ đệ tử là: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di hoặc Sa-di, Sa-di ni. Căn cứ Nghĩa Sớ thì có Cư sĩ, nữ Cư sĩ. Nếu Tăng Ni đã xuất gia mà hoàn tục thì cũng liệt vào hai chúng tại gia, không cho xuất gia trở lại, nên nói *bất thính*.*

Hỏi: Vua, quan có thể chế ra pháp luật, lẽ đâu bốn bộ cũng có thể chế bốn bộ ư ?

Đáp: Nếu Cha mẹ, anh em, con cái cùng cấm chế phi pháp để ngăn chướng ngại, thì không cho.

Như kinh Phó Pháp Tạng ghi: “Tôn giả Xà Dạ Đa vào thành khát thực thấy một con quạ liền mỉm cười, đệ tử ngài liền hỏi vì sao ?” Ngài đáp: “Vào kiếp quá khứ, Ta muốn xuất gia, Cha mẹ không cho, cưỡng ép cưới vợ. Sau khi sanh được đứa con sáu tuổi, Ta lại muốn đi. Cha mẹ Ta dạy nó ôm chân Ta, khóc lóc thưa rằng: Nếu Cha bỏ con, con biết nương ai mà sống, trước hết cha hãy giết con, rồi sau Cha đi. Do đứa trẻ này, Ta không được xuất gia. Từ đó trải qua 91 kiếp, trôi lăn trong sáu nẻo, chưa từng được gặp Phật pháp. Nay Ta dùng đạo nhãn quán thấy con quạ này, chính là đứa con ngày trước của Ta, vì thương nó ngu si, ở mãi trong đường sanh tử, vì thế Ta mỉm cười.”

Nếu ngăn người xuất gia tội báo phải đọa vào ác đạo, sau sanh được làm người, đui mù không có mắt, cho nên người trí thấy người khác xuất gia, phải tùy hỷ tạo phương tiện cho họ thành tựu ý nguyện, chớ làm trở ngại họ.

Hơn nữa kinh Lão Nữ Nhân ghi: “Khi ấy có một bà lão nghèo, nghe Phật nói pháp, được tâm khai ý giải. Thấy thế, A Nan bạch Phật rằng: Bà lão này do trí tuệ gì mà được như vậy ? Phật đáp: Đó là mẹ Ta trong đời trước, lúc ta phát tâm tu đạo, A Nan lại hỏi: Vì sao mẹ Ngài nghèo cùng đến thế ? Phật đáp: Trong thời Phật Câu Lưu Tôn, Ta muốn làm Sa môn, mẹ Ta quá thương yêu con không cho Ta xuất gia, Ta buồn rầu cả ngày không ăn, do thế bà bị năm trăm đời phải nghèo cùng. Đời này mệnh chung, bà sẽ sanh vào cõi nước Phật Di Đà.”

Như Kinh đã nói, con cái làm chướng ngại Cha mẹ, Cha mẹ chướng ngại con cái, đều phải chịu báo như thế, huống gì vợ chồng, anh em, bạn bè làm chướng ngại cho nhau, tội sẽ như thế nào ? Nếu cản trở người khác không cho xuất gia là diệt mắt ngôi Tam bảo. Không cho kiến tạo hình tượng tháp thờ Phật, là diệt Phật bảo. Không cho biên chép ấn loát kinh luật là diệt Pháp bảo. Lập quan đồng lý, lập số bộ để hạn chế Tăng

chúng, lập sổ sách để ghi số Tăng, giống như thế tục, tức là quan lại quản lý Tăng.

Bạch y ngồi trên cao, Tỳ kheo đứng dưới đất, chẳng khác gì bọn binh nô thờ chủ. Bồ Tát là thầy mẫu mực của trời, người, giảng thuyết kinh pháp, giới luật, khiến cho mọi người sanh Diệu huệ, thọ nhận của cúng dường để gieo hạt giống phước điền cho thí chủ đàn việt, như con thờ Cha, như bề tôi tôn kính vua, mà trái lại tự hạ mình, làm tay sai cho các quan chức thực là phi pháp phi luật như thế sao?

Giả sử bị vua quan cưỡng bức, ép ngặt, thà rằng chịu chết để bảo tồn chánh pháp, chứ không nhẫn nhục phi pháp, phi luật, nở nào cầu sống để bại hoại pháp môn ư? *Chớ tạo tội phá Tam bảo như thế*, nghĩa là vua quan đã từng phát tâm tốt thọ chánh giới của Phật, lẽ ra phải hung, long ngôi Tam bảo, đem tâm hộ pháp mới không quên những lời dặn dò phó chúc của Đức Thế tôn trong hội Niết bàn, trên Linh sơn, nhưng trái lại tạo tội hủy diệt Tam bảo, không phải tội ngộ nghịch thì là cái gì?

Hỏi: Đã nói là nghịch, sao chỉ phạm tội khinh cầu?

Đáp: Vì vua quan còn ở tại gia, chưa kham nổi trọng giới, mắc tội kia chịu tội báo rất nặng.

Kinh Nhân Vương chép: “Phật bảo Vua Ba Tư Nặc, về sau đời ngũ trước ác thế, Quốc vương, Vương tử, Đại thần, tự ý mình cao quý, phá diệt giáo pháp của Ta, tự tung tự tác lập ra pháp chế phi pháp, không y vào lời Phật dạy, cấm chế đệ tử Ta không cho họ xuất gia, không cho dựng lập chùa tháp thờ Phật, lập ra quan đồng lý, lập ra sổ sách quản lý việc của Tăng. Tỳ kheo đứng dưới đất, Bạch y ngồi tòa cao.” Lại nói: “Đời vị lai, bốn bộ đệ tử Phật, Thái tử của các nước nhỏ chính là người hộ trì Tam bảo, trái lại hủy diệt Tam bảo thì chẳng khác nào trùng trong thân sư tử, ăn thịt của sư tử. Chẳng phải ngoại đạo phá diệt được pháp của Ta mà chính là đệ tử Ta phá hoại Phật pháp, mắc tội rất lớn. Chánh pháp suy vi, dân không hành thiện, trái lại ngày càng làm ác, tuổi thọ giảm dần, không còn những đứa con hiếu thảo, lục thân không hòa

thuận, thiên thần không giúp đỡ, tật bệnh, ác quỷ ngày càng xâm nhập. Những chúng sanh như thế ấy, chết rồi đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.” Như kinh đã nói, rõ ràng đồng với pháp chế thời nay, người có tâm tốt thọ giới của Phật cần nên cẩn thận.

Giới thứ 48

PHÁ PHÁP

Nếu Phật tử đã do lòng tốt mà xuất gia, lại vì danh tiếng và tài lợi, giảng thuyết giới của Phật cho Quốc vương và các quan, làm các việc công trời các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, người thọ giới Bồ Tát như cách của ngục tù và binh nô, như trùng trong thân sư tử tự ăn thịt sư tử chứ chẳng phải trùng ở ngoài vào ăn được. Cũng thế, các Phật tử tự hủy phá Phật pháp, chẳng phải ngoại đạo hay thiên ma phá được. Người đã thọ giới của Phật, nên hộ trì giới luật như ấp yêu con một, như kính thờ Cha mẹ, không được hủy phá.

Người Phật tử, khi nghe ngoại đạo hoặc người ác dùng lời xấu hủy báng giới pháp của Phật, chẳng khác nào như ba trăm cây giáo nhọn đâm vào tim mình, hay cả ngàn lưỡi dao, cả vạn cây gậy đánh bổ vào thân mình. Thà tự cam chịu vào địa ngục cả trăm kiếp, chớ không muốn nghe lời hủy báng giới pháp của Phật, do bọn người ác xúc phạm, huống gì không có lòng hiếu thuận, tự mình hủy phá giới pháp của Phật, hay làm nhân duyên bảo người khác hủy phá. Nếu cố tâm phá giới pháp của Phật, thì Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Trước do tâm tốt xuất gia thọ chánh giới của Phật, nên được vua, quan tôn trọng, sau bị danh lợi lôi kéo làm mê hoặc, tự đánh mất tâm chí tốt đẹp. Trong tâm đã hủy khuyết giới thể, bên ngoài giả tuồng hiện tượng oai nghi, cho nên phạm nói ra lời nào, vua, quan cũng không ứng dụng lại khiến cho vua, quan trị phạt như thế gian, làm cho đệ tử không may

phải chịu tội, tay chân bị trói buộc, tù tội cầm cố, nên nói *như pháp ngục tù*. Hoặc vô lễ khinh rẻ, quở trách, nên nói *như pháp của binh nô*. Trong chúng chịu các thứ nhục hình, đâu có thể trong lòng nhẫn được, tuy không nghĩ đến tai ương đời sau, ngay hiện tại lẽ đâu lại không hổ thẹn ? Thế thì tại sao để những danh lợi tự bại hoại đức hạnh của mình, ý vào thế lực vua quan để bại hoại thiện tâm sẵn có, nương gá vào Phật pháp cầu lợi, mà không nghĩ đến việc báo ân, trái lại còn gia hại Phật pháp, phá hoại pháp môn ? Đó gọi là “*ác ma Tỳ kheo*”.

Trùng trong thân sư tử, sư tử là vua trong các loài thú, vì không có cầm thú nào ăn thịt được sư tử, chỉ có trùng trong thân sư tử mới ăn được thịt sư tử, chẳng phải trùng ở ngoài ăn được. Chánh pháp của Như Lai, Thiên ma còn phải lắng nghe, ngoại đạo còn phải quy hướng, nên không thể phá hoại được, chỉ có người xuất gia ở trong Phật pháp, không y theo giáo pháp của Phật, đó chính là nguyên nhân phá hoại Phật pháp. Nếu năm chúng xuất gia có lỗi, phải dùng pháp luật của Phật trị phạt, hoặc khiến cho người sai phạm biết hối lỗi, thành tâm lễ sám, hoặc tác pháp yết ma như tẩn xuất, v.v... lẽ nào lại đem pháp luật thế gian để lăng nhục, khiến cho vua quan tôn phước, thiện thần tránh xa, thế thì chẳng những chỉ Phật pháp mà còn khiến cho đất nước khởi nạn. Trong kinh vẫn nói rõ, lẽ nào lại không sợ ?

Pháp thân nhờ giới thanh tịnh mà hiển lộ, bốn nguyện độ sanh nhờ giới mà thành, nên phải hộ giới như lòng thương yêu Cha mẹ dành cho đứa con. Niệm niệm để lòng, cũng như con thờ kính Cha mẹ, mỗi việc không bao giờ trái nghịch, tâm từ thừa sự kính giới như thế, sẽ không có tâm hủy phá giới pháp của Phật.

Bồ Tát đã nguyện thà chịu ba trăm muôn kiếp bị đao trượng đâm vào thân thể chịu khổ thống thiết, cũng không chịu nghe một lời hủy báng giới pháp của Phật. Vì sao ? Vì tuy bị trăm ngàn nỗi thống khổ, chỉ khổ một thân ta mà thôi, còn nghe tiếng phỉ báng phá hoại chánh pháp, hoại pháp thân Phật, khiến cho vô lượng chúng sanh mất tín tâm, phải chìm đắm trong biển khổ, không được giải thoát, theo kẻ hủy báng, mãi đọa trong địa ngục A tỳ. Nghe hủy báng còn như vậy huống gì tự mình phá

hoại Phật pháp, lại khiến cho vua quan tạo nhân duyên phá hoại Phật pháp, xử trị lăng nhục Tăng chúng, tự mình đã không biết hộ trì Phật pháp, mà trái lại còn gây việc phá pháp, do mắc tội ngộ nghịch với Tam bảo, không tâm hiếu thuận, nên mắc tội.

Kinh Đại Tập chép; “Phật bảo nếu có chúng sanh nào, vì tin ưa giáo pháp của ta mà xuất gia học đạo tu hành, cạo tóc, mặc áo Ca sa, dù không trì cấm giới, nhưng họ đã được ấn chứng Niết bàn.” Nếu đem tâm phỉ pháp mà náo loạn, khen chê hủy nhục, dùng tay chân đánh đập, trói buộc hoặc đoạt lấy y bát và vật dụng tùy thân, thì người này phá hoại chơn thật báo thân ba đời chư Phật, móc lấy con mắt của trời, người. Khi ấy trời Đại Phạm Thiên Vương bạch Phật rằng: “Nếu người ngưỡng mộ Phật pháp xuất gia đắp mặc Ca sa, không thọ giới pháp hoặc thọ rồi lại hủy phạm, Quốc vương nước đó, đánh đập, trói buộc nhục mạ khiến họ náo loạn thì người đó mắc bao nhiêu tội ?” Phật bảo: “Này Đại Phạm Thiên vương, Ta nay sẽ vì ông lược nói, nếu có người nào đã ở nơi muôn ức Phật, làm thân Phật bị thương, chảy máu, ý ông nghĩ như thế nào, người này mắc tội nhiều hay ít ?” Đại Phạm Thiên Vương bạch Phật rằng: “Giả sử có người chỉ làm thân Phật chảy máu, mắc tội vô gián, tội vô lượng không thể tính kể, còn phải đọa trong địa ngục Đại A tỳ, huống gì làm cho muôn ức thân Phật chảy máu, trọn không thể nói cho hết tội báo của người kia, chỉ trừ đức Như Lai mới có thể nói hết được.” Phật bảo: “Nếu có người nào náo loạn, mắng nhiếc hủy nhục chỉ một chút hay thời gian chốc lát đối với người cạo tóc, đắp mặc Ca sa, người đó không thọ giới hoặc thọ giới lại hủy phạm, còn mắc tội nhiều gấp bội người kia, vì sao ? Vì người này còn có thể vì trời, người, chỉ bày đạo Niết Bàn, vì người này đã ở trong Tam bảo, tâm đã kính tin, hơn tất cả 96 thứ ngoại đạo. Người ấy ắt sẽ mau vào cõi Niết bàn, hơn tất cả người thế tục tại gia, chỉ trừ tại gia được pháp Nhẫn. Thế nên trời, người phải cúng dường, huống gì người hay giữ gìn cấm giới không sai phạm, ba nghiệp được tương ưng. Nếu có vua quan thấy người ở trong Phật pháp xuất gia, tạo tội rất nặng, chỉ đuổi ra khỏi nước, không được đánh đập, trói buộc, huống gì người xuất gia trì giới.

Kinh Thập Luân chép: “Phật bảo: “Nếu có Tỳ kheo phá giới, như phá thân thể, máu mủ chảy tràn, thối thât thánh đạo, bị các phiền não, kiết sử làm bại hoại, vẫn có thể khai thị tất cả trời, người, phi nhân, v.v... vô lượng công đức, trân bảo phục tàng. Vì thế người xuất gia nếu trì giới hoặc phá giới, Ta đều không cho Quốc vương, đại thần tể quan, trách phạt, trị tội, trói buộc, đánh đập cho đến giết chết họ, huông gì người phạm chút oai nghi, hoặc tội khinh cầu. Tỳ kheo phá giới, tuy như người đã chết, nhưng năng lực của giới vẫn còn. Giống như con bò tuy chết, nhưng người ta vẫn lấy, vẫn có tác dụng có thể làm lợi ích tất cả chúng sanh. Tỳ kheo có hạnh ác tuy phạm cấm giới, nhưng năng lực của giới khác, cũng còn lợi ích vô lượng trời người. Thí như đốt hương, thể của hương tuy hoại, nhưng thấm vào vật khác khiến cho nó thơm. Tỳ kheo phá giới, cũng lại như thế, tự sa rớt vào đường ác, có thể khiến cho chúng sanh tăng trưởng căn lành. Do nhân duyên này, tất cả bạch y không nên xâm hủy, khinh miệt Tỳ kheo phá giới mà phải nên tôn trọng và thủ hộ.”

Kinh Tâm Địa Quán chép: “Có một loại Phước điền Tăng, đối với Xá Lợi của Phật và hình tượng, các pháp của Tăng, các giới Phật chế, tự mình sanh tâm tín kính, không có tà kiến, khiến cho người cũng vậy, hay tuyên dương chánh pháp, khen ngợi pháp Nhất thừa, tin chắc chắn nhân quả, thường phát nguyện lành. Tùy theo lỗi sai phạm, sám hối nghiệp chướng, phải biết người này, tín lực đối với Tam bảo, vượt hơn ngoại đạo, gấp trăm ngàn lần, cũng vượt hơn bốn loại Chuyển Luân Thánh Vương, huông gì các loại chúng sanh ư? Như hoa Uất kim, tuy đã khô héo vẫn còn hơn các loại hoa khác. Tỳ kheo chánh kiến cũng lại như thế, vượt hơn các chúng sanh gấp trăm ngàn muôn lần. Mặc dù cấm giới đã hủy nhưng không hoại chánh kiến, do nhân duyên này, nên gọi là Phước Điền Tăng. Nếu cúng dường Phước Điền Tăng ấy, thì phước đức cúng dường không thể cùng tận.

Kinh Đại Tập ghi: “Lúc bấy giờ tất cả trời, rồng, bát bộ, v.v...được tâm tín tăng thượng rồi bạch Phật rằng: Tất cả chúng con từ nay về sau xin hộ trì chánh pháp, nếu các bậc Quốc vương thấy người nào vì mền mộ Phật pháp mà xuất gia, thọ trì cấm giới, hoặc không thọ giới, hoặc thọ

rời phạm, những người như vậy, nếu bị đánh đập bằng roi, chúng con không hộ trì, vị Quốc vương ấy rời xa cõi nước kia, do vì rời xa nên khiến nước ấy có các thứ tật dịch, đói khát, binh đao đều khởi lên, mưa gió trái mùa, kéo dài hạn hán, tổn hại lúa mạ, khiến cho đệ tử xuất gia của Phật đều đi đến nước khác, khiến cho cõi nước đó không có ruộng phước. Nếu có đệ tử Phật xuất gia, chỉ đắp mặc một miếng Ca sa, nếu có các vị Tể quan dùng roi đánh đập người xuất gia, vua nước đó không ngăn cản và hộ trì, chúng con cũng sẽ ra khỏi nước đó.”

Hỏi: Thật như kinh Phật đã nói: “Trời, rồng, bát bộ còn ủng hộ Phật pháp như vậy, lẽ nào vua, quan lại không hộ trì ? Sao lại có những người nghèo cùng tránh nạn, lén vào trong pháp môn, không giữ giới pháp, mạo phạm Quốc pháp, can gián nhưng họ không nghe, đuổi cũng không đi, dùng kinh luật nội điển xử trị cũng không được, thì phải làm sao?”

Đáp: Nếu thật như có tội lớn ấy, điểm nhục Tam bảo, thà trừ một người để bảo tồn Tam bảo, không nên vì một người mà gây họa cho Tam bảo.

Như kinh Đại Tập chép: “Thà xả bỏ thân mạng để hộ trì vì Tỳ kheo như pháp, không ủng hộ ác Tỳ kheo. Vị vua này xả thân sẽ sanh về cõi Tịnh độ. Nếu theo người ác, vị Vua này trong vô lượng kiếp không được làm thân người, không trị phạt người ấy thì dứt một hột giống Tam bảo, đoạt mất con mắt huệ của chúng sanh. Tỳ kheo phạm tội cần phải trị phạt, hoặc không cùng nói chuyện, cùng ngồi chung, hoặc đuổi đến một nước, cho đến 4 nước. Nơi có Phật pháp, trị phạt các ác Tỳ kheo như thế, để cho các thiện Tỳ kheo được an vui thọ pháp, khiến cho Phật pháp được trụ lâu nơi đời, không bị hoại diệt.”

Trong kinh Niết Bàn, Phật nói: “Thí như Quốc vương, nếu có các quần thần sai phạm pháp luật nhà vua, tùy theo tội giết, không bỏ qua.” Pháp của Như Lai không như thế, đối với người hủy pháp, cho tát pháp Yết ma khu tản (đuổi đi) hoặc Yết ma quả trách, vì muốn cho người đó thấy các hạnh xấu, có báo quả. Tỳ kheo trì giới hộ trì chánh pháp, thấy người

phá hoại Phật pháp, có thể đuổi đi hoặc trị phạt nhẹ, phải biết người như thế được phước vô lượng không thể tính kể.

Kinh Thắng Man ghi: “Phật bảo hằng hà sa số vô lượng hạnh nguyện mà Bồ Tát vốn có, đều nằm trong một Đại nguyện. Nói hộ trì chánh pháp, nghĩa là Đại cảnh giới, nhấn đến thiếu tâm hộ trì chánh pháp, khiến cho ma Ba Tuần có dịp nhiễu loạn, Ta không thấy một pháp thiện nào có thể khiến ác ma sanh nhiễu loạn, mà chỉ có người thiếu tâm hộ trì chánh pháp thôi.

Xét trong Đường Thư, vào tháng 5 niên hiệu Hiên Khánh năm đầu, vua ra sắc lệnh cho Tăng Ni trong thiên hạ, nếu người nào vi phạm pháp luật thì đem luật của Tăng Ni ra trị phạt, không được đem luật trị nhân dân để áp dụng cho Tăng Ni. Đây thật là Thánh vương hiền thần, không quên lời dặn dò của Phật trên hội Linh Sơn. Vua tôi tôn trọng Tam bảo, hộ trì pháp môn như thế, ngược lại người xuất gia làm những việc phá pháp, thật là đại giặc trong Tăng chúng, là ác ma của pháp môn.

Trong Khế Kinh, Phật nói: “Người hủy phạm cấm giới, còn có thể vì chúng trời người chỉ bày cảnh giới Niết Bàn.” Nghĩa là người đó tuy bị phiền não ép ngặt nhưng khi hủy phạm giới cấm, không biết mình đã hủy phạm thường nói chánh pháp, khi biết ra ôm lòng xấu hổ, nên nói người đó đã ở trong Tam bảo, có tâm tín kính, lại còn biết khen ngợi pháp Nhất thừa, tin chắc lý nhân quả.

Nên trong Kinh Anh Lạc, Phật nói: “Xả giới nhưng không xả Đại nguyện, phá giới nhưng không phá chánh kiến, người này cuối cùng cũng trở lại thanh tịnh.”

Kinh Ưu Ba Ly Vấn Phật nói: “Bồ Tát trụ pháp Đại thừa, trong ngày chia làm 3 thời, nếu đầu ngày có phạm tội hủy phá giới cấm, mà giữa ngày không xả hạnh Nhứt Thiết Trí tâm, như thế Bồ Tát được đầy đủ giới uẩn. Nếu giữa ngày có phạm tội hủy phá, mà cuối ngày không xả Nhứt thiết Trí tâm, thì giới của Bồ Tát cũng lại đầy đủ.” Không giống với người thời nay, không có trí tuệ Bát nhã, nhưng tự cho rằng mình có

trí tuệ, thường tạo ác nghiệp, không sợ quả báo đời sau, bác không nhân quả, không tâm hổ thẹn như bọn tà kiến không khác.

Thời nay lại có kẻ đua tranh xem đất đai, nhà cửa chỗ ở, đích thân cầm tờ trạng đến nơi cung đình, khếp mình cầu xin, cam tâm quỳ gối. Nếu thắng thì vẫn hận trách người khác, còn thua thì chính mình chịu nhục, làm ô nhục chúng Tăng, lòng không chút xấu hổ, thế mà vẫn cho mình là người thọ nhận Đại giới của Bồ Tát, thật xấu hổ thay !

Chín giới như thế, cần nên học hết lòng kính trọng phụng trì.

3. *Tổng kết*

Này chư Phật tử ! Đây là 48 giới khinh, các ông phải thọ trì. Chư Bồ Tát quá khứ đã tụng, chư Bồ Tát vị lai sẽ tụng, chư Bồ Tát hiện tại đang tụng.

Giải thích:

Các đoạn trước đều khuyên thọ trì, đoạn này tổng kết, nêu chung việc đọc tụng của chư Bồ Tát trong ba đời để khuyên hành giả thọ trì. Có thể nói, Thế Tôn đại từ tâm dẫn đi dẫn lại, từ tâm giáo huấn không biết mỏi mệt. Chúng ta dù đập nát gân xương, chặt nhỏ thân mình cũng không đủ để báo đền ân Phật.

C. LƯU THÔNG

1. PHÓ CHÚC LƯU THÔNG

Chư Phật tử lắng nghe, 10 giới trọng và 48 giới khinh, ba đời chư Phật đã tụng, đang tụng, sẽ tụng, Ta nay cũng tụng như thế. Tất cả đại chúng các ông dù là Quốc vương, Vương tử, bá quan, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, tín nam, tín nữ, người thọ giới Bồ Tát, nên thọ trì đọc tụng giải nói, biên chép Phật tánh thường trú giới, lưu thông cho tất cả

chúng sanh trong ba đời, trao truyền, thuyết hóa không dứt, được thấy ngàn Phật, được ngàn Phật trao tay, đời đời không đọa vào bát nạn tam đồ, thường được sanh vào cõi trời, cõi người.

Nay Ta ở dưới cội Bồ đề, chỉ bày sơ lược giới pháp của bảy Phật, đại chúng các ông phải nhứt tâm học Ba-la-đề-mộc-xoa, hoan hỷ phụng hành, như trong phẩm Vô Tướng Thiên Vương khuyến học, mỗi mỗi rộng nói ba ngàn vị học sĩ, khi ngồi nghe, nghe Phật tự tụng, tâm tâm đảnh thọ, hoan hỷ phụng trì.

Lúc bấy giờ đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói phẩm Tâm Địa Pháp Môn, phẩm Thập Vô Tận Giới Pháp mà Phật Lô Xá Na đã diễn nói trong Thế giới Liên hoa Đài tạng xong, ngàn trăm ức Thích Ca cũng nói như thế.

Từ trong cung trời Ma Hê Thủ La, đến dưới cội Bồ đề này, có mười chỗ nói pháp. Tất cả Bồ Tát, bất khả thuyết đại chúng thọ trì, đọc tụng, giải nói nghĩa đó, cũng lại như thế. Ngàn trăm ức thế giới, thế giới Liên hoa Đài tạng, vì trần thế giới, tất cả Phật Tâm tạng, Địa tạng, Giới tạng, Vô lượng hạnh nguyện tạng, Nhân quả Phật tánh thường trụ tạng. Tất cả Phật như thế thuyết Vô lượng tất cả pháp tạng đã xong, trong ngàn trăm ức thế giới, tất cả chúng sanh thọ trì, hoan hỷ phụng hành. Nếu muốn hiểu rộng tướng tâm địa tướng, như trong phẩm Thất Hạnh Phật Hoa Quang Vương đã nói rõ.

Giải thích:

Đây là đức Như Lai Thích Ca dặn dò đại chúng Tăng tục tại tòa, khiến cho lưu thông giới pháp này. Vì 58 giới này là cội nguồn tâm địa của chư Phật, là nền tảng cội gốc để Bồ Tát và chúng sanh thành Phật, nên ba đời chư Phật và Phật hiện nay đều tụng. Các ông, tất cả đại chúng trong đại hội, người đã thọ trì giới cấm của Bồ Tát, hành 5 việc:

1. Thọ trì chớ quên mất
2. Đọc tụng cho thông suốt

3. Tụng rõ khiến cho người khác, bát bộ nghe được lợi ích.
4. Hiểu rõ, tỏ ngộ nghĩa lý, diễn nói cho tất cả mọi người
5. Biên chép lưu thông để làm lợi ích tất cả.

Đại sĩ trao tâm địa giới cho chúng sanh, khi giới tử được giới rồi, lại biên chép giới kinh này đem truyền trao cho tất cả chúng sanh. Khi các chúng này được giới rồi, cũng lại biên chép thêm ra, truyền trao cho chúng sanh mãi mãi đến vị lai. Như thế ba đời lại chuyển hóa, lần lần tiếp nối nhau, như đèn sáng liên tục không tắt. Đó chính là gánh vác pháp Phật ba đời, dẫn dụ khuyến hóa tất cả, như đốt đèn vô tận. Như vậy, tất cả chúng sanh trong ba đời y vào giới này tu hành, nên được thấy ngàn Phật bốn nguyên, được Phật trao tay, xoa đầu thọ ký, từ nay về sau không đọa vào ba đường ác, bát nạn, cho đến thành Đẳng chánh giác.

Phật tánh thường trú giới, giới này là tâm địa của Xá Na. Phật tánh thường trú bất biến, bất di, một khi thọ giới này, quyết đi đến thành Phật, không đồng với giới Thanh văn chỉ tu trong một đời.

Đời đời là lia khổ. Thường sanh là được vui. Do giới này, dứt trừ lỗi quấy của ba nghiệp thân, khẩu, ý, không đọa vào đường ác, sanh ra muôn pháp lành, nên thường sanh về cõi trời, cõi người. Phật tánh tâm địa đại giới này, nhân gồm thân cả biển quả, quả xuyên suốt cả nguồn nhân, ngay phạm thành thánh, thì đâu chỉ lia tâm ác đạo, sanh về cõi trời, người thôi sao ? Phải biết lúc Như Lai chưa xuất thế, người nước Thiên Trúc, phần nhiều tu, cầu sanh về cõi trời, Phật phương tiện tạm mượn phương thức này giáo hóa phạm như sơ cơ học đạo, chưa khế hợp tâm nguyên đại giới này, để cho họ ham mộ quả lành, phước báu ở cõi trời, để thú hưởng tiến tu thế thôi. Khi có tâm thú hưởng rồi thì họ sanh tâm nhằm chán cảnh khổ ở ác đạo, do đó Phật vì họ nói pháp.

Nay pháp hội đầu tiên Phật thuyết pháp, nếu chỉ ngay về cực quả, e rằng họ sanh tâm nghi hoặc, gây nên nạn trở ngại, thôi thất chánh giới, mất lợi ích lớn. Hoặc cho năng lực giới này không đọa ác đạo, thường sanh

vào thế gian ở cõi người, cõi trời gặp Phật, nghe pháp, mau chứng được quả vị bất thối.

Khai sơ lược, nghĩa là giới pháp của bảy Phật, không chỉ 58 giới, những giới mà nay nói, chỉ là nêu sơ lược giáo pháp của bảy Phật mà thôi.

Như chùng đầu sợi lông, là giúp cho người sơ cơ mới học dễ hiểu, dễ hoan hỷ phụng hành, như muốn biết sự và lý trong giới, ngay phẩm Vô Tướng Thiên Vương trong kinh này nói rõ.

Ba ngàn vị học sĩ, chưa vào ngôi Diệu giác, còn ở vị học Địa, nên gọi là *học sĩ*. Khi ấy đức Như Lai khuyến trăm ngàn vạn ức đại chúng, phải nhất tâm học. Ở trong pháp hội, ba ngàn vị đại Bồ Tát, nghe Phật tụng, nên hết lòng tôn trọng, đề đầu đánh lễ thọ trì. Đây cũng là nêu vấn đề học ở trước để nhiếp hóa các vị sơ cơ, trăm vạn ức người mới học.

Trước nói rõ thế giới một mặt trời, một mặt trăng, một đức Thích Ca Như Lai nói Giới pháp Tâm địa Thập Vô Tận của đức Xá Na Như Lai. Sau nói rõ trong thế giới có ngàn trăm ức mặt trời, mặt trăng, ngàn trăm ức Thích Ca Như Lai đều nói Giới pháp Tâm địa Thập Vô Tận của Xá Na, nên nói *cũng như thế*.

Nay chỉ nêu mười giới trọng, không nói 48 giới khinh, vì 10 giới này bao gồm hết thấy các giới, huông gì 48 giới, nên nói *Vô tận giới pháp*.

Trước nói rõ tâm địa giới, Thập vô tận giới, đức Lô Xá Na đã nói, ngàn trăm ức Phật Thích Ca cùng đồng nói.

Nay nói rõ mười trụ xứ nói các pháp môn. Đoạn sau tổng kết ngàn trăm ức Phật Thích Ca và tất cả Chư Phật, thuyết các pháp môn cũng giống như vậy.

Thế giới thì nhiều, không thể kể hết, nên lấy vi trần để thí dụ. Một hạt vi trần dụ một thế giới, nên nói thế giới nhiều như vi trần. Thế giới Liên hoa Đài tạng đầy đủ vô lượng vi trần thế giới. Như thế trăm ngàn ức thế

giới, vi trần thế giới, nói chung không ngoài một thế giới Liên hoa đài tạng. Trong thế giới như thế, tất cả chư Phật đầy đủ hàm tạng tâm bình đẳng, nên đồng thuyết chư tạng. Tạng có nghĩa là bao hàm.

1. *Nhứt tâm tạng*, chỉ cho Nhứt Chơn Như Tâm Thế, bao hàm cả hư không, đầy đủ muôn pháp, vô lượng diệu dụng, nên gọi là Tạng.
2. *Địa tạng*, vì tâm thế vốn không phân biệt, bình đẳng như đất, sanh ra vô lượng công đức lành, nên gọi là Tạng.
3. *Giới tạng*, tâm thế vốn không, nhưng đầy đủ vô lượng giới pháp, dung nạp vô lượng biến phước, nên gọi là Tạng.
4. *Hạnh nguyện tạng*, tâm làm việc lành gọi là Hạnh, tâm đã nguyện khắc kỳ thủ chứng gọi là Nguyện, biến hạnh vô biên, nguyện môn vô tận nên gọi là Tạng.
5. *Nhơn quả Phật tánh thường trụ tạng*, mới bắt đầu phát tâm tu gọi là Nhân, cuối cùng đạt sở chứng gọi là Quả, vậy thì nhân gồm thấu cả biến quả, quả xuyên suốt cả nguồn nhân, nhân quả tương dung chứng đắc pháp thân, nên gọi là Phật tánh. Pháp thân vốn tịch diệt vắng lặng thường trú, không biến hoại, không dời đổi, bao gồm pháp giới, thế đồng thái hư, nên gọi là Tạng.

Tâm tạng, Địa tạng, Giới tạng, rõ ràng chẳng phải Ba-la-đề-mộc-xoa của Tiểu thừa, mà chính là bản nguyên tâm địa chánh pháp giới của Bồ Tát vậy.

Tất cả chư Phật, chính là ngàn trăm muôn ức chư Phật trong thế giới của Liên hoa Đài tạng. Như vậy, vô lượng chư Phật diễn nói vô lượng Nhứt thiết pháp tạng. Vậy năm tạng đây bao gồm không còn sót, mà giới tạng là quan trọng nhất trong năm tạng. Hiểu được chỗ quan trọng này, thì đầy đủ muôn hạnh, Thánh quả tròn đầy, thế nên tất cả chư Phật ba đời đồng nói, tất cả chúng sanh trong ngàn trăm ức thế giới, đều tôn kính thọ trì, hoan hỷ phụng hành.

Tướng tâm địa tướng, tâm địa vốn vô tướng, mà giới có trì có phạm, đây là tướng của Tâm địa. Tướng có tướng chung, tướng riêng, 10 giới trọng là tướng chung, 48 giới khinh là tướng riêng. Tướng chung có vô lượng, tướng riêng cũng vô cùng, lớp lớp vô tận, giống như lưới châu của trời Đế Thích. Nếu muốn mở rộng tướng sự và lý của tâm địa này, thì ngay trong phẩm Thất Hạnh của kinh này nói rõ. Nhưng phẩm này, Quốc độ ta không có.

II. KẾT TỤNG HỒI HƯỚNG LƯU THÔNG

Kệ tụng này tuy chẳng phải là Phật nói, nhưng văn nghĩa thấy đều đầy đủ, hoặc do các bậc Hiền, Thánh cõi Tây Trúc để lại, hoặc là các bậc triết nhân phương này đặt ra, nhằm tán thán sự trì giới, khuyến học, độ sanh, phát nguyện hồi hướng. Như trong Tỳ Kheo Giới Bản, đầu tiên thuật lời tán tụng, phần kế nêu bày giới tướng, phần sau kết tụng hồi hướng, mới hợp với ba lần khai thỉnh. Nay thiếu phần tán tụng đầu tiên, vì bộ kinh này chẳng đủ cả quyển, chỉ có phẩm Thượng và phẩm Hạ

Kệ rằng:

*Đủ thấy Nhân Tuệ mạnh
Nay trì pháp như thế
Dù chưa thành Phật đạo
Được năm lợi ích lớn.*

Giải thích:

Mạnh ở đây là kiên cố, bền vững. Nhân chính là Sanh pháp nhân, Huệ là trí tuệ Bát nhã. Do sanh ra pháp nhân nên tâm chẳng động, dùng trí tuệ Bát nhã mà dứt trừ mê hoặc, chứng đắc chơn thật đế lý, để biết tâm địa đại giới này. Bởi vậy, chẳng phải ngu phu, Tiểu thừa trí tuệ nông cạn có thể kham thọ nổi, mà người trí thấu đạt, mới có thể thọ trì. Dù chưa thành Phật, nhưng người hay thọ trì giới pháp này thì nhất định sẽ thành Phật ở tương lai.

Nay tuy chưa thành Phật, nhưng trong thời gian đó, đời đời trước hết được năm thứ phước đức lợi ích của Phật.

***Một là Phật mười phương
Thương xót thường thủ hộ
Hai là lúc mệnh chung
Chánh kiến tâm hoan hỷ
Ba dù sanh ở đâu
Thường làm bạn Bồ Tát
Bốn là muôn công đức
Nhờ giới đều thành tựu
Năm từ nay về sau
Phước tuệ tánh giới đầy
Mới là con chư Phật.***

Giải thích:

1. Do giữ gìn kiên cố giới pháp tâm địa của chư Phật, nên được chư Phật thương tưởng, mãi niệm thường được thủ hộ, khiến cho họ an ổn tu hành đạo nghiệp, thành tựu tự hành, khiến cho không thối thất và không khiến cho ma chướng có dịp khuấy phá. Nên kinh Bát Nhã ghi: “Nhu Lai khéo hộ niệm chư Bồ Tát.”
2. Do tự mình đầy đủ chánh kiến, biết nhân quả thiện ác rõ ràng, nếu hủy giới cấm phải sa đọa vào đường ác, nên luôn sanh tâm lo sợ, trì giới thì được sanh về cõi Phật, nên tâm lúc nào cũng hoan hỷ. Tỳ Kheo Giới Bản ghi: “Nhu người tự soi gương đẹp xấu sanh vui buồn” ấy vậy.
3. Nghĩa là giới pháp này ba đời Bồ Tát cung kính tôn trọng mến mộ giữ gìn bảo hộ, đồng học, đồng thọ trì, đời đời kiếp kiếp bất cứ ở đâu thường được làm bậc Tam Hiền, Thập Thánh, được chư đại Bồ Tát dắt dẫn, cùng làm bạn hữu.

4. Nghĩa là thực hành pháp lục độ vạn hạnh, được vô lượng công đức, nếu có thể hành trì một giới trong giới phẩm này, thì các công đức khác thấy đều thành tựu.
5. Nghĩa là giới này là bốn nguyên giới của Phật tánh, tánh tự vốn thiện, thân nghiệp, khẩu nghiệp thanh tịnh, tự nhiên dứt ác, tự nhiên sanh thiện, dứt ác là tuệ, sanh thiện là phước, đời nay kiên trì giới cấm, thì phước đức trí tuệ tự nhiên tăng trưởng, đời sau phước trí đầy đủ (phước trí nhị nghiêm) thành tựu Phật quả, với hiệu là Lương Túc Tôn. Tất cả Phật tử từ giới này mà sanh, hiện tại hay thọ trì cấm giới, thì phước tuệ dần dần đầy đủ, đó mới là Phật tử chơn chánh, tiếp nối quả Phật ở tương lai.

*Người trí khéo nghĩ lường
Kẻ trước tướng chấp ngã
Không thể được pháp này
Người đốt thân thủ chứng (Nhị thừa)
Cũng không gieo giống được
Muôn nầy mầm Bồ đề
Trí tuệ soi thế gian
Phải nên quan sát kỹ
Thật tướng của các pháp
Không sanh cũng không diệt
Không Thường cũng không Đoạn
Chẳng đồng cũng chẳng khác
Chẳng đến cũng chẳng đi
Trong thể nhứt tâm ấy
Siêng tu tập trang nghiêm
Điều Bồ Tát phải làm
Là tuân tự học tập
Dù Học hay Vô học
Chớ móng tướng phân biệt
Đấy là Đệ nhất đạo*

***Cũng gọi pháp Đại thừa
Hết thấy lỗi hý luận
Đều từ đây dứt sạch
Vô thượng trí của Phật
Đều do đây mà thành.***

Giải thích:

Quyết định liễu tri gọi là Trí, tức là dùng trí tuệ Bát nhã quán sát, tư duy xét kỹ, biết rõ ngoại đạo phàm phu mê mất chơn tâm bản tánh, lầm chấp thần ngã, vọng chấp tứ đại làm tướng của mình, lục trần duyên ảnh làm tâm của mình, nên không phát sanh tâm địa giới pháp này.

Người đốt thân thủ chứng, hàng Nhị thừa đốt thân diệt trí, thủ chứng Niết bàn Thiên không, nên không gieo hạt giống Bồ đề. Nếu muốn tăng trưởng mầm đạo Bồ đề, tương lai thành chánh giác, phải dùng mặt trời trí tuệ chiếu phá thế gian, phá nhà si ám phiền não của chúng sanh, ngay trong lúc này, dùng trí tuệ Bát nhã quán chiếu thật tướng chân thật của tất cả pháp. Tất cả các pháp đều từ nhơn duyên sanh, duyên sanh thì không có tự tánh, ngay nơi thể tức Không. Không chính là Chân không. Chân không thì vô tướng, nên gọi là Thật tướng, chính là tâm thể bốn nguyên. Chân không thật tướng, không thuộc về thân tâm hữu vi, nên chẳng sanh chẳng diệt, không thuộc về Nhị biên, nên không có Đoạn, Thường, không rơi trong suy lường, nên chẳng phải một chẳng phải khác, vốn là động tĩnh, nên không có đến đi. Như vậy, các pháp chỉ là nhứt tâm. Bồ Tát muốn chứng đắc Tâm địa bản nguyên trang nghiêm này, phải từ tâm khởi dụng, dùng trí phương tiện chiếu rõ cảnh giới của tâm, cảnh giới tức là Thật tướng, nên nói *vắng lặng* mà *quán sát*.

Điều phải làm, nghĩa là Bồ Tát nên thứ lớp tập học giới, định, tuệ và tấn tu lục độ vạn hạnh. Không giới nào mà không trì, không Thiền nào mà không tu, không có chúng sanh nào mà không độ. Đó gọi là: “Trong cửa ngõ muôn hạnh, chẳng bỏ pháp nào cả” nên gọi là *Học*. Quán sát một niệm không sanh, trước và sau đều dứt, vạn pháp đều bật. Đó gọi là: “Trên đầu cây kim, chẳng lập mây trần” nên gọi là *Vô học*.

Nếu khởi niệm phân biệt, chính là tâm thức hữu vi, chẳng phải trí tuệ Bát nhã, tức không thể nhập Đệ nhất Trung đạo được.

Ma Ha Diễn, Trung Hoa dịch là Đại thừa, móng khởi niệm phân biệt tức là Có và Không của phạm phu, là Thiên kiến của Nhị thừa hữu vi, không phải Đại thừa Trung đạo, nếu thú nhập vào lý trung đạo, thì ác kiến hý luận, hoặc có, hoặc không, hoặc chẳng phải có, chẳng phải không, theo đây mà diệt.

Tát Bà Nhã, Trung Hoa dịch là Nhứt thiết trí tướng. Trong nhơn thì gọi là Bát nhã, tại quả thì gọi là Tát bà nhã, tức là Nhứt thiết trí của chư Phật. Chủng trí của chư Phật, đều do không khởi phân biệt, diệt các hý luận, vào thẳng lý Trung đạo, rồi lại lưu xuất ra diệu dụng.

***Vì thế các Phật tử
Phải phát tâm đồng mãnh
Nghiêm trì giới của Phật
Tròn sáng như minh châu
Chư Bồ Tát quá khứ
Đã từng học giới này
Hàng vị lai sẽ học
Người hiện tại đương học
Đây là đường Phật đi
Là điều Phật khen ngợi.***

Giải thích:

Vì thế, nghĩa là thừa văn trước, khởi lời sau, muốn chứng đắc Tát bà nhã của chư Phật thì phải phát tâm đồng mãnh, tinh tấn tu tập, giữ gìn kiên trì tịnh giới của chư Phật như giữ hạt minh châu. Nhưng thể của minh châu vốn tự thanh tịnh, sáng suốt, tròn đầy, bậc Đại sĩ trì giới nghiêm mật không để mảy may nhiễm ô nên Tịnh, không khuyết phạm nên Viên, si ám tối tâm phá hết nên Minh, đó là khéo hộ niệm hành trì.

Giới này Bồ Tát ba đời cùng hành trì mà chứng quả Đại Bồ đề, mười phương chư Phật đã cùng hành trì, để thú hưởng Niết bàn. Phật là Thánh trong Thánh, nên xưng Thánh chủ, Phật tử nên đồng mãnh tu hành như thế, hộ trì tịnh giới, nên được tất cả chư Phật đồng khen ngợi.

***Ta đã giảng giới xong
Hồi hướng cho chúng sanh
Đồng đến Nhứt thiết trí
Nguyện ai nghe pháp này
Đều được thành Phật đạo.***

Giải thích:

Ta là người sáng tác bài tụng tự xưng, nay người tụng giới cũng có thể tự xưng như vậy.

Tùy là không trái với văn kinh, Thuận là không trái với ý chỉ của giới, nghĩa là ta nay nói Tâm địa đại giới này, là vô lượng phước đức tích tụ, tâm không tham tiếc đem tất cả hồi hướng cho chúng sanh thấy đồng thú hưởng Nhứt thiết trí của Phật, không hướng đến tiểu quả nhân thiên Nhị thừa. Lại nguyện, ai được nghe giới pháp này, tất cả đều thành vô thượng đạo. Bởi từ giới này, một chữ, một lời đều từ Lô Xá Na tâm địa lưu xuất. Đây là bốn nguyên chư Phật, là cội gốc của Bồ đề, nên một khi ai được nghe giới pháp này rồi là hột giống thành Phật, lẽ đâu không thành Đẳng chánh giác ư?

Nhưng căn cơ có lợi, có độn, người tu có người tinh tấn, có người giải đãi, nên thành ra có mau có chậm, nếu được một niệm tương ứng, niệm trước không sanh, niệm sau đâu có mà diệt, chúng sanh và Phật không hai, xưa nay hợp nhứt, lẽ đâu lại có chậm có mau ư ?

MỤC LỤC

Lời giới thiệu

Lời nói đầu

Phần một: Giải Thích Đề Mục

- A. Giải thích đề kinh
- B. Giải thích tên người dịch

Phần hai: Giải thích Kinh văn

A. *Bài tựa riêng*

- I. Ba Phật truyền giáo
 - 1. *Phó chúc chung*
 - 2. *Phó chúc riêng*
 - 3. *Cúng dường Bốn Tôn*
- II. Hai Phật thuyết pháp
 - 1. *Phật trên ngàn hoa thuyết pháp*
 - 2. *Ngàn trăm ức Thích Ca nói pháp*
- III. Một Phật thuyết pháp
 - 1. *Mười nơi thuyết pháp*
 - 2. *Nhân duyên khởi giáo*
 - 3. *Giáng sanh không phải một*
 - 4. *Nói giới cho phàm phu*
- IV. Trùng tụng
- V. Kết giới

B. *Chánh tông*

- I. Mười giới trọng
 - 1. *Nêu chung*
 - 2. *Nêu riêng*
 - Giới thứ 1: Sát sanh
 - Giới thứ 2: Trộm cướp
 - Giới thứ 3: Dâm dục
 - Giới thứ 4: Vọng ngữ
 - Giới thứ 5: Bán rượu

- Giới thứ 6: Rao nói lỗi của bốn chúng
- Giới thứ 7: Tự khen mình chê người
- Giới thứ 8: Bỏ xén thêm máng đuôi
- Giới thứ 9: Giận hờn không chịu sám hối
- Giới thứ 10: Hủy báng Tam bảo

3. *Tổng kết*

II. Bốn mươi tám giới khinh

1. *Nêu chung*

2. *Nêu riêng*

- Giới thứ 1: Không kính Thầy, bạn
- Giới thứ 2: Uống rượu
- Giới thứ 3: Ăn thịt
- Giới thứ 4: Ăn ngũ vị tân
- Giới thứ 5: Không dạy người có tội sám hối
- Giới thứ 6: Không cung cấp thỉnh pháp
- Giới thứ 7: Giải đãi không nghe pháp
- Giới thứ 8: Trái với Đại thừa, hướng về Tiểu thừa.
- Giới thứ 9: Không chăm sóc người bệnh
- Giới thứ 10: Chứa khí cụ sát sanh
- Giới thứ 11: Đi sứ
- Giới thứ 12: Buôn bán phi pháp
- Giới thứ 13: Hủy báng
- Giới thứ 14: Phóng hỏa thiêu đốt
- Giới thứ 15: Dạy giáo lý ngoài Đại thừa
- Giới thứ 16: Vì lợi nói pháp lộn xộn
- Giới thứ 17: Cậy thế lực khuyên góp
- Giới thứ 18: Không hiểu mà làm thầy truyền giới
- Giới thứ 19: Nói lưỡi hai chiều
- Giới thứ 20: Không phóng sanh cứu vật
- Giới thứ 21: Đem sân hận báo thù sân hận, đem đánh trả đánh
- Giới thứ 22: Tâm kiêu mạn không thỉnh pháp
- Giới thứ 23: Khinh ngạo không tận tâm dạy
- Giới thứ 24: Không tu học Đại thừa
- Giới thứ 25: Trì chúng vụng về

- Giới thứ 26: Riêng thọ lợi dưỡng
- Giới thứ 27: Thọ biệt thỉnh
- Giới thứ 28: Biệt thỉnh Tăng
- Giới thứ 29: Tà mạng nuôi sống
- Giới thứ 30: Bất kính trong những ngày trai giới
- Giới thứ 31: Không mua chuộc
- Giới thứ 32: Tôn hại chúng sanh
- Giới thứ 33: Tà mạng giác quán
- Giới thứ 34: Tạm bỏ Bồ đề tâm
- Giới thứ 35: Không phát nguyện
- Giới thứ 36: Không phát thệ
- Giới thứ 37: Không được du hành nơi mạo hiểm, có nạn
- Giới thứ 38: Trái thứ lớp tôn ti
- Giới thứ 39: Không tu phước huệ
- Giới thứ 40: Không được lựa chọn thọ giới
- Giới thứ 41: Vì lợi làm thầy
- Giới thứ 42: Giảng thuyết giới cho kẻ ác
- Giới thứ 43: Không tâm hô thẹn, thọ nhận của cúng dường
- Giới thứ 44: Không cúng dường kinh điển
- Giới thứ 45: Không giáo hóa chúng sanh
- Giới thứ 46: Thuyết pháp không đúng như pháp
- Giới thứ 47: Cấm chế không đúng pháp
- Giới thứ 48: Phá pháp

3. Tổng kết

C. Lưu thông

- I. Phó chúc lưu thông
- II. Kết tụng hồi hướng lưu thông